

Chứng chỉ và văn bằng tốt nghiệp ở miền Nam trước 1975

Y Nguyễn Mai Trần

Posted: 04/09/2020 | **Author:** [maivantran](#) | **Filed under:** [Viet Nam](#) | **Tags:** [Bằng cấp trước 1975](#), [Chứng chỉ và bằng cấp trước 1975](#), [Giáo Dục miền Nam](#), [Giáo Dục thời Pháp thuộc](#) | 5 Comments

Bài viết sưu khảo này dựa vào những nhận thức và kinh nghiệm của người viết sinh ra trong thập kỷ 1940s thừa hưởng một nền giáo dục khai phóng ở miền Nam. Từ ngôi trường đơn sơ trong xóm nhỏ rồi bước sang ngưỡng cửa tiểu học, trung học, đại học trong suốt một quá trình dài 15 năm, trong mỗi giai đoạn đánh dấu bằng sự xét nghiệm với những mảnh bằng hay chứng chỉ tốt nghiệp mà các cơ quan giáo dục cấp phát. Với những chứng chỉ mảnh bằng ấy những người tốt nghiệp đã tham gia vào đời sống kinh tế, cộng đồng xã hội giáo dục một cách hiệu quả và thành công.

Bài viết sẽ không đề cập chuyên sâu về lịch sử, khía cạnh chính trị, triết lý và hệ thống tổ chức của nền giáo dục miền Nam (Thời Pháp thuộc cũng như thời Việt Nam Cộng Hòa) vì những khía cạnh này đã được đề cập đến từ khá nhiều tài liệu trên mạng cũng như sách vở.

Ngày 21/12/1917 Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut ký nghị định ban hành tổng quy chế nền học chính toàn cõi Đông Dương. Văn bản được xem như bộ luật giáo dục với mục tiêu thống nhất nền giáo dục bản xứ, tiến tới xóa bỏ nền giáo dục cũ.

Hệ thống Giáo Dục Pháp Cho Người Bản Xứ (Enseignement Franco-Indigène), thường được gọi là Giáo Dục Pháp-Việt được dựa vào hệ thống giáo dục của chính quốc, đã được người Pháp ở Việt Nam điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh và thực tế tại Việt Nam. Tuy tiếng Pháp vẫn dùng là chính ngữ, tiếng Việt là phụ ngữ, mục tiêu tối hậu là loại bỏ Nho học và thay thế dần bằng một hệ thống giáo dục phục vụ cho người bản xứ và guồng máy cai trị.

Hệ thống giáo dục mới được hình thành sau khi Pháp chiếm Nam kỳ. Với Hòa ước Giáp Tuất 1874 Nam kỳ trở thành thuộc địa Cochinchine và Hòa ước 1883-84 Patenôtres đặt Bắc kỳ -Tonkin và Trung Kỳ-AnNam dưới quyền bảo hộ. Mặc dù triều đình Nguyễn được cai trị ở Huế, nhưng chịu

sự kiểm soát chặt chẽ của Toàn Quyền Đông Dương. Tưởng cũng xin nhắc lại Liên Bang Đông Dương-L'Indochine gồm Lào, Cao Miên và ba miền của Việt Nam, cơ sở đầu não đặt tại Hà Nội, dưới quyền của Toàn Quyền Đông Dương.

Năm 1864 là kỳ thi Hương cuối cùng ở Nam kỳ tổ chức ở ba tỉnh miền Tây trước khi bị Pháp chiếm. Từ 1878 chữ Hán trong giấy tờ công văn của các cơ quan hành chính được thay thế bằng chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Ở Bắc kỳ và Trung kỳ, dưới quy chế bảo hộ, sự thay đổi về giáo dục chậm hơn. Kỳ thi Hương cuối cùng ở Bắc là năm Ất Mão 1915, và ở Huế năm Mậu Ngọ 1918. Tuy vậy mãi đến năm 1932 bộ máy quan lại của triều đình mới bỏ việc dùng chữ Hán và thay thế bằng chữ Pháp hay chữ quốc ngữ.

Người viết xin ghi nhận sự đóng góp của bạn bè đồng môn khắp nơi trên thế giới. Hy vọng những tư liệu này được xem là tài liệu tham khảo quý báo cho các thế hệ sau cũng như một chút tâm tình của một thời vàng son trẻ tuổi dù mài kính sử trong những mái trường trước 1975.

Phần A. Nền Giáo Dục ở miền Nam trước năm 1954- thời Pháp thuộc.

Trước năm 1954, tuy có nhiều biến chuyển theo vận nước nổi trôi, nhưng chương trình Pháp- Việt Franco-Indigènes căn bản là hệ thống giáo dục tại Việt Nam trong suốt thời kỳ Nam Kỳ thuộc địa, Trung Kỳ và Bắc Kỳ bảo hộ . Song song với chương trình này còn có chương trình chinh quốc Pháp áp dụng cho một số trường được mở ra để phục vụ người Pháp và những người có quốc tịch Pháp trong thời gian đầu. Điển hình như trường Chasseloup Laubat Sài gòn(1874), trường trung học Albert Sarraut ở Bắc Kỳ (1908), Yersin ở Đà Lạt (1935). Cả 3 trường này bắt đầu cũng được hình thành từ bậc tiểu học trước rồi sau mới đến bậc Tú Tài.

Làm nòng cốt cho hệ thống giáo dục Pháp-Việt-Franco-Indigène phổ thông cho người Việt, người Pháp đã cho xây dựng một số trường như trường trung học Le Myre de Vilers ở Mỹ Tho (1879), Collège de Cantho (1917) trường Quốc Học Huế (1896), trường trung học Bảo Hộ (Collège du Protectorat) tức trường Bưởi Hà Nội (1908)). Ba trường này khi mới mở chỉ có bậc tiểu học đến vài chục năm sau mới có 2 trường Quốc Học Huế và trường Bưởi giảng dạy bậc Tú Tài.

Thống Đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers (xem hình 95), người chú trọng mở mang giáo dục Pháp-Việt đã cho mở trường trung học đầu tiên và duy nhất

cho cả Miền Nam vào cuối thế kỷ XIX lấy tên Collège de Mytho. Trường bắt đầu chỉ có hai năm học sau đó tăng lên bốn năm đầu thế kỷ XX được đổi tên là Collège Le Myre de Vilers.

Chương trình Pháp-Việt gồm có ba bậc học: Tiểu học, Trung học và Đại học. Ở bậc Tiểu học, lớp khởi đầu là lớp Năm hay lớp Đồng ấu (Cours Infantin), kế đến là lớp Tư hay lớp Dự bị (Cours Préparatoire), lớp Ba hay lớp Sơ đẳng (Cours Elémentaire). Cả ba lớp này thuộc cấp Sơ học tiểu học, học xong, học sinh thi lấy bằng Sơ học Yếu lược (Certificat d'Etudes Primaire Elémentaire).

Sau cấp Sơ học là cấp Tiểu học gồm ba lớp: lớp Nhì năm thứ nhất (Cours Moyen de 1ère Année), lớp Nhì năm thứ hai (Cours Moyen de 2è Année), và lớp Nhất (Cours Supérieur). Xong lớp Nhất, học sinh thi lấy bằng Tiểu học (Certificat D'Etude Primaire Complémentaire Indochinois, viết tắt là C.E.P.C.I).

Sau bằng Tiểu học, học sinh phải học lên bốn năm nữa rồi thi bằng Cao Đẳng Tiểu học, tiếng Pháp là Diplôme d'Etudes Primaire Superieur Franco-Indigènes, còn gọi là Brevet primaires, người Việt gọi là bằng Thành Chung, bằng Diplôme.

Ai thi đậu mới được học lên bậc Trung học-còn gọi là bậc Tú Tài. Bậc này gồm ba năm, năm thứ nhất, năm thứ hai-Bac 1ere và năm thứ ba- Bac 2ème

Kể từ cuối thập niên 1920, chương trình thi bậc Tú Tài đã được Nha Học chính Đông Pháp quy định, gồm hai kỳ thi cách nhau một năm, kỳ thi lấy bằng Tú Tài I hay Tú Tài bán phần (Baccalauréat Première Partie) và kỳ thi Tú Tài II hay Tú Tài toàn phần (Baccalauréat Deuxième Partie, gọi tắt là Bac). Người dự thi Tú Tài toàn phần bắt buộc phải có bằng Tú tài bán phần

Tú Tài toàn phần –Pháp-Việt còn gọi là Certificat de Fin d'Etudes Secondaire Franco-indigènes

Tú Tài toàn phần Pháp chính thống còn có tên là Diplôme du Baccalaureat de l'enseignement du second degré.

Chương trình Pháp	Tiểu Học- Primaires	5 năm	Certificat d'Etudes primaires, Certificat d'etudes primaires elementaires
	Tiểu Học – Primaire-Superieur	4 năm	Diplome d'Etudes Primaire Superieur Gọi là Brevet hay Thành Chung, Brevet d'Etudes du Premier Cycle
	Trung Học- Secondaire	3 năm	
		La Seconde	
		La premiere	Certificat d'etudes secondaires du premiere degre – Bac I
		La terminal	Certificat de Fin d'Etudes secondaires-Bac II Diplôme du Baccalaureat de l'enseignemnet du second degre
Chương trình Pháp Việt Franco-Indigenes	Sơ Học	3 năm -Đồng Ấu -Dự Bị -Sơ đẳng	Bảng Sơ Học Yếu lược, Certificat d'Etudes Primaires Elementaires Franco-Indigenes
	Tiểu Học	3 Năm	Bảng Tiểu học yếu lược hay Sơ đẳng Tiểu Học-Tiểu Học Certificat d'Etudes Primaires Franco-Indigenes
<i>Primaire Superieur</i>	Cao Đẳng Tiểu Học hay Thanh Chung	4 Năm	Bảng Thành Chung -Diplome d'Etudes Primaire Superieur Franco-Indigenes,(Trung Học Đệ Nhất Cấp sau này)
<i>Enseignement secondaire</i>	Tú Tài	3 Năm	
		Năm 1	
		Năm 2	Tú Tài I –Baccalaureat premiere Partie
		Năm 3	Tú Tài II –Baccalaureat deuxieme Partie (Tú Tài Toàn Phần)

Hình 1: Bảng cấp, chứng chỉ thời Pháp-trước 1954.

Với việc cải cách giáo dục, việc đưa chữ quốc ngữ vào tiểu học đã giúp trẻ nhanh chóng biết đọc, biết viết so với việc học chữ Hán khó nhớ. Chương trình học bao gồm cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Bên cạnh các trường phổ thông, Pháp còn lập ra trường dạy nghề để học sinh khi học xong tiểu học có thể chọn học nghề.

Thời kỳ 1945-1955, tình hình giáo dục rất phức tạp. Pháp vẫn chỉ đạo nền giáo dục tại Nam Kỳ, nhưng giữa Pháp và các nước liên hiệp Đông Dương cũng đã ký hiệp ước chuyển giao các cơ quan giáo dục và văn hóa từ năm 1949. Đa số các trường đại học, cao đẳng Pháp thành lập, đặt tại Hà Nội cho toàn các xứ Đông Dương, được dời vào miền Nam sau hiệp định Genève 1954.

Đặc biệt tại Saigon, hai trường trung học theo chương trình Pháp-Việt đầu tiên được thành lập là trường Áo Tím-Gia Long và trường Petrus Trương Vĩnh Ký.

Trường L'école des Jeunes Filles Indigènes) Áo Tím –Gia Long xây dựng xong năm 1915 được Toàn Quyền Đông Dương Ernest Nestor Roume và Thống Đốc Nam Kỳ Courbeil cất bằng khánh thành và khai giảng khóa đầu tiên. Trường dạy hai cấp. Sơ học và Tiểu học. Cuối năm Sơ học, học sinh phải thi lấy chứng chỉ Sơ học yếu lược (Certificat d'Etudes Primaires Elementaires Franco-Indigènes), sau đó học thêm ba năm thi bằng Tiểu học yếu lược. CEPCI (tức Certificat d'Études Primaire Complémentaire Indochinoise). Năm đầu tiên chỉ có 42 nữ học sinh trong bộ đồng phục áo dài tím. Tên trường Áo Tím bắt đầu từ đó.

Đến tháng 9 năm 1922, trường được nâng lên cấp Cao đẳng tiểu học (tương đương với bậc Trung Học Đệ Nhứt Cấp sau này). Toàn Quyền Albert Sarraut khai giảng lớp đầu tiên của bậc Cao đẳng tiểu học và đổi tên trường là Collège des Jeunes Filles Indigènes.

Thời Nhật trở lại Đông Dương, năm 1940, trường đổi tên thành trường trung học Gia Long. Tên trường tồn tại mãi đến sau năm 1975 với tên mới Nguyễn thị minh Khai.



Hình 2: Trường Gia Long, Trường Petrus Ký.

Thống Đốc Nam Kỳ B.de La Brosse ký nghị định 18-12-1927 thành lập trường trung học Pháp Việt mang tên “Petrus Ký trung-học đường”. Tiền thân của trường Petrus Ký có tên là Collège de Cochinchine (một phân hiệu tạm thời của Collège Chasseloup Laubat (hiện nay là Lê Quý Đôn), dành cho học sinh người Việt Nam

Hình 3: Bằng Tiểu học yếu lược (Tiểu học) chương trình Pháp-Certificat d'études primaires élémentaires" (CEPE) –cấp cho cô học trò người Pháp Colette Parlet ở Cái Bè, Nam Kỳ, bằng cấp chính quốc Pháp của Département du Var –Academie D'Aix.

Bằng cấp chương trình Pháp-Việt Franco-Indigènes

Thời này những người tốt nghiệp với bằng Tiểu Học được xem có học thức khá, nói tiếng Pháp khá thông thạo, thường làm “thầy thông thầy ký” .Những người có bằng Cao Đẳng Tiểu học được xem có trình độ học thức cao, thường đảm nhiệm những vai trò quan trọng trong cơ sở Pháp Việt.

A1-Bậc Tiểu học-Cao đẳng Tiểu Học

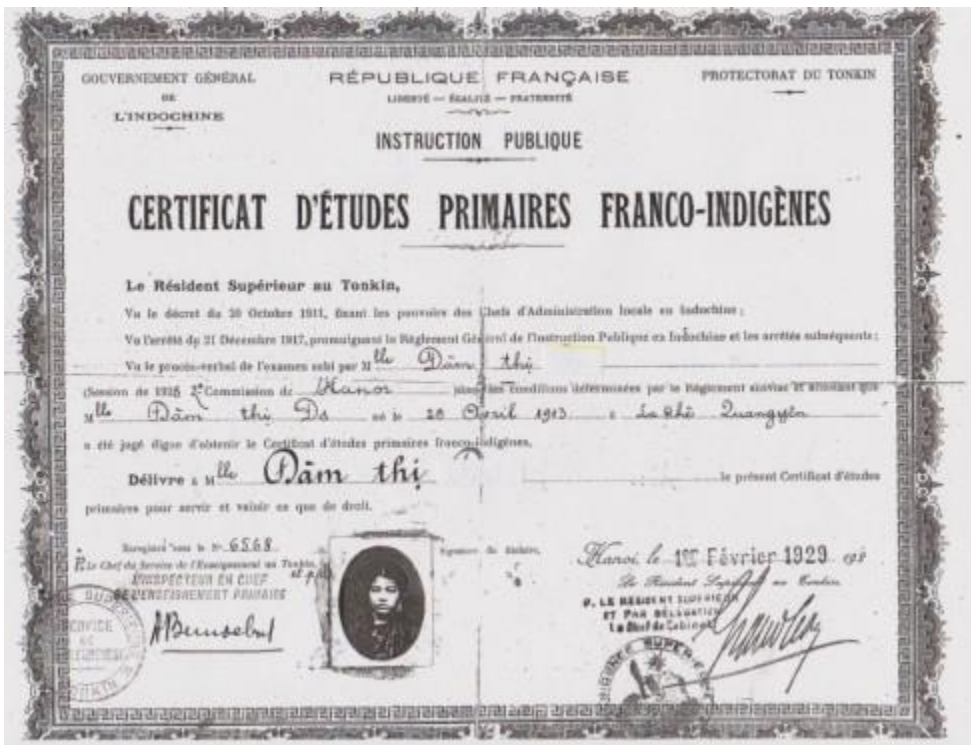


Advertisements

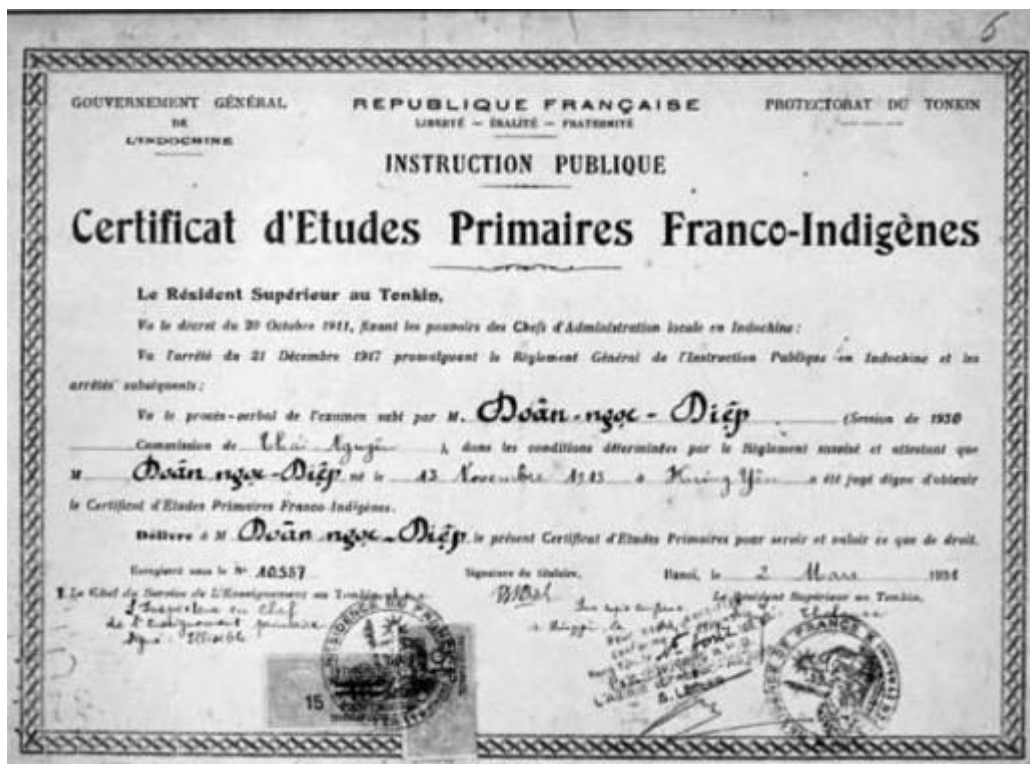
REPORT THIS AD

Hình 4: Văn bằng Tiểu Học cấp ở Nam Kỳ thuộc địa Cochinchine 1933

<https://musee-ecole-montceau-71.blogspot.com/2019/03/ecole-dans-lalgerie-francaise.html>



Hình 5: Văn bằng Tiểu Học cấp ở Bắc Kỳ Bảo Hộ -Protectorat du Tonkin 1929



Hình 6: Văn Bằng Tiểu Học cấp ở Bắc Kỳ Bảo Hộ -Protectorat du Tonkin 1934



Hình 7. Bảng Sơ Đẳng Tiểu Học hay Tiểu Học Yếu Lược 1915-Certificat d'Etudes Primaires –Franco Indigènes cấp thời Đông Pháp –Liên Bang Đông Dương-Bắc Kỳ Bảo Hộ (Protectorat du Tonkin). Đây không phải là bảng Sơ Học Yếu Lược-Certificat d'Etudes Primaires Elementaires Franco-indigènes



Advertisements

Hình 8: Văn bằng Tiểu học yếu lược bản xứ Certificat d'Etudes Primaires –Franco Indigènes. thời Đông Pháp –cấp bởi Thủ Hiến Trung Kỳ Bảo Hộ (Protectorat de L'Annam)



Hình 9: Bằng cấp tiểu học bổ túc cấp bởi bộ trưởng Giáo Dục của Chính Phủ Đại Nam dưới thời vua Bảo Đại năm 1939. Bằng này đòi hỏi người tốt nghiệp học thêm một năm sau khi có bằng Tiểu Học để đi dạy học hoặc đảm nhiệm trọng trách cao hơn.

http://trantocvinhchien.com/photos_video/dicaodicaodongba/

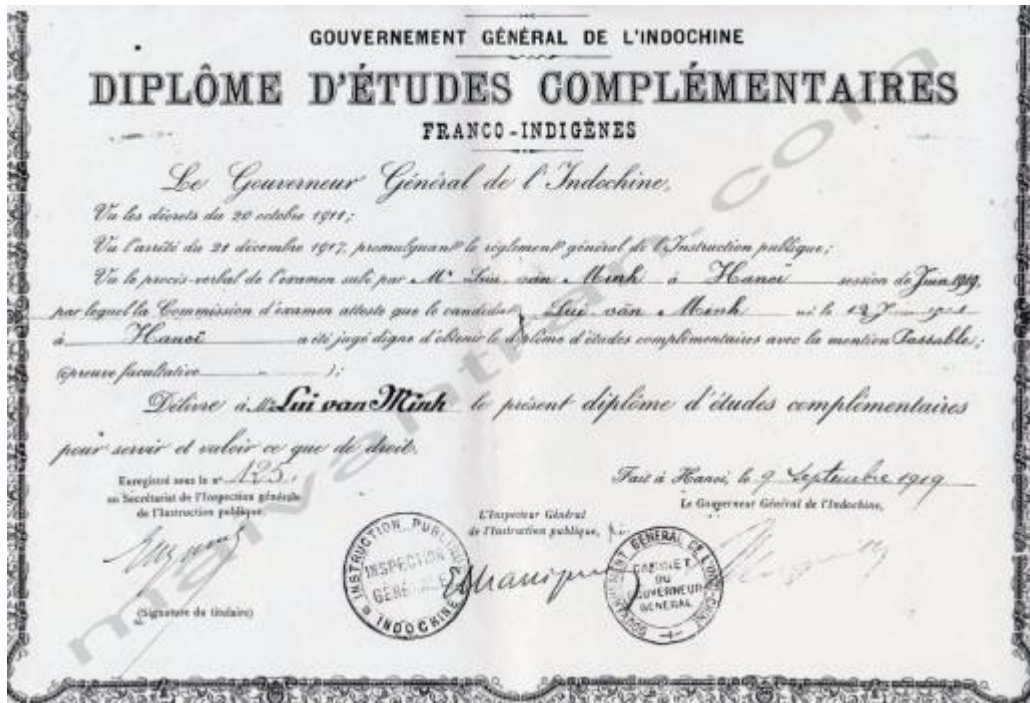


Hình 10: Văn bằng Tiểu Học bổ túc cấp ở Nam Kỳ thuộc địa Cochinchine 1940s

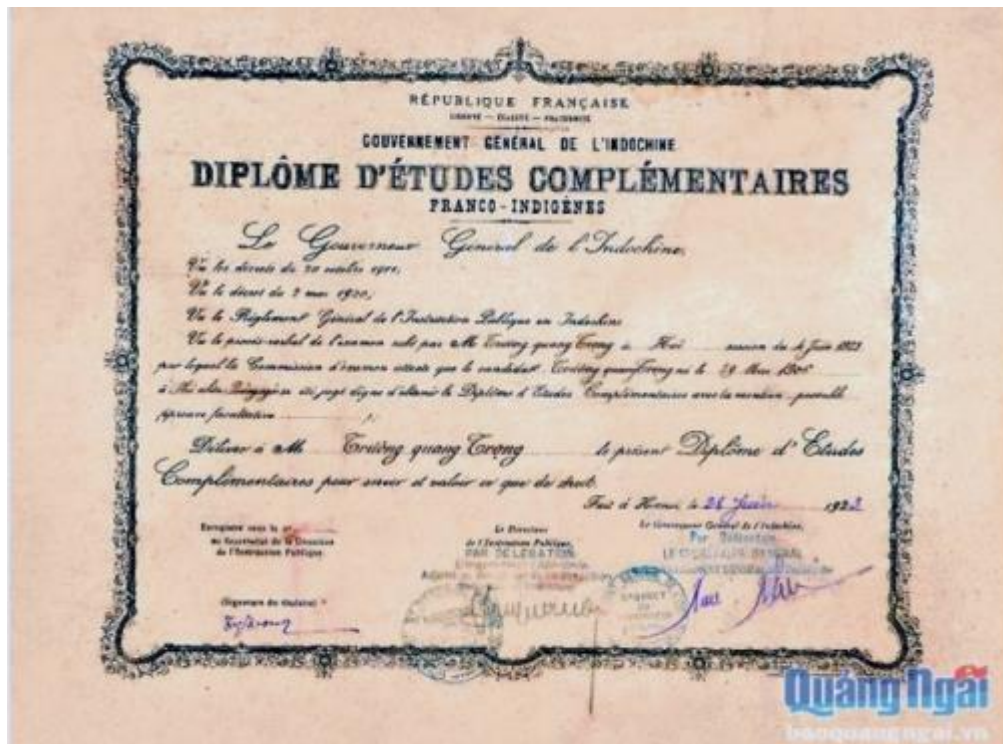
A2-Bậc Trung Học



Hình 11: Bằng Diplôme-còn gọi là Brevet primaires- Người Việt gọi là bằng Thành Chung. Bằng này cấp cho học sinh người Pháp ở Pháp.



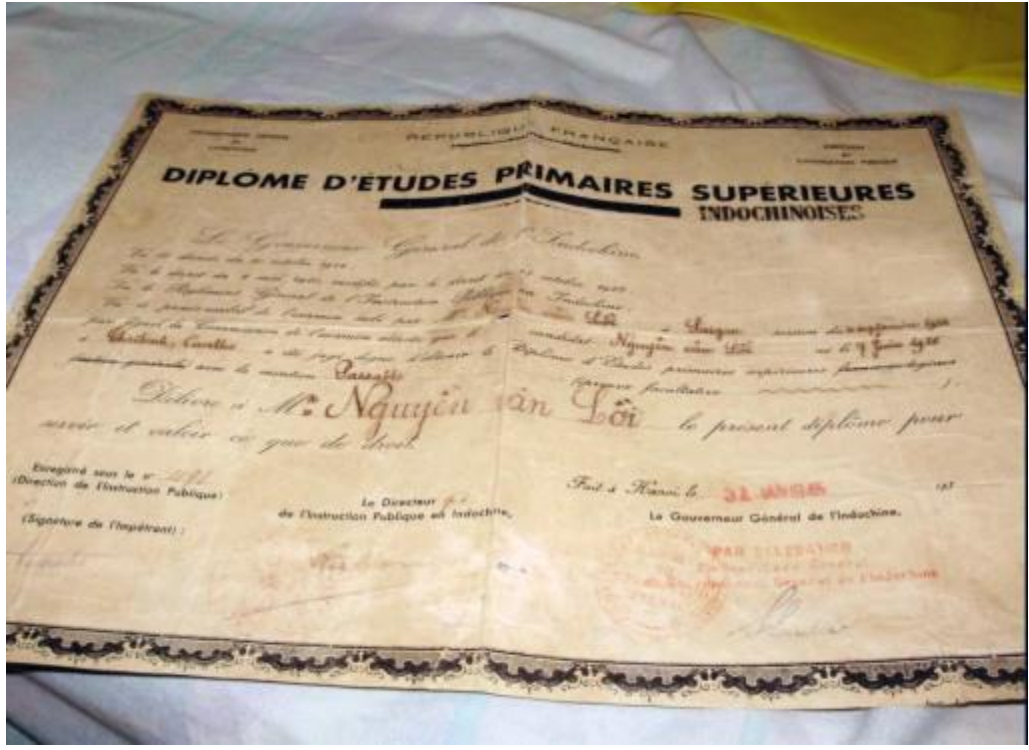
Hình 12. Văn bằng Diplôme D'Études Complimentaires-Franco-Indigènes- tương đương bằng Brevet-Thành Chung -cấp cho học sinh theo hệ thống Giáo Dục Pháp Việt thời Liên Bang Đông Dương 1919.



Advertisements

REPORT THIS AD

Hình 13: Văn bằng Diplôme D'Études Complimentaires-Franco-Indigènes- tương đương bằng Brevet-Thành Chung -cấp cho học sinh theo hệ thống giáo dục Pháp Việt thời Liên Bang Đông Dương 1923



Hình 14: Diplôme D'etudes Primaires Superieures-Cao đẳng Tiểu Học, còn gọi là bằng Thành Chung. Văn bằng cuối cùng này cấp bởi Toàn Quyền Đông Dương ngày 31/5/1945 sau khi Nhật chiếm Đông Dương ngày 9 Tháng Ba 1945

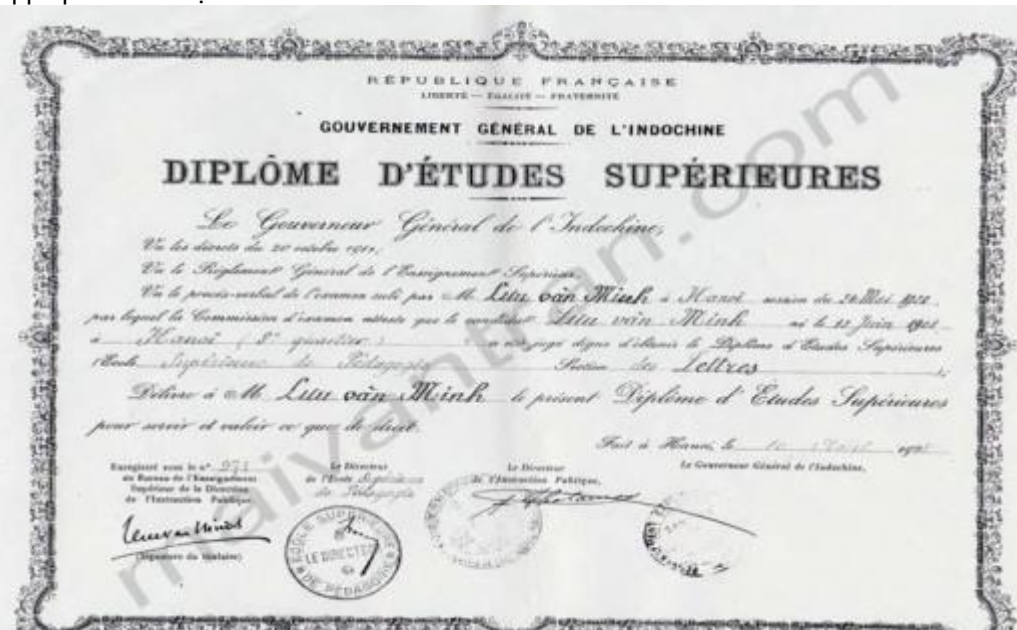


Hình 15: Mẫu bằng Tú Tài II chương trình Pháp cấp bởi Academie de Rennes cho học sinh tốt nghiệp các trường như Lê Quý Đôn, Marie Curie... Sài Gòn

A3-Bậc Đại học thời Pháp Thuộc



Hình 16: Bằng tốt nghiệp Đại học Khoa học Ứng dụng chuyên ngành Công Chánh do Chính phủ Đông Dương cấp năm 1926. Người được cấp bằng này đã theo học ở trường Cao Đẳng École des Sciences Appliquées Hà Nội



Advertisements

REPORT THIS AD

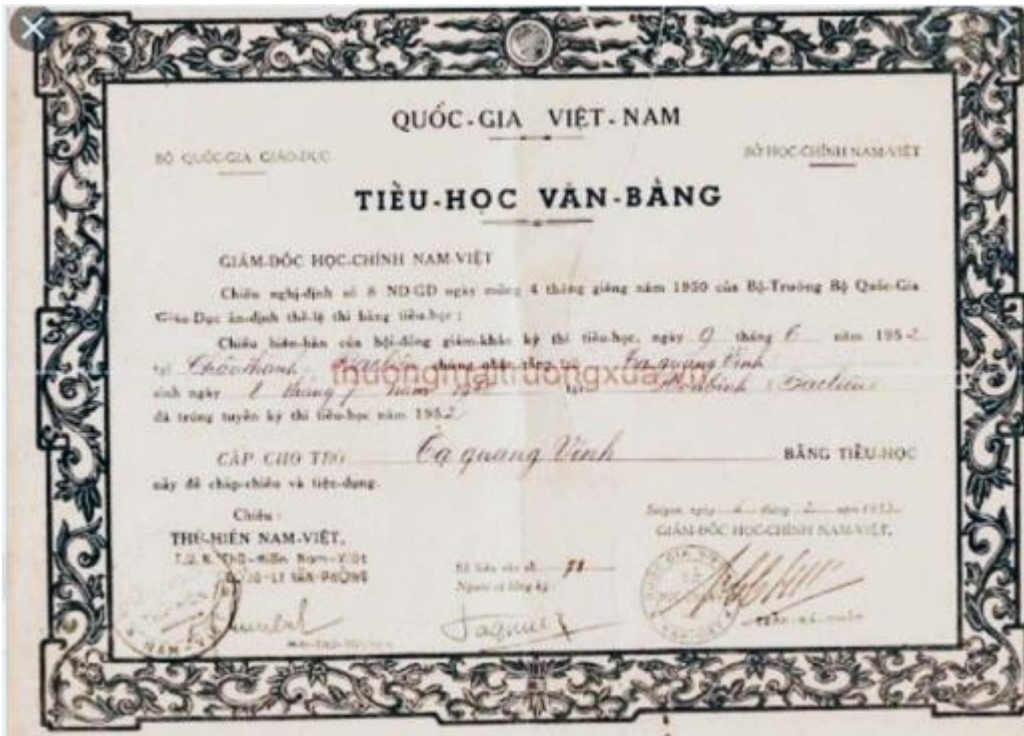
Hình 17: Văn Bằng tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương, Hà Nội 1928

Phần B. Hệ thống giáo dục thời Quốc Gia Việt Nam và thời Việt Nam Cộng Hòa sau năm 1955

Quốc gia Việt Nam là một chính phủ thuộc Liên bang Đông Dương Pháp, tuyên bố chủ quyền toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, tồn tại trong giai đoạn từ giữa năm 1948 đến 1955. Thủ đô đặt tại Sài Gòn.



Hình 18. Bằng cấp Sơ Đẳng Tiểu Học-Bằng Tiểu Học (Certificat d'Etudes Primaires Franco-Indigenes) dưới thời thủ tướng Nam Việt Trần Văn Hữu 1951. Người tốt nghiệp có thể làm thầy thông, thầy ký rồi, nếu học thêm 4 năm nữa thì có thể dự thi bằng Cao Đẳng Tiểu Học tương đương với bằng Thành Chung, hay Trung Học đệ nhất cấp.



Hình 19: Bằng Tiểu Học do Nha Học Chính Nam Việt cấp 1952

Sau hiệp định Genève 20/7/1954, người Pháp trả lại độc lập cho toàn Việt Nam. Miền Nam và một nửa Trung Kỳ từ vĩ tuyến thứ 17 trở về Nam được giao cho chính phủ Quốc Gia với quốc trưởng Bảo Đại lãnh đạo và sau đó Đế nhất Cộng hòa ra đời 1955 với Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Chương trình giáo dục VNCH dựa trên chương trình Pháp Việt để lại, cũng gồm ba bậc **Tiểu học**: 5 năm, gồm lớp năm, tư, ba, nhì và nhất. cuối lớp nhất có kỳ thi lấy bằng tiểu học

Trung học: 7 năm gồm hai cấp Trung học Đệ Nhất Cấp gồm các lớp Đệ Thất, Lục, Ngũ và Tứ, cuối năm Đệ Tứ thi Bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp. Kỳ thi này học sinh phải đậu cả phần thi viết và vấn đáp. Tuy nhiên phần thi vấn đáp được loại bỏ 1959-60 và kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp được bỏ hẳn 1966-67.

Trung học Đệ Nhị Cấp gồm ba lớp Đệ Tam, Nhị và Nhất. Cuối lớp Đệ Nhị phải qua kỳ thi Tú Tài I học sinh phải đỗ Tú Tài I mới được tiếp tục lên Đệ Nhất để thi Tú Tài II. Kể từ năm 1973 trở kỳ thi Tú tài I được bãi bỏ, chỉ còn phải thi tú tài II còn gọi là Tú Tài toàn phần phổ thông bằng hình thức thi trắc nghiệm và được chấm thi bằng máy điện toán IBM

Đại Học: Người có bằng Tú Tài II được ghi tên theo học hoặc thi tuyển vào các phân khoa thuộc Viện Đại học, các trường Cao Đẳng và Chuyên nghiệp như Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt...

Một điểm đáng chú ý trong giai đoạn chuyển tiếp của chương trình giáo dục Pháp Việt trước 1954 và chương trình Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa, cuối năm Tiểu học, xong lớp Nhất học sinh không đậu thi tuyển vào ngay lớp Đệ Thất trường công Trung Học miễn phí, có thể học trường tư hoặc trải qua một lớp trung gian là lớp Tiếp liên (Cours Certifié) để năm sau thi lại có cơ hội tốt.

B1. Tiểu Học



Advertisements

REPORT THIS AD

Hình 20: Học trò lớp Tư 1954 trường Chi Lăng trên đường Chi Lăng-gần trường Vê-Trang trí Mỹ Nghệ Thực Hành Gia Định



Hình 21: Bằng cấp Tiểu học thời Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa 1960 cấp cho học sinh tốt nghiệp trường tiểu học.

B2-Trung Học Đệ Nhất Cấp

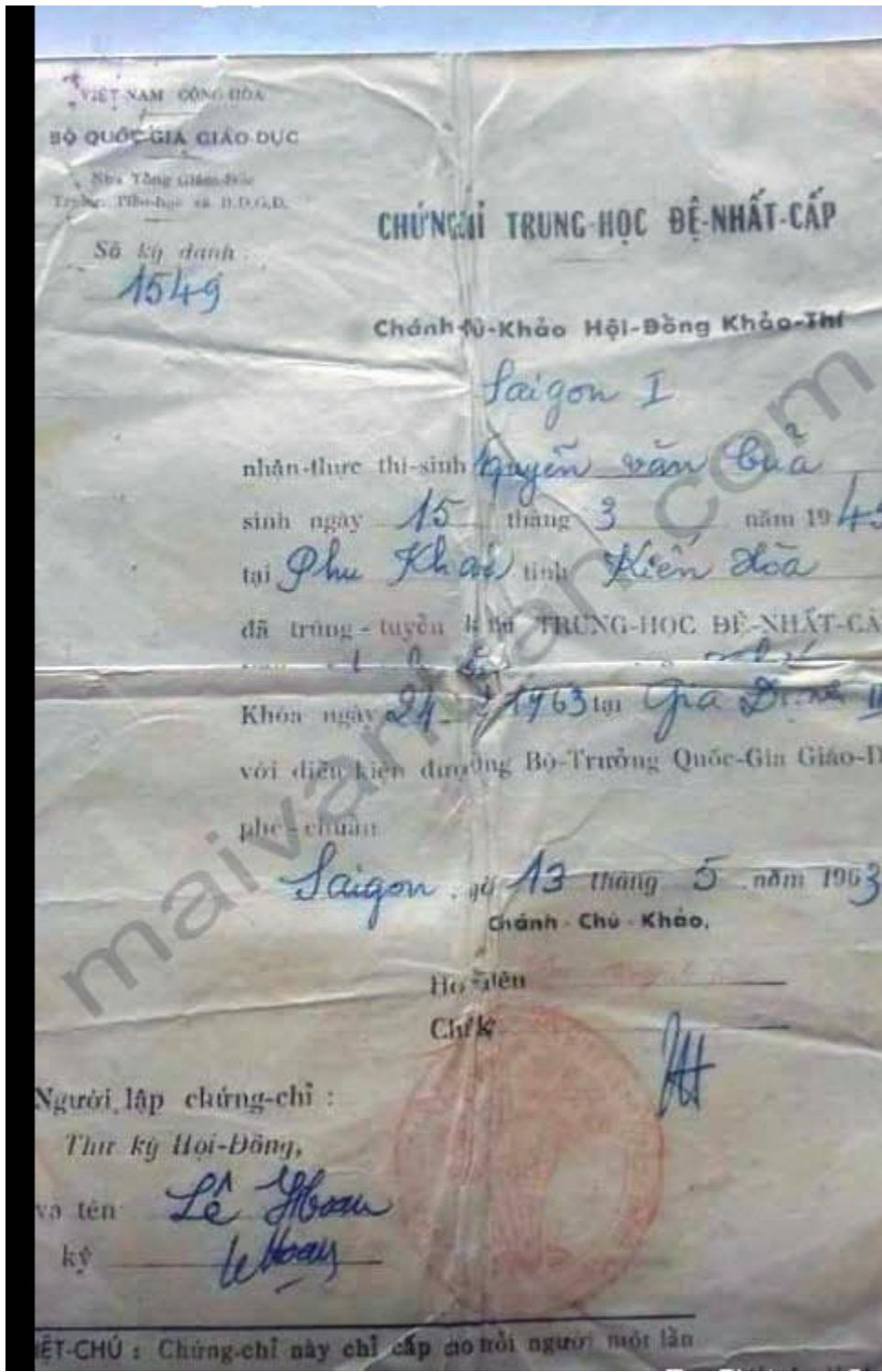
Trung học đệ nhất cấp bao gồm từ lớp 6 đến lớp 9 (trước năm 1971 gọi là lớp đệ thất đến đệ tứ). Học sinh muốn vào đệ Thất trường trung học công lập phải qua kỳ thi tuyển khó khăn, nếu không phải vào hệ thống trường tư phải trả học phí.

Học xong năm lớp 9 thì thi bằng Trung học đệ nhất cấp (tiếng Pháp: brevet d'études du premier cycle). Kỳ thi này thoát tiên có hai phần: viết và vấn đáp (xem hình 24). Năm 1959 bỏ phần vấn đáp rồi đến niên học 1966–67 thì Bộ Quốc gia Giáo dục bãi bỏ hẳn kỳ thi Trung học đệ nhất cấp.



Hình 22: Bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp 1960

<http://www.ninh-hoa.com/TruongKhacNhuong-ChuyenBayGioMoiKe-NhungBanCungQue.htm>



Hình 23: Chứng chỉ Trung Học Đệ Nhất Cấp 1963

Thi Trung - Học Đệ Nhất Cấp

THI VIẾT

	Hệ số	Thời hạn
1.— Luận Quốc-văn	1	2 giờ 30
2.— Tựa	1	2 giờ
3.— Lý-thuyết	2	2 giờ
4.— Pháp-văn (1 bài luận ngắn và 1 bài dịch Pháp-văn ra Quốc-văn)	1	2 giờ 30
5.— a) Hán-tự kay	2	2 giờ
b) Anh-ngữ	2	2 giờ

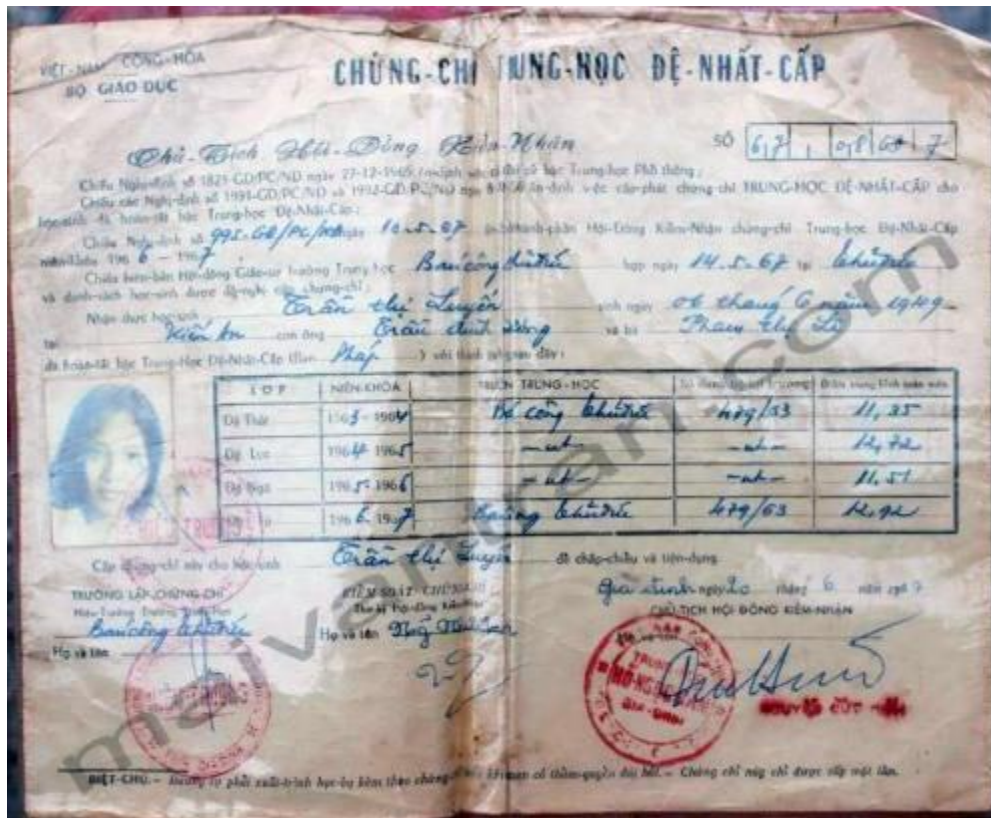
THI VĂN-ĐÁP, THI VẼ VÀ NỮ-CÔNG

1.— a) Vẽ (nam thí-sinh)	1	1 giờ 30
b) Nữ-công (nữ thí-sinh)	1	2 giờ 30
2.— Đọc và giảng văn	2	
3.— Văn-vật	2	
4.— Sử-ký	1	}
và Địa-lý	1	
5.— Pháp-ngữ	1	

Advertisements

REPORT THIS AD

Hình 24. Chương Trình môn thi Viết và Văn đáp cho bằng Trung Học Đệ Nhất cấp



Hình 25: Chứng chỉ cuối cùng Trung Học Đệ Nhất cấp 1967-sau đó kỳ thi này được bãi bỏ.

B3 Trung học Đệ Nhị Cấp -Bậc Tú Tài

Chương trình Tú tài gồm ba năm học đệ Tam, Nhị, Nhất. Cuối năm đệ Nhị thi Tú Tài I, phải đậu Tú Tài I mới được tiếp tục lên đệ Nhất để thi Tú Tài II. Tú Tài I được bãi bỏ năm 1973.

Vào đầu thập niên 1960 ngoài phần thi viết còn có phần thi vấn đáp. Phần vấn đáp này được bãi bỏ kể từ năm 1968.

Cũng nên biết Tú Tài phổ thông, học sinh có thể chọn Ban. Ban A cho khoa học thực nghiệm, Ban B thiên về Toán + Lý Hóa, Ban C về Văn Chương và ban D về Cổ Ngữ.

Song song với bằng Tú Tài phổ thông, còn có bằng Tú Tài Kỹ Thuật (xem hình 34), cho học sinh thuộc hệ thống trường chuyên nghiệp kỹ thuật, điển hình như trường Kỹ Thuật Cao Thắng, Nguyễn Trường Tộ ở Sài Gòn, le Bac- Baccalaureat Tú Tài Pháp (cho học sinh chương trình Pháp như các trường Lê Quý Đôn, Taberd...) bằng cấp do cơ quan giáo dục Pháp cấp. Học sinh chương trình Pháp có thể tham dự kỳ thi Tú Tài phổ thông như học sinh hệ Tú Tài phổ thông. Thời gian học của các hệ Tú Tài là 3 năm.



Trường tại địa chỉ 25 bis Hồng Thập Tự



Hình 26: Tiền thân của trường Kỹ thuật Cao Thắng- đường Đỗ Hữu Vị-Huỳnh Thúc Kháng (hình bên phải) và trường Nguyễn Tường Tộ-đường Hồng Thập Tự

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 BỘ GIÁO-DỤC
 NHÀ KHẢO-THI
 Số ký danh

N° 024616

Chứng-chỉ Tú-Tài phần thứ nhất

CHÁNH-CHỦ-KHẢO HỘI-ĐỒNG KHẢO-THI
Saigon/A2

Nhận-thực thí-sinh *Lê Thị Mỹ-Hoa*
 sinh ngày *07* tháng *4* năm *1954*
 tại *Chợ Lớn*
 đã trúng-tuyển kỳ thi TÚ-TÀI PHẦN THỨ NHẤT
 Ban *A* hạng *thứ*
 Khóa ngày *25.1972* tại *Saigon*
 với điều-kiện được Ông Tổng-Trưởng Bộ Giáo-Dục
 phê-chuẩn.

Saigon, ngày *14* tháng *8* năm *1972*

Người lập chứng-chỉ
 Họ và tên *Lưu Huy-Hoa*
 Chức vụ *Chánh-Chủ-Khảo*

CHÁNH-CHỦ-KHẢO
 Họ và tên *Trần Văn...*
 Chức vụ *Chánh-Chủ-Khảo*

VIẾT CHỮ: Chứng-chỉ này chỉ cấp cho mỗi người một lần.
 Khi cần phải làm bản sao, xin đi thư của Chánh-Chủ-Khảo.


Hình 27. Chứng chỉ Tú Tài I ban A thời Đệ Nhị Cộng Hòa 1972

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 BỘ GIÁO-DỤC
 NHÀ KHẢO-THÍ

Số lệ danh
 000031 5GCD

Chứng-chỉ Tú-Tài phần thứ hai

CHÁNH-CHỦ-KHẢO HỘI-ĐỒNG KHẢO-THÍ



Nhận thực thi tại **NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**

Sinh ngày **03** tháng **04** năm **1948**

Tại **HÀ NỘI**

đã trúng-tuyển kỳ thi **TÚ-TÀI PHẦN THỨ HAI**
 Ban **VAN CHUONG C** hạng **THU**

Khảo ngày **05/07/1972** tại **SAIGON**

với điều-kiện được Ông Tổng-Trưởng Bộ Giáo-Dục
 phê-chuẩn.

Saigon ngày *25 tháng 7* năm *1972*

Người lập chứng chỉ **CHÁNH-CHỦ-KHẢO**

Họ và tên *Trần Quang Lũng* **TRẦN QUANG LŨNG**
 Chức vụ *Chánh-Chủ-Khảo*

CHÍNH-CHỦ-KHẢO

GIÁM ĐỐC NHÀ KHẢO-THÍ

MÔN THÍ	DIỂM	HỆ SỐ
TRIẾT	25,00	4
SINH NGỮ 1	27,00	5
SINH NGỮ 2	22,00	4
TOÁN	15,00	1
VĂN VIỆT	9,50	1
LY HÒA	6,50	1
SU, ĐỊA, CÔNG ĐAN	33,50	1+1+1
THỂ DỤC	0,00	
* TỔNG CỘNG *	138,50	

*** MỘT TRAM BA MƯƠI TAM ĐIỂM NAM MƯƠI ***

BIẾT-CHÚ : Chứng-chỉ này cấp cho mỗi người một lần.
 Khi cần phải làm bản sao, xin đi thực của Chánh-quyền.

Hình 28: Chứng chỉ Tú Tài II ban C thời Đệ Nhị Cộng Hòa 1972



Hình 29: Chứng chỉ Tú Tài II Ban B dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa 1959

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
 NHÀ TỔNG GIÁM-ĐỐC
 TRUNG TIÊU-HỌC và B.D.G.D.

Số 110

CHỨNG-CHỈ TÚ-TÀI PHẦN THỨ HAI

Chánh-Chủ-Khảo Hội-Đồng Khảo-Thí
Ban C-D

nhận thực thi-sinh Lê-văn-Cẩn
 số ký-danh 433 sinh ngày 06 tháng 02
 năm 19 44 tại - tỉnh Cà-mên
 đã trúng tuyển kỳ thi TÚ-TÀI PHẦN THỨ HAI
 Ban C
 hạng Bình Thử
 Khóa ngày 3-5-62 tại Saigon
 với điều-kiện được Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục
 phê-chuẩn.

Được ngày 19 tháng 5 năm 1962
Chánh-Chủ-Khảo,

Người lập chứng-chỉ :
 Thư ký Hội-Đồng,
[Signature]

[Signature]

685 x 960 CHÚ : Chứng-chỉ này chỉ cấp cho mỗi người một lần.
 Mẫu Số 448 - 1962.

Hình 30: Chứng chỉ Tú Tài II ban C, D thời Đệ Nhất Cộng Hòa 1962

CỘNG-HOÀ
Đ-ĐỨC
ÀO-THI

N^o 021904

đanh

Chứng-chi Tú - Tài phần thứ hai

Sg 01

CHÁNH-CHỦ-KHÁO HỘI-ĐỒNG KHÁO-THI



Nhận-thực thí-sinh Nguyễn-văn Lúa

sinh ngày 15 tháng 2 năm 1945

tại Phước Khánh tỉnh Kiên Hòa

đã trúng-tuyển k thi **TÚ - TÀI PHẦN THỨ HAI**

Ban A hạng Thứ

Khảo ngày 28/7/71 tại Saigon

với điều-kiện đưc Ông Tổng-Trưởng Bộ Giáo

Đúc phê-chuẩn.

Saigon ngày 10 tháng 8 năm 1971

lập chứng-chi

Lê Vĩnh Kiên

CHÁNH-CHỦ-KHÁO

Họ và Tên Trần Bình Quan

Chữ ký



Chứng-chi này chỉ cấp cho mỗi người một lần.

Hình 31. Chứng chỉ Tú Tài Hai ban A, 1971.

nộp.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 BỘ GIÁO-DỤC
 NHÀ KHẢO-THÍ
 Số ký danh 001739 / SGA3

Chứng-chỉ Tú-Tài phần thứ hai

CHÁNH-CHỦ-KHẢO HỘI-ĐỒNG KHẢO-THÍ

Nhận-thực thi-sinh LE TAI MY HOA
 Sinh ngày 07 tháng 08 năm 1954
 tại CHOLON
 đã trúng-tuyển kỳ thi **TÚ-TÀI PHẦN THỨ HAI**
 Ban KHOA HỌC A hạng THU
 Khóa ngày 27/06/1973 tại SAIGON
 với điều-kiện được Ông Tổng-Trưởng Bộ Giáo-Dục
 phê-chuẩn.

Saigon ngày 19 tháng 7 năm 1973

Người lập chứng chỉ **CHÁNH-CHỦ-KHẢO**
 Họ và Tên Nguyễn Công Tấn Họ và Tên HO VAN LE
 Chữ ký [Signature] Chữ ký [Signature]

MÔN THI	DIỂM	HỆ SỐ
TRIẾT	15,00	2
VĂN-VAT	50,00	4
LY-HOÀ	40,00	4
TOÁN	7,00	2
PHÁP-VĂN	17,00	2
ANH-VĂN	3,00	1
SU-DIÀ-CÔNG-DÂN	29,50	1+1+1
THỂ DỤC	7,50	
* TỔNG CỘNG *		169,00

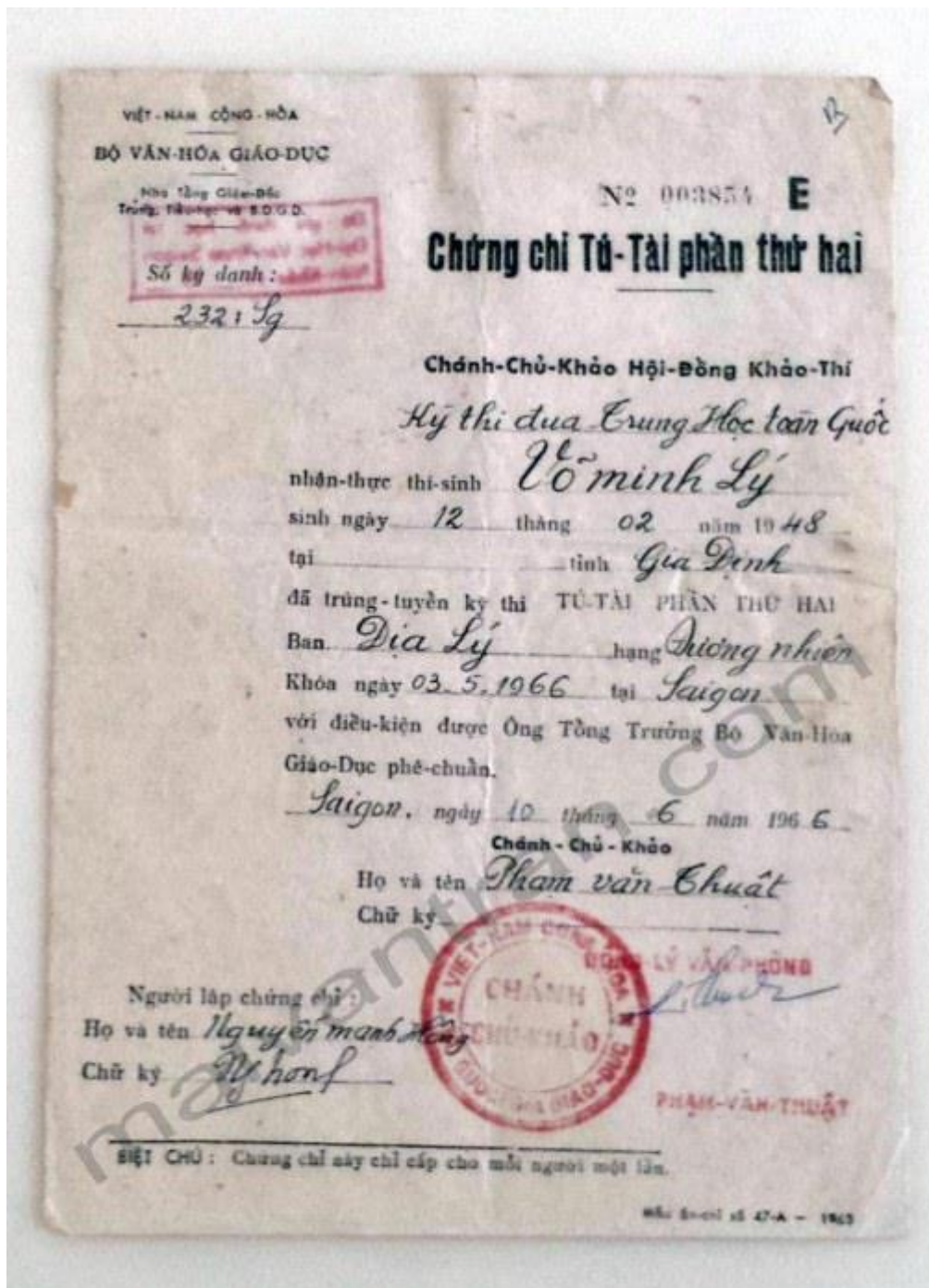
* MỘT TRAM SAU MƯƠI CHÍN ĐIỂM CHẴN.

VIỆT-CHỮ: Chứng-chỉ này cấp một người một lần.
 Khi cần phải làm bản sao, xin thi thực của Chánh-quyền.

Hình 32: Chứng chỉ Tú Tài Phần Hai-Ban A qua cuộc thi trắc nghiệm bằng Công Nghệ IBM 1972

Đầu những năm 1970, Nha Khảo thí của Bộ Quốc gia Giáo dục đã ký hợp đồng với công ty IBM để điện toán hóa toàn bộ hồ sơ thí vụ, từ việc ghi danh, làm phiếu báo danh, chứng chỉ trúng tuyển... đến các con số thống kê cần thiết. Bảng trả lời cho đề thi trắc nghiệm được đặt từ Hoa Kỳ, và bài làm của thí sinh được chấm bằng máy IBM 1230. Điểm chấm xong từ máy chấm được chuyển sang máy IBM 534 để đục lỗ. Những phiếu đục lỗ này được đưa vào máy IBM 360 để đọc điểm, nhân hệ số, cộng điểm, tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn, chuyển điểm thô ra điểm tiêu chuẩn, tính thứ hạng trúng tuyển...

Ngoài chương trình giáo dục phổ thông, còn có chương trình giáo dục chuyên nghiệp, điển hình là học sinh có thể theo học và được cấp những chứng chỉ như sau



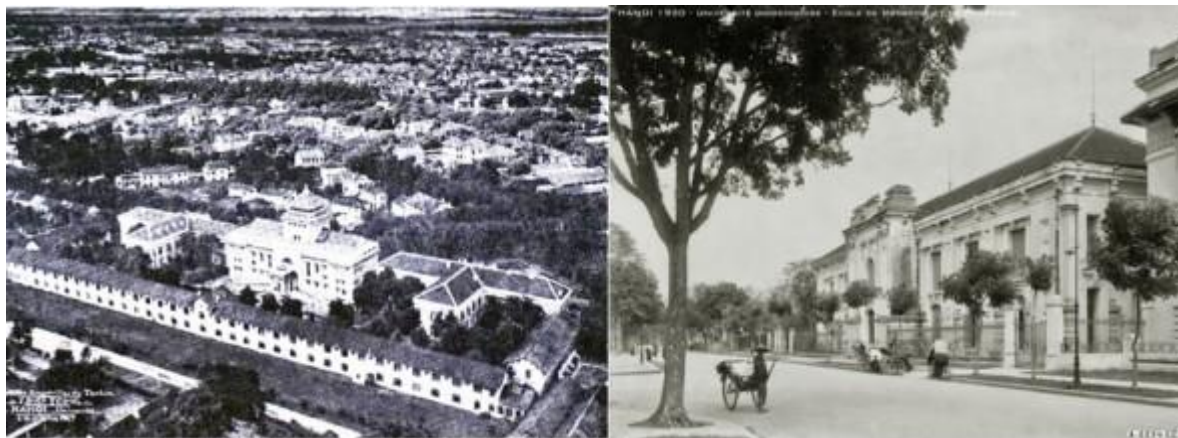
Hình 33 :Chứng chỉ Tú Tài II đặc biệt cấp trong kỳ thi đua Trung Học toàn quốc, ngành Địa Lý, hạng Đương Nhiên 1966

Người được cấp chứng chỉ này đoạt giải nhất trong cuộc thi đua Trung Học Toàn Quốc VNCH về môn Địa Lý năm 1966. Hạng Đương Nhiên được xem như giữa hạng Bình và Ưu của Tú Tài Hai phổ thông.



Hình 34 : Bằng Tú Tài II Kỹ thuật, ngành Công Nghệ 1972

B4. Bậc Đại Học–Cao Đẳng.



Advertisements

REPORT THIS AD

Hình 35: Không ảnh và Cơ sở trường Y Dược trở thành Đại Học Đông Dương 1906.

Trường Y khoa Đông Dương được thành lập năm 1902, sau do sự phát triển giáo dục, chính trị trường trở thành Đại học Đông Dương 1906. Sau hiệp định Genève 1954, các cơ sở đại học, chuyên nghiệp thành lập dưới thời Liên Bang Đông Dương ở Hà Nội được di dời vào Nam.

Trước 1975 VNCH có 8 viện Đại Học. Ba viện Đại học công lập Viện Đại học Sài Gòn và Viện Đại học Huế và Viện Đại học Cần Thơ và 5 viện Đại Học tư: Viện Đại Học Đà Lạt, Đà Lạt của giáo hội Công giáo, viện Đại Học Hòa Hảo Long Xuyên, An Giang, Phật Giáo Hòa Hảo, Viện Đại học Vạn Hạnh Saigon Giao Hoi Phật Giáo VN Thống Nhất, Viện Đại Học Minh Đức Gia Định, Giáo Hội Công Giáo) . Viện Đại học Sài Gòn lớn và quy mô nhất, có uy tín nhất trong và ngoài nước.

Viện Đại học Saigon (tọa lạc Công trường Chiến sĩ- Hồ Con Rùa, xem hình 57) bao gồm nhiều phân khoa khác nhau: như Đại học Khoa học (Khoa học Đại học đường), Đại học Kiến trúc, Đại học Luật khoa, Đại học Sư phạm, Đại học Văn khoa, Đại học Y khoa, Đại học Dược khoa, Đại học Nha khoa. Ngoài các phân khoa thuộc Viện Đại học Sài Gòn, còn có trung tâm, học viện chuyên nghề như Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp (tiền thân là trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc) đào tạo kỹ sư cho các ngành Nông Nghiệp, Lâm Sản, Chăn nuôi và Thú Y. Năm 1972 trung tâm đổi thành Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp. Học viện Quốc gia Hành Chánh trực thuộc Phủ Tổng thống sau trở thành trường Quốc Gia Hành Chánh, chuyên đào tạo các viên chức hành chánh trung, cao cấp, và Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật (Phú Thọ) đào tạo các kỹ sư, cán sự, công chánh, địa chánh, công nghệ, điện lực, hóa học và chuyên viên hàng hải, thương mại Học sinh đậu được Tú tài II thì có thể ghi danh vào học ở một trong các viện Đại Học, trường Đại Học và học viện trong nước.

Tuy nhiên vì số chỗ trong một số trường rất có giới hạn nên học sinh phải dự một kỳ thi tuyển có tính chọn lọc rất cao; các trường này thường là Y, Dược, Nha, Kỹ Thuật, Quốc gia Nông Nghiệp, Quốc Gia Hành chánh và Sư Phạm.

B4A-Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ

Trường Cao đẳng Công chánh liên bang Đông dương được thành lập năm 1911 tại Hà Nội, hoạt động liên tục đến năm 1945 thì tạm ngừng. Đến năm 1947 Trường được tái lập tại Sài Gòn và đặt trụ sở tại Nha Kỹ Thuật và Mỹ Thuật Học Vụ, tọa lạc số 48 Phan Đình Phùng 1957, Giám Đốc là Kỹ Sư Trần Văn Bạch. *Cũng nên biết thêm Kỹ Sư Bạch tốt nghiệp khóa 1935 của École National des Ponts et Chaussées de Paris và được mời về làm Tổng Trưởng Công Chánh và Giao Thông Vận Tải trong nội các ngày 6 tháng 7, 1954 của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Ông là một người rất nhân từ, khiêm tốn, ông cho nhiều học sinh nghèo ở tỉnh theo học trường chuyên nghiệp tại Sài Gòn, được phép vào trú ngụ trong mấy cái xưởng không dùng đến.*

Vì sự quan tâm đặc biệt về tình trạng Giáo dục Kỹ Thuật thực tế ở Miền Nam, ông rời bỏ chức vụ Tổng Trưởng để đảm nhiệm chức vụ Giám Đốc Nha Kỹ Thuật Học Vụ, tiền thân của Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ -Chẳng những là Giám Đốc các trường Cao Đẳng, ông còn là Giáo Sư thỉnh giảng của trường Đại học Khoa Học, Trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc...Hầu hết các sinh viên ngành Khoa học, Kỹ thuật đều là học trò của ông. Kỹ sư Trần Văn Bạch, một nhà giáo dục tận tâm, đã đóng góp to lớn cho nền giáo dục miền Nam nói riêng, và Việt Nam nói chung. Ông sinh năm 1910, mất 1975.

Năm 1957, trường được chuyển về Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật được thành lập do Sắc Lệnh năm 1957 của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, trực thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Địa điểm của Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật trước 1975 nằm ở góc đường Nguyễn Văn Thoại và Tô Hiến Thành. Từ năm 1974 Trung Tâm trở thành một bộ phận của Viện Đại học Bách Khoa Thủ Đức.

Trong khuôn viên Trung Tâm gồm các Trường Cao Đẳng Chuyên Nghiệp, trường Hàng Hải, trường quốc gia thương mại trung cấp. Muốn nhập học phải có Tú Tài 2 ban A hoặc B qua một kỳ thi tuyển gắt gao, thời gian học cho Kỹ Sư từ 4 đến 5 năm tùy theo ngành, ban Cán Sự 2 năm. Trong khuôn viên Trung Tâm gồm:

- Trường Cao Đẳng Công Chánh: đào tạo Kỹ Sư Cầu Cống, Cán Sự Công Chánh, Địa Chánh.
- Trường Cao Đẳng Điện Học (được thành lập năm 1957): đào tạo Kỹ Sư Điện, Cán Sự Điện, Điện Tử.
- Trường Kỹ Sư Công Nghệ : thành lập năm 1956, đào tạo Kỹ Sư Công Nghiệp.
- Trường Cao Đẳng Hóa Học: đào tạo Kỹ Sư Hóa Học 1968, Cán Sự Hóa Học 1962.
- Trường Việt Nam Hàng Hải: được thành lập năm 1951, được sát nhập vào Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật năm 1957, đào tạo Thuyền Trưởng Viễn Duyên, Sĩ Quan Cơ Khí Hàng Hải.
- Trường Quốc Gia Thương Mãi -Bách Khoa Trung Cấp: đào tạo chuyên viên thương mại, kế toán



Hình 36: Huy hiệu Trung tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ-Sài Gòn

HỌC VIỆN QUỐC GIA KỸ THUẬT (1972 – 1975)

Theo sắc lệnh số 135SL/GD ngày 15/9/1972 của chính quyền VNCH, Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật được đổi tên là Học viện Quốc gia Kỹ thuật (HVQGKT) gồm sáu trường thành viên: trường Kỹ thuật và Khoa học căn bản, trường Cao đẳng Công chánh, trường Cao đẳng Công nghệ (Quốc gia Kỹ sư Công nghệ), trường Cao đẳng Điện học, trường Cao đẳng Hóa học, trường Cao đẳng Hàng hải (Việt Nam Hàng hải).

Đáng chú ý, trường Kỹ thuật và Khoa học căn bản được thành lập theo sắc lệnh 135SL/GD để hỗ trợ cho năm trường cao đẳng thuộc HVQGKT.

Trường Kỹ thuật và Khoa học căn bản có nhiệm vụ giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất các kiến thức về kỹ thuật khoa học để sinh viên có thể theo các ngành chuyên môn ở các năm tiếp theo (tại năm trường cao đẳng còn lại). Học sinh có bằng tú tài 2, ban B, hoặc tú tài của trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp được thi tuyển, nếu đậu sẽ học năm thứ nhất tại trường này



Hình 37: Cổng trước Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ đường Lý Thường Kiệt

B4A1-Trường Cao Đẳng Công Chánh

Đến 1945, khi quân đội Nhật đảo chính Pháp, trường Cao đẳng Công Chánh của Liên Bang Đông Dương tại Hà Nội phải đóng cửa.

Tháng 7 năm 1947, Trường Cao đẳng Công Chánh cũng được tái lập tại Sài Gòn và chỉ dành cho Ban Trung Đẳng. Đến năm 1950, chính phủ Pháp chuyển giao trường lại cho chính quyền Quốc gia Việt Nam, năm 1957, ông Trần Văn Bạch tốt nghiệp trường Ecole nationale des ponts et chaussées Paris được cử giữ chức Giám đốc trường và trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công Chánh Việt Nam

1956-1957, trường chuyển dời và sau đó trực thuộc Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật Phú Thọ cùng với các trường Cao đẳng Điện, Công nghệ Hoá Học và Hàng Hải. Khoá Kỹ Sư Công Chánh cuối cùng thuộc quy chế cũ tốt nghiệp năm 1961 và khoá Cán Sự Công Chánh tốt nghiệp năm 1960.

Sau khi trực thuộc Trung tâm, trường đào tạo 2 ban là Ban Cán Sự và Ban Kỹ Sư.

Đối với Ban Kỹ Sư, kể từ năm 1958, trường chỉ nhận những thí sinh có bằng tú tài toàn phần Toán hay Kỹ thuật vào thi, chương trình học trong 4 năm, sinh viên tốt nghiệp được cấp Văn Bằng Kỹ Sư Công Chánh hay Địa Chánh.

Ban Cán Sự có những thay đổi đáng kể, ban đầu (1957) thí sinh thi vào học phải có văn bằng tốt nghiệp Trung học Phổ Thông hay Kỹ thuật và có chứng chỉ học lớp Đệ Tam. Thời gian học là 3 năm, và 3 tháng hè phải đi tập sự tại các Nha, Sở hay Ty Công Chính địa phương. Thi tốt nghiệp phải đạt trung bình hơn 12 điểm mới được cấp phát văn bằng “Cán Sự Công Chánh” hay “Cán Sự Địa Phương”. Năm 1967, do kỹ thi Trung học Đệ Nhất Cấp bị bãi bỏ nên thí sinh phải có chứng chỉ Tú Tài I mới được vào thi, chương trình học rút lại còn 2 năm. Đến năm 1973, kỳ thi Tú Tài I bãi bỏ, chỉ còn bằng Tú Tài II nên các thí sinh cũng phải có bằng Tú Tài II mới được dự thi với chương trình học kéo dài 2 năm.

https://vi.wikipedia.org/wiki/Trường_Cao_Đẳng_Công_Chánh



Hình 38: Trường Cao Đẳng Công Chánh



Hình 40: Bằng Kỹ Sư Công Chánh thời Quốc Gia Việt Nam 1949-1955



Hình 41. Cán Sự Công Chánh Đông Dương 1934

B4A2-Trường Cao Đẳng Điện Học.



Hình 42: Trường Cao Đẳng Điện Học

B4A3-Trường Kỹ Sư Công Nghệ

Trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ được thành lập năm 1956 trực thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật, Bộ Giáo Dục, Việt Nam Cộng Hòa. Đến năm 1973, sau nhiều lần cải tổ cho phù hợp với tiến trình canh tân kỹ nghệ quốc gia, trường được đổi tên là Cao Đẳng Công Nghệ vẫn thuộc Trung

Tâm bấy giờ đã đổi thành Viện Đại Học Kỹ Thuật. Trung Tâm thường được dân chúng gọi là trường Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ vì tọa lạc tại Phú Thọ – một địa điểm phía Tây Bắc cách Sài Gòn khoảng 10 km. Trường bắt đầu với khóa 01 cho đến Khóa 19, khóa cuối cùng nhập học năm 1974.

Học sinh dự thi tuyển khó khăn vào ban Kỹ Sư phải có bằng Tú Tài ban A hay B. Sau 4 năm tốt nghiệp sẽ được cấp bằng Kỹ Sư Công Nghệ. Trường đào tạo các kỹ sư công nghệ các ngành cơ khí, kỹ nghệ sắt, luyện kim, xe hơi ô tô...

Sau biến cố lịch sử 30-4-1975, cùng chung một số phận của miền Nam, trường Kỹ Sư Công Nghệ, đã bị xóa tên và tiếp thu bởi Khoa Cơ Khí thuộc Đại Học Bách Khoa Hà Nội

Trường đã góp phần rất lớn cho đất nước trong việc đào tạo kỹ sư chuyên viên và quản trị cho nền công nghiệp cũng như các cơ quan kỹ thuật. Khắp nơi, từ nhà máy điện, đường, giấy vải, xi măng... cho đến các cơ quan hành chính, giáo dục và quân sự, đều có sự hiện diện của kỹ sư công nghệ.



Hình 43 Trường Cao Đẳng Công Nghệ và trường Hàng Hải



Hình 44. Trường Cao Đẳng-Công Nghệ-Ban Cơ Khí

B4A4 Trường Hàng Hải.



Hình 45: Huy hiệu trường Việt Nam Hàng Hải

Trường Hàng Hải được chính thức thành lập vào năm 1951, do nghị định số 155-Cab/SG ngày 27-12-1948.

Đầu tiên trường tọa lạc tại khu Hỏa Xa đường Phạm Ngũ Lão với danh hiệu: Việt Nam Hàng Hải Học Liệu. Sau một thời gian được dời đến khuôn viên trường Pétrus Ký, giữa Đại học Sư Phạm và trường Pétrus Ký. Đến năm 1957, Trường được xác nhập vào Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật do sắc lệnh số 213 GD ngày 26-09-1957 của Tổng Thống Việt Nam Cộng

Hòa, dời về Phú Thọ trong khu vực các trường kỹ thuật với danh hiệu:
Trường Việt Nam Hàng Hải

Trường Việt Nam Hàng Hải chỉ đào tạo:

- Thuyền Trưởng Viễn Duyên (Grand Cabotage),
- Thuyền Trưởng Cận Duyên (Petit Cabotage),
- Sĩ Quan Cơ Khí Hạng nhất,
- Sĩ Quan Cơ Khí Hạng nhì.

Hàng năm thí sinh dự kỳ thi tuyển rất đông; như năm 1971, khoảng 1200 thí sinh cho ban Chỉ huy và 950 cho ban Cơ khí. Từ trước đến nay trường chọn mỗi ban khoảng 23 người trúng tuyển vào năm thứ nhất. Muốn dự kỳ thi tuyển vào trường, thí sinh phải có văn bằng Tú tài phổ thông (Ban B) hay kỹ thuật trở lên.

<http://maitruongvaquythay.blogspot.com/2009/06/viet-nam-hang-hai-hoc-hieu-ecole-de.html>

B4A5-Trường Cao Đẳng Hóa học.

Năm 1962, trường Cao đẳng Hóa học được thành lập đào tạo các cán sự hóa học, thí sinh dự thi tuyển chỉ cần bằng Tú Tài 1 trở lên. Từ năm 1968 trường bắt đầu cho thi tuyển sinh viên kỹ sư Hóa học. Thí sinh phải có bằng Tú tài 2, ban B hay Kỹ Thuật. Sau 4 năm, sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Kỹ Sư Hóa Học.

Mục đích của trường nhằm đào tạo chuyên viên trung và cao cấp cho sự phát triển và sự sáng tạo của Kỹ Nghệ Việt Nam.

-Hỗ trợ và cung ứng nhu cầu cần thiết cho cuộc sống hàng ngày: Giấy , Sơn, Thủy Tinh, Xi măng, Diêm quẹt

-Hỗ trợ hoạt động sản xuất căn bản Canh Nông, Kỹ Nghệ Biến Chế kim loại, Kỹ Nghệ Dệt, Kỹ Nghệ Dược Phẩm, Thực Phẩm

-Hỗ trợ và phát triển các khu Công Nghệ như Khu Biên Hoà, An hòa, Nông Sơn, Phong Dinh, Cam Ranh, Nhà Bè Nha Trang

Phần đông sinh viên tốt nghiệp ra trường đảm nhận chức vụ quan trọng của những công ty nổi tiếng như:

-Công ty Giấy COGIDO -Tân Mai

-Công ty Xi măng Hà Tiên

-Mỏ than Nông Sơn

- Công Ty Đường Việt Nam
- Các công ty dệt, nhuộm
- Viện bào chế Y Dược
- Trung tâm Khuếch trương Kỹ Nghệ
- Bộ Kinh Tế, Canh nông
- Sài Gòn Thủy Cục ...

REPORT THIS AD



Hình 46: Cao Đẳng Hóa Học

<http://caodanghoahoc.net/gioi-thieu/gioi-thieu-gia-dinh-hoa-hoc-1.html>

B4A6-Trường Quốc Gia Thương Mại

Trường Quốc-Gia Thương-Mại (Ecole Nationale De Commerce de Saigon) được thành lập vào giữa tháng 5 năm 1956 tại Sài Gòn. Trong thời điểm này, nhiều quốc gia trong khối Đông-Nam-Á, kể cả Việt Nam, vẫn chưa hề có một hệ-thống giáo-dục về Thương-Mại. Vì là trường dạy về Thương-Mại duy nhất trên toàn quốc nên đã được đặt tên là Trường Quốc-Gia Thương-Mại (QGTM).

Trường có mục đích đào tạo các sinh-viên thành những chuyên-viên có kiến-thức về hành-chính, tài-chính, quan thuế, thuế vụ, ngân hàng... để đảm-nhiệm những chức-vụ quan trọng cho nhà nước, và các doanh-nghiệp thương-mại. Trường QGTM được tổ chức dựa theo khuôn khổ của Institut d'Enseignement Commercial – Université de Grenoble tại Pháp, với các môn học chính.

Khởi đầu, Trường QGTM có trụ sở tại số 2 Phạm Đăng Hưng – Đakao, trong khuôn viên Nha Kỹ-Thuật Học-Vụ. Cuối năm 1965, trường được dọn về trụ sở mới tại số 268 đường Nguyễn Văn Thoại, nằm trong khuôn viên của Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật Phú Thọ.

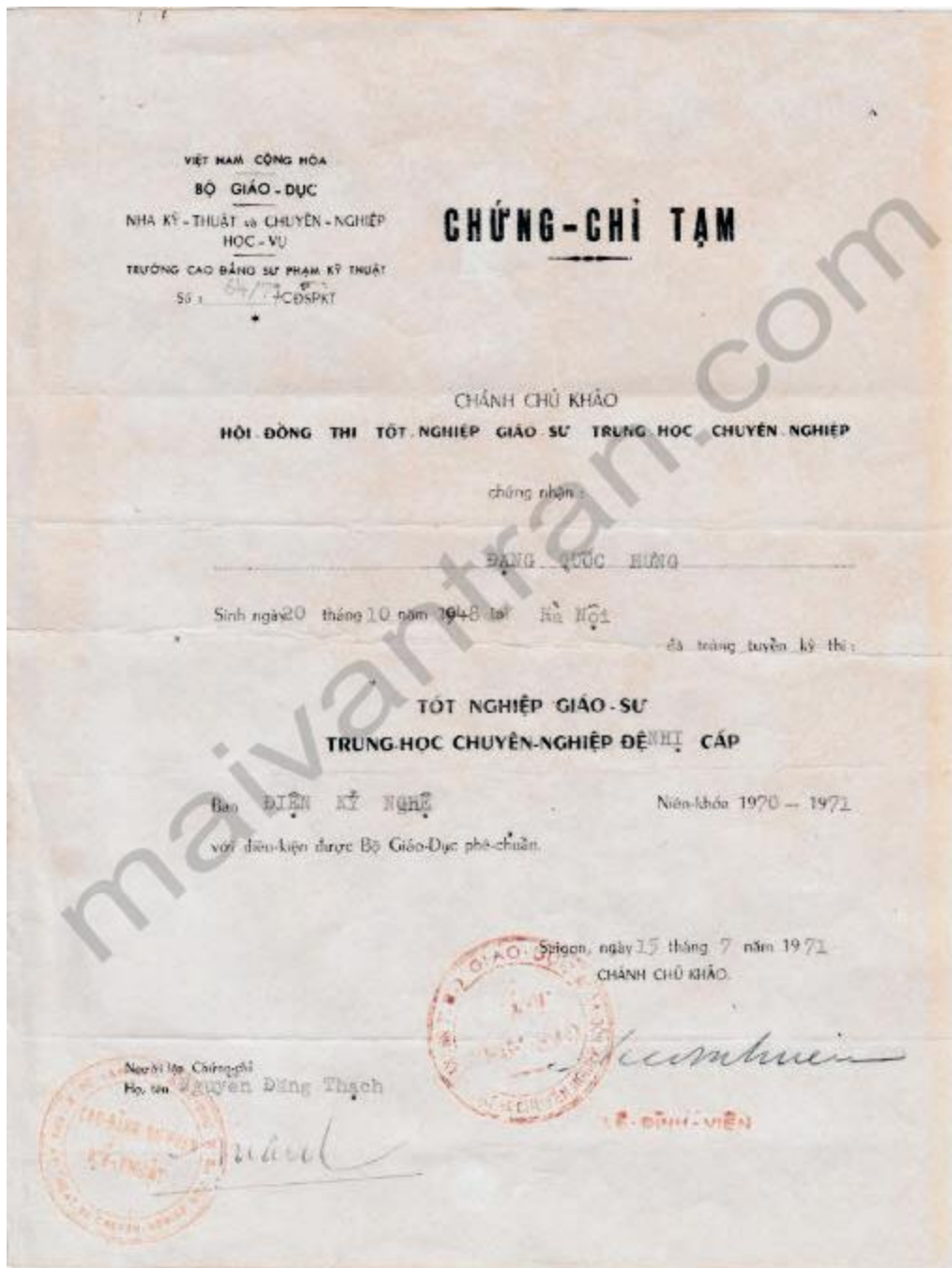
Bắt đầu từ niên-khóa 1973-1974, Trường Quốc-Gia Thương-Mại trở thành Khoa Thương-Mại – Trường Đại-Học Chuyên-Nghiệp Trung-Cấp thuộc Viện Đại Học Sài Gòn (chương-trình được phỏng theo hệ thống Junior College của Hoa-Kỳ). Thí sinh có bằng Tú Tài toàn phần phải qua một cuộc thi tuyển gồm các môn Toán-Lý-Hóa và Kiến-thức phổ-thông để thành sinh viên khóa Thương-Mại.



Hình 47: Trường Quốc Gia Thương Mại

B4A7-Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật

Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật thành lập do Nghị Định số 1082/GD ngày 05/10/1962 của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Trực thuộc nha Kỹ Thuật và chuyên nghiệp học vụ, trụ sở ở Thủ Đức, trường đào tạo các giáo chức dạy các môn kỹ thuật cho các trường Sư Phạm Kỹ Thuật Trung Cấp. Trường có các ngành về Khoa Học Ứng Dụng, Khoa Học Chuyên Nghiệp, Kỹ Nghệ Họa, Thương Mại, Tiểu Công Nghệ. Đến niên khóa 1973-1974 trường được kết hợp với một số trường Cao Đẳng của Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ để trở thành Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức dưới sự điều khiển trực tiếp của Bộ Văn Hóa Giáo Dục.



Hình 48: Chứng chỉ tốt nghiệp Giáo sư Chuyên nghiệp cao cấp 1971.

B4B-Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp.

Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp là hậu thân của Trường Chuyên Nghiệp Nông Lâm Đông Dương (École Spécial d'Agriculture et de Sylviculture) tại Hà Nội do nghị định ngày 15/08/1938 của Toàn Quyền Đông Dương. Sau 1954 trường dời vào Nam.

Trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Biao được thành lập theo nghị định 112 BCN/NĐ ngày 19 tháng 11 năm 1955. Trường đào tạo ba ngành Nông Lâm Súc. Trường gồm một cấp Cao đẳng đào tạo các kỹ sư dành cho các sinh viên đã học hết chương trình trung học thời gian học lúc đầu là 3 năm, sau này là 4 năm và cấp Trung đẳng đào tạo các kiểm sự dành cho các học sinh đã đậu bằng Trung học đệ nhất cấp, Trung học phổ thông hoặc học lực tương đương. Thời gian học là 3 năm.

Trường trực thuộc Nha Học vụ Kỹ thuật và Thực hành Canh nông, Bộ Canh Nông. Khóa đầu tiên cấp Trung đẳng được khai giảng vào ngày 12 tháng 12 năm 1955 và khoá đầu tiên cấp Cao đẳng được khai giảng vào ngày thứ hai tuần lễ đầu tiên tháng 11 năm 1959 và đã bế giảng vào ngày thứ bảy tuần lễ đầu tiên tháng 11 năm 1962.

Nghị định 1361/BCTNT/NĐ/HC-2 ngày 26-3-1962 của Bộ Cải Tiến Nông Thôn đã chuyển giao nhiệm vụ và cơ sở Học vụ Kỹ thuật Canh nông và các trường trực thuộc về Bộ Quốc Gia Giáo Dục

Theo nghị định 1184/GD/TC ngày 24-8-1963 cấp Cao đẳng Trường Quốc Gia Nông Lâm Mục được cải biến thành Trường Cao đẳng Nông Lâm Súc Sài Gòn và do một giám đốc điều khiển, trực thuộc Nha Học vụ Nông Lâm Súc. Cũng theo nghị định này, kể từ niên học 1963-1964 thời hạn học tại Trường Cao đẳng Nông Lâm Súc được ấn định là 4 năm. Thi sinh phải có bằng Tú Tài II ban A, B và phải qua kỳ thi tuyển

Cấp Trung đẳng Trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Bảo Lộc được cải biến thành Trường Trung học Nông Lâm Súc Bảo Lộc.

Theo nghị định 483/GD ngày 23-3-1967 Trường Cao đẳng Nông Lâm Súc trực thuộc Bộ Giáo Dục. Theo sắc lệnh 158/SL/VHGD/TN ngày 9-11-1968 Trường Cao đẳng Nông Lâm Súc Sài Gòn được cải biến thành Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp trực thuộc Bộ Văn Hoá Giáo Dục và Thanh Niên. Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp (1968-72) do một giám đốc điều khiển, có một phó giám đốc phụ tá. Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp gồm có ba trường: Cao đẳng Nông Nghiệp, Cao đẳng Thú Y và Chăn Nuôi, và Cao đẳng Thủy Lâm. Mỗi trường do một giám đốc điều khiển.

Theo sắc lệnh 174/SL/GD ngày 29-11-1972 Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp được cải biến thành Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp. Học viện có nhiệm vụ huấn luyện, đào tạo và tu nghiệp cho các chuyên viên và cán bộ nông nghiệp cấp kỹ sư và các cấp cao hơn, sưu tầm, nghiên cứu, phát

minh, phổ biến các kiến thức, kỹ thuật sản xuất và góp phần thiết lập các dự án nhằm phát triển các lãnh vực nông nghiệp.

Theo sắc lệnh 010-SL-VH-GDTN ngày 11-1- 1975 Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp (1972–1974), Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật và Ban Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật được sát nhập vào Viện Đại học Bách Khoa Thủ Đức.

Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp được biến cải thành trường Đại học Nông Nghiệp-Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức năm 1974 gồm 5 ngành: Nông khoa, Lâm khoa, Súc khoa, Ngư nghiệp và Kỹ thuật nông nghiệp.

http://dayvahoc.blogspot.com/2009_05_01_archive.html



Hình 49: Một số sinh viên chuẩn bị đi thực tập 1966.



Advertisements

REPORT THIS AD

Hình 50: Chứng chỉ tốt nghiệp Kỹ Sư Nông Khoa-trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc 1969.



Hình 51 :Chứng chỉ tốt nghiệp Kỹ Sư Thủy Lâm. Học viện Quốc Gia Nông Nghiệp 1974



Hình 52: Chứng chỉ tốt nghiệp bằng Kỹ Sư Súc Khoa -trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc 1969.

B4C-Học Viện Quốc Gia Hành Chánh

Học viện Quốc gia Hành chánh: Cơ sở này được thành lập từ thời Quốc gia Việt Nam với văn bản ký ngày 29 tháng 5 năm 1950 nhằm đào tạo nhân sự chuyên môn trong lãnh vực công quyền như thuế vụ và ngoại giao. Trường sở đặt ở Đà Lạt; năm 1956 thì dời về Sài Gòn đặt ở đường Alexandre de Rhodes; năm 1958 thì chuyển về số 100 đường Trần Quốc Toàn (gần góc đường Cao Thắng, sau năm 1975 là đường 3 tháng 2), Quận 10, Sài Gòn. Học viện này trực thuộc Phủ Thủ tướng hay Phủ Tổng thống, đến năm 1973 thì thuộc Phủ Tổng ủy Công vụ. Học viện có chương trình hai năm cao học, chia thành ba ban cao học, đốc sự, và tham sự.



Advertisements

REPORT THIS AD

Hình 53 :Học viện quốc gia hành chánh đường Alexandre de Rhodes



Hình 54 : HVQGHC đường Trần Quốc Toàn 1962



Hình 55: Học viện quốc gia hành chính 1970s

Học viện Quốc gia Hành chính là một cơ sở giáo dục của Việt Nam Cộng Hòa đặt trọng tâm vào việc đào tạo nhân viên hành chính cao cấp cho chính phủ...

Đầu tiên, Trường Quốc gia Hành chính được thành lập tại Đà Lạt do sắc luật của Quốc trưởng Bảo Đại ký ngày 7 tháng 4 năm 1952. Trường lúc đó thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục với học trình hai năm nhưng sau được chuyển

giao cho Phủ Thủ tướng rồi Phủ Tổng thống. Đến năm 1955 sau khi về nước chấp chánh, Thủ tướng Ngô Đình Diệm vì nhận thấy vai trò quan trọng của cán bộ hành chánh trong công cuộc xây dựng quốc gia nên đã cho dời trụ sở của trường về Sài Gòn và cải danh thành Học viện Quốc Gia Hành Chánh (QGHC), trụ sở đặt tạm tại số 4 đường Alexandre de Rhodes, sau này là trụ sở của Bộ Ngoại giao. Đến năm 1962, Học viện được chánh thức chuyển về trường sở mới to lớn và khang trang tại số 10 Trần Quốc Toàn. Cơ sở vật chất gồm có giảng đường 500 chỗ ngồi, ký túc xá cho 114 sinh viên, thư viện lớn nhất Việt Nam với 100.000 văn bản, nhà sinh hoạt, sân quần vợt, sân bóng chuyền, câu lạc bộ.

Mục đích của Học viện QGHC là nhằm đào tạo cán bộ cho guồng máy hành chánh của quốc gia qua 4 chương trình học gồm ban Cao học, ban Đốc sự, ban Tham sự, và ban Năng lực Hành chánh. Muốn nhập học, thí sinh phải có văn bằng Tú tài toàn phần cho ban Tham sự, Đốc sự và văn bằng Cử nhân hay tương đương cho ban Cao học.

Tất cả thí sinh dự tuyển phải trải qua một kỳ khảo hạch gồm một bài bình luận về các vấn đề văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị..., để lượng giá kiến thức tổng quát, khả năng suy luận và khả năng diễn đạt tư tưởng của thí sinh. Ban Cao học có học trình hai năm và Đốc sự có học trình ba năm rưỡi nhằm đào tạo công chức hạng A cho các ngành hành chánh và chuyên môn như kinh tế, tài chánh, thuế vụ, xã hội, ngoại giao... Môn học gồm những kiến thức như soạn thảo công văn, kế toán thương mại, tư tưởng và định chế chính trị, quản trị công quyền, quản trị nhân sự, luật hành chánh, luật thuế vụ... và cả huấn luyện quân sự. Khi thi mãn khóa ngoài các bài thi về các môn đã học, sinh viên còn phải nộp một Luận văn tốt nghiệp về một đề tài được giáo sư hướng dẫn chấp thuận. Ban Tham sự với học trình hai năm nhằm đào tạo công chức hạng B. Còn ban Năng lực Hành chánh là những lớp học buổi tối dành cho quân nhân và công chức để giúp họ cải tiến kỹ năng và kiến thức chuyên môn hành chánh để dự thi vào các ngạch hành chánh.

Sau khi ra trường các sinh viên tốt nghiệp được bổ dụng đến nhiều cơ quan từ Phủ Tổng Thống, Phủ Thủ tướng, Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, Tổng Nha Ngân sách và các Bộ, Nha ở trung ương cho đến các ty, các sở ở địa phương và Phó tỉnh trưởng hoặc Phó quận trưởng.

<http://quocgiahanhchanh.com/doidongggghc.htm>



Advertisements

REPORT THIS AD

Hình 56: Văn Bằng Tốt Nghiệp Đốc Sự, Trường Quốc Gia Hành Chánh, tiền thân là Học Viện Quốc Gia Hành Chánh

B4D-Viện Đại Học Sài Gòn.

Viện Đại Học Sài Gòn: Tiền thân là Viện Đại Học Đông Dương (1906), rồi Viện Đại Học Quốc Gia Việt Nam (1955)– còn có tên là Viện Đại học Quốc gia Sài Gòn. Năm 1957, Viện Đại học Quốc Gia Việt Nam đổi tên thành Viện Đại học Sài Gòn. Đây là viện đại học lớn nhất nước. Trước năm 1964, tiếng Việt lẫn tiếng Pháp được dùng để giảng dạy ở bậc đại học, cao đẳng nhưng sau đó thì chỉ dùng tiếng Việt mà thôi theo chính sách ngôn ngữ theo đuổi từ năm 1955. Riêng Trường Đại Học Y Khoa dùng cả tiếng Anh. Vào thời điểm năm 1970, hơn 70% sinh viên đại học trên toàn quốc ghi danh học ở Viện Đại học Sài Gòn.

Vào thời điểm mới thành lập năm 1957, Viện Đại học Sài Gòn có 8 phân khoa là:

- Văn khoa
- Luật khoa
- Y khoa
- Dược khoa
- Nha khoa

Khoa học
Sư phạm
Kiến Trúc.



Hình 57: Viện Đại Học Sài Gòn, Công trường chiến sĩ-Đối diện Hồ Con Rùa-Sau 1975 mang tên chính thức Công trường Quốc Tế

B4D1-Y Dược Đại học đường.

Trường Y khoa Hà Nội (École de Médecine de Hanoi) được Pháp thành lập theo Nghị định ngày 8/1/1902 và được tổ chức lại theo Nghị định ngày 25/10/1904 do Toàn quyền Paul Beau ký ban hành. Theo Nghị định ngày 25/10/1904, trường Y Hà Nội được đổi tên thành trường Y Đông Dương (Ecole de Médecine de l'Indochine)

Năm 1947: Trường Đại học Y khoa Sài Gòn, thường gọi là Y khoa Đại học đường Sài Gòn, được thành lập, như một phân hiệu của trường Y khoa Hà Nội, thuộc Viện Đại Học Liên bang Đông Dương.

Năm 1954: Chính phủ Việt Nam Cộng hòa chính thức trường chính thức mang tên Trường đại học Y Dược Sài Gòn, hay thường được gọi Y dược đại học đường Sài Gòn hay ngắn gọn là Trường Y khoa Sài Gòn

Ngày 31 tháng 8 năm 1961, Y Dược Đại học đường Sài Gòn được phân chia thành Y khoa Đại học đường Sài Gòn và Dược khoa Đại học đường Sài Gòn. Ngày 12 tháng 8 năm 1962, Ban Nha khoa thuộc Y khoa Đại học đường Sài Gòn trở thành Nha khoa Đại học đường Sài Gòn. Cả 3 trường hoạt động độc lập trong Viện Đại học Sài Gòn.



Hình 58: Trường Y và Dược Khoa lúc mới thành lập trong Nam, 28 đường Testard- Trần Quý Cáp , sau 1975, Võ văn tần

Trường Đại học Y khoa đầu tiên ở Việt Nam là Trường Y khoa Đông Dương thuộc Viện Đại học Đông Dương (Université de l'Indochine) đặt ở Hà Nội. Năm 1946 mở thêm một trường phụ thuộc ở Sài Gòn với tên Faculté de Médecine et de Pharmacie. Sau Hiệp định Genève năm 1954, cơ sở và nhân sự được dời từ ngoài Bắc vào Sài Gòn dưới tên mới: Faculté de Médecine et de Pharmacie, Université de Saigon

Tọa lạc tại số 28 đường Testard gần góc với đường Barbé (sau năm 1955 đổi là Trần Quý Cáp và Lê Quý Đôn) trên nền đất cũ của ngôi chùa lịch sử Khải Tường. Sang thời Pháp thuộc chùa bị phá. Lấp lên trên nền chùa cũ là biệt thự tư gia. Năm 1940 nữ bác sĩ Henriette Bùi, mở dưỡng đường sản phụ khoa ở đó. Bà là nữ bác sĩ đầu tiên của Việt Nam, cũng là con gái của nghị viên Bùi Quang Chiêu, một nhân vật chính trị quen thuộc ở Nam Kỳ. Bà đã hiến biệt thự cho chính phủ để trường có nơi hoạt động Tháng Tám năm 1961, Trường tách Y khoa và Dược khoa làm hai. Năm 1963 thì tách Nha khoa ra khỏi. Cũng vào những năm này các giáo sư người Pháp lần lượt giải nhiệm và ban giảng huấn chuyển qua người Việt. Năm 1962 là năm cuối cùng bằng Bác sĩ Y khoa của Viện Đại học Sài Gòn được công nhận tại Pháp

[.https://vi.wikipedia.org/wiki/Trường_Y_khoa_S%C3%A0i_G%C3%B2n](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trường_Y_khoa_S%C3%A0i_G%C3%B2n)

Advertisements

REPORT THIS AD



Hình 58: Trung Tâm Giáo Dục Y khoa, đường Hồng Bàng 1966, Saigon

Ngày 9.5.1963 là ngày đặt viên đá đầu tiên xây dựng trung tâm giáo dục y khoa (TTGDYK) tại đường Hồng Bàng (Chợ Lớn), nay là Đại học Y Dược TP.HCM, với thiết kế của công ty kiến trúc Mỹ Smith, Hinchman&Grylls và đoàn kiến trúc sư VN do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ hướng dẫn. Bắt đầu từ năm 1961, hai bên đã cộng tác để thiết lập đề án kiến trúc nói trên. Khoảng tháng 6.1962, hai bên đã hoàn thành đề án xây cất TTGDYK với đầy đủ các chi tiết. Trường có nhiều phòng thí nghiệm, những giảng đường với 200 chỗ ngồi, một đại thính đường với 450 chỗ ngồi, một thư viện 200 chỗ ngồi, một quán cà phê và một bệnh viện y khoa. Với cơ sở lớn như vậy, hằng năm có độ 200 BS y khoa và 50 nha sĩ tốt nghiệp.

Sau ba năm xây dựng, ngày 16.11.1966, chính phủ VNCH đã làm lễ khánh thành TTGDYK với kinh phí xây dựng là 150 triệu đồng. GS Phạm Biểu Tâm đã đọc một bài diễn văn khai mạc trong đó có đoạn đáng chú ý: “Trung tâm này sẽ xứng danh là một TTGDYK vào bậc nhất nhì vùng Đông Nam Á”.

Cũng nên chú ý trường Y khoa Đại học đường Sài Gòn trực thuộc Viện Đại học Sài Gòn thời VNCH đã hợp tác chặt chẽ với 20 bộ môn của 19 trường y tại Mỹ. Ngoài việc một số đồng giảng viên VN được huấn luyện tại Mỹ từ 6 tháng đến 6 năm, phía Mỹ đã gửi đến VN lượng sách, báo đồ sộ cho thư viện và một lực lượng ban giảng huấn hùng hậu với 171 giảng viên, với những tên tuổi lớn của y khoa Mỹ lúc bấy giờ. Từ ngôi trường y khoa này, xuất hiện một loạt BS tài ba, những GS – tiến sĩ y khoa đầu ngành nổi tiếng tại VN hiện tại.

Từ 1948 đến 1961 muốn nhập học phải có chứng chỉ PCB (Lý, Hóa, Sinh Hóa) của trường Đại Học Khoa Học và qua kỳ thi tuyển. Sau 1961 chỉ cần

có bằng Tú Tài 2 ban A hoặc B và đậu kỳ thi tuyển vào năm Dự Bị Y Khoa cùng với 6 năm học nữa (học trình 7 năm). Trước 1966, Đại Học Y Khoa Sài Gòn giảng dạy bằng tiếng Pháp, nhưng sau năm này các giáo sư có thể giảng bằng một trong ba thứ tiếng: Việt, Anh, Pháp. Cuối năm thứ 5, sinh viên thi tốt nghiệp và sau đó phải soạn và trình luận án viết bằng Pháp hoặc Anh Văn. Từ sau 1967 sinh viên mới được chọn thêm tiếng Việt.



Hình 60 : Văn Bằng Tiến Sĩ Y Khoa 1970



Hình 61: Văn Bằng Tiến Sĩ Y Khoa 1971

B4D2-Trường Đại Học Dược Khoa



Hình 62: Đại học Dược Khoa Sài Gòn, 41 Cường Để

Trường Y Dược trước kia ở số 28 Trần Quý Cáp. Nay phân khoa Dược tách riêng và dọn về trường sở mới tại số 169 Công Lý, góc đường Hiền Vương

Trường Dược khoa từ năm 1954 là một cơ sở tổng hợp chung của y khoa lẫn dược khoa. Tháng Tám năm 1961 thời Đệ Nhất Cộng hòa, chính phủ cho tách phân khoa dược khỏi y khoa và lập trường Đại học Dược khoa Sài Gòn, lấy trụ sở chính ở số 169 đường Công lý. Tháng Tư năm 1964, trường sở chuyển về Thành Cộng hòa, số 41 đường Cường Để.

Từ trước, chương trình theo như của Pháp gồm 5 năm học.

Từ niên khóa 65-66, khi trường áp dụng thi tuyển chỉ lấy 400 sinh viên mỗi năm, và tới niên khóa 72-73 lấy xuống còn 200 một năm.

Sinh viên nhập học phải có bằng Tú tài II thuộc ban A (khoa học) hoặc B (toán học). Khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp bằng “Dược sĩ Quốc gia” (Diplôme de Pharmacien d’État).

Ông Trương Văn Chôm tốt nghiệp Tiến Sĩ đại học Pháp, trở về Việt Nam dạy Đại Học Y Dược Sài Gòn là người đã bỏ nhiều công sức tranh đấu để trường Dược Khoa được tách rời khỏi Đại Học Y Dược Khoa Sài Gòn và trở thành Phân Khoa độc lập, Đại Học Dược Khoa Sài Gòn.

Giáo Sư Trương Văn Chôm cũng là chủ nhân Viện Bào Chế VANCO.

Sau 1968 trương nâng cấp với chương trình Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp.



Hình 63: Văn Bằng Dược Sĩ Quốc Gia

B4D3-Trường Đại học Nha Y khoa Sài Gòn

Tháng 10 năm 1954, GS. E. Leriche, phụ trách Ban Nha khoa trường Đại học Y Dược Hà Nội chuyển vào Sài Gòn. Một số sinh viên Việt Nam – người miền Bắc và miền Nam – cũng chuyển theo. Trong lịch sử ngắn ngủi của đào tạo ngành Nha trước đó, có thể ghi nhận những điểm mốc quan trọng: 1939 khai sinh, 1944 khóa Nha sĩ quốc gia đầu tiên, 1945 thành lập “Ban Nha học” trong Đại học Y Dược khoa hỗn hợp tại Hà Nội.

Tháng 5 năm 1955, tại Y Dược Đại học đường Sài Gòn, Ban Nha khoa được giao cho GS. Trịnh Văn Tuất phụ trách. Ban Nha khoa về qui mô tổ chức và hoạt động còn nhỏ yếu. Cơ sở giảng dạy và thực tập chưa có nên phải đặt tại bệnh viện Bình Dân.

Theo sắc lệnh số 83/GD ngày 12 tháng 8 năm 1963 của Tổng thống Việt Nam cộng hòa, Nha khoa Đại học đường được thành lập, nhưng mãi hơn một năm sau, mới chính thức tách rời Y khoa đại học đường Sài Gòn. GS. Nguyễn Huy Tiếp được bổ nhiệm giữ chức vụ Khoa trưởng đầu tiên.

Ngày 16 tháng 11 năm 1966, Y khoa Đại học đường Sài Gòn và Nha khoa Đại học đường Sài Gòn chính thức chuyển về Trung tâm Giáo dục Y khoa trên đường Hồng Bàng, Quận 5. Trung tâm có cơ sở vật chất khá tiện nghi,

hiện đại lúc bấy giờ, được sử dụng chung cho 2 trường: Y khoa Đại học đường Sài Gòn và Nha khoa.

Muốn nhập học phải có chứng chỉ SPCN (Lý, Hóa, Vạn Vật) hoặc PCB (Lý, Hóa, Sinh Hóa) của trường Đại Học Khoa Học và học thêm 4 năm trường Nha. Sau 1966 thí sinh có Tú Tài 2 trực tiếp thi vào thì học trình là 5 năm. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực tập tại phòng thí nghiệm ở trường và tại các phòng giải phẫu của bệnh viện, tốt nghiệp qua kỳ thi cuối năm thứ 5 được cấp bằng Nha Sĩ Quốc Gia.

B4D4-Trường Đại học Luật Khoa-Luật Khoa đại học đường.

Năm 1933, chính quyền bảo hộ Pháp đã cho thành lập một trường luật lấy tên là Trường Cao Đẳng Pháp Chính Đông Dương (Ecole Supérieure D'Administration Indochinoise) đặt trụ sở tại Hà Nội, nhằm đào tạo một tầng lớp quan lại người bản xứ, cung ứng cho guồng máy cai trị ba nước thuộc địa Đông Dương là Việt, Miên, Lào. Người Việt thường gọi trường này là Trường Hậu Bổ. Từ năm 1933 trường được đổi tên thành Trường Cao Đẳng Luật Học (Ecole Supérieure De Droit).

Đến năm 1938, Trường Cao Đẳng Luật Học được nâng lên thành một Phân Khoa Luật (Faculté De Droit) tại Hà Nội trực thuộc Đại Học Luật Khoa Ba Lê. Năm 1946 một chi nhánh của Phân Khoa Luật Hà Nội được mở ở Sài Gòn, trụ sở đặt ở số 17 Duy Tân Sài Gòn.

Sau Hiệp Định Genève năm 1954 chia đôi lãnh thổ, cơ sở Luật Hà Nội di chuyển vào Miền Nam, sát nhập với Trung Tâm Sài Gòn, lấy tên là Phân Khoa Luật (Faculté De Droit) trực thuộc Viện Đại Học Sài Gòn.

Ngày 30-4-1955, cùng lúc thu hồi chủ quyền về Việt Nam Cộng Hòa, Trường Luật được mang tên Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, hay thường gọi là Đại Học Luật Khoa Sài Gòn.

Trong khoảng thời gian này tiếng Việt được dùng để giảng dạy thay tiếng Pháp, nhưng chương trình giảng dạy căn bản vẫn theo chương trình giảng huấn và tài liệu giáo khoa tham khảo của các giáo sư Việt Nam vẫn là theo Đại Học Luật Pháp. Mãi sau này, khi trường luật có một số Giáo Sư tốt nghiệp từ Hoa Kỳ về giảng dạy, giáo trình, tài liệu giáo khoa mới được mở rộng thêm qua các trường luật của Hoa Kỳ.

Về sĩ số sinh viên, vào khoảng cuối thập niên 1960 trở đi, sĩ số sinh viên ghi danh tăng nhanh. Năm 1970 đã có trên 13.000 ghi danh học bốn năm cử nhân luật. Vì con số sinh viên quá lớn so với khả năng trường ốc, với

số phòng ít lại nhỏ hẹp, số giáo sư ít ỏi, có thời gian trường phải mượn cả rạp Thống Nhất trên đại lộ Thống Nhất –cũng là hội trường Sở Xổ Kiến Thiết Quốc Gia- để giảng dạy cho sinh viên năm thứ 1&2. Trước năm 1967, học trình Ban Cử Nhân Luật là 3 năm, chưa phân ban, các sinh viên đều học như nhau, khi tốt nghiệp đều được cấp phát văn bằng Cử Nhân Luật. Nếu tiếp tục lên Cao Học, sinh viên mới chọn ban ngành: Công Pháp, Tư Pháp hay Kinh Tế.

Từ sau năm 1967, học trình Ban Cử Nhân Luật là 4 năm Hai năm đầu chưa phân ban, sinh viên học chung cùng một chương trình. Bắt đầu từ năm thứ ba trở đi, sinh viên sẽ ghi danh học theo ngành mình chọn, với các môn học chung và chuyên biệt, như Ban Kinh Tế sẽ học thêm các môn Thống Kê (Statistics), Kinh Tế Toán Học (Econometrics). Sau 4 năm tốt nghiệp, sinh viên được cấp văn bằng Cử Nhân Luật ban công pháp, tư pháp hay kinh tế. Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân, sinh viên có thể ghi danh tiếp tục học Ban Cao Học Luật hai năm theo ngành của mình, để đủ điều kiện trình luận án thi lấy bằng Tiến Sĩ Luật.



Hình 64: số 17 đường Garcerie –đường Duy Tân trước 1975-sau Phạm Ngọc Thạch Saigon

Địa điểm này nguyên là một trường Mẫu Giáo thời Pháp thuộc, được Bộ Quốc Gia Giáo Dục chính phủ Nam Triều thu hồi, cấp cho trường Cao Đẳng Luật Hà Nội để mở một phân khoa Luật tại Sài Gòn vào năm 1946.

Từ 1955, dưới thời đệ nhất Cộng Hòa, trường được mang tên Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, hay thường gọi là Đại Học Luật Khoa Sài Gòn.



Hình 65: Luật Khoa Đại Học Đường

VIỆN ĐẠI HỌC SAIGON
Université de Saigon
LUẬT-KHOA ĐẠI-HỌC ĐƯƠNG
Faculté de Droit

Số
 No 571- LR/DH.CC

CHỨNG-CHỈ TẠM-THỜI

(Attestation provisoire)

KHOA-TRƯỞNG LUẬT-KHOA ĐẠI-HỌC ĐƯƠNG SAIGON
Le Doyen de la Faculté de Droit de Saigon

CHỨNG NHẬN :
Atteste que

○ O. M. **VŨ - KIM - PHUNG**

Sinh ngày 05 . 9 . 1944 tại Long-Thành TÂY-NINH
Né le

đã trúng tuyển kỳ thi **HẸM THỨ BA CỬ-NHÂN LUẬT-KHOA**
à 2e épreuve aux examens de la 3ème Année de la Licence en Droit

Khóa ngày 11.9.1967 tại Saigon
Séance du

Xếp hạng	Vấn đáp I	THỬ
Mention	Sur oral	Passable.
	Vấn đáp II	THỬ
	Sur écrit	Passable.

Chứng chỉ này cấp tạm thời với điều kiện kết quả kỳ thi được
Cette attestation est délivrée provisoirement sous réserve de la certification ultérieure
 Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục phê-chuẩn.
de résultat des examens par M. Le Secrétaire d'Etat à l'Education Nationale.

Saigon, ngày 26 tháng 10 năm 1967
Saigon, le

NGƯỜI LẬP CHỨNG CHỈ :
 Trưởng-Phòng Học-Vụ và Khảo thí,
Le Directeur de l'Enseignement et des Examens

NGUYỄN-TRƯỜNG-KIM
 Đốc-Sứ Hành-Chánh.

KHOA-TRƯỞNG
Le Doyen
NGUYỄN-CAO-HÁCH.

CHÚ THÍCH : Chứng chỉ này chỉ cấp một lần.
Observation : Cette attestation est délivrée par une seule fois.

Hình 66: Chứng chỉ Cử Nhân Luật chế độ 3 năm- 1967

VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON
Université de Saigon

LUẬT-KHOA ĐẠI-HỌC ĐƯƠNG
Faculté de Droit

Số 1886- LK/ĐH/CC
 No

CHỨNG-CHỈ TẠM-THỜI

(Attestation provisoire)

KHOA-TRƯỞNG LUẬT-KHOA ĐẠI-HỌC ĐƯƠNG SAIGON
Le Doyen de la Faculté de Droit de Saigon

CHỨNG NHẬN :
Atteste que

Ó. NGUYỄN - TÂN - HẢI
 M.

Sinh ngày 1.5.1948 tại LIÊM-TUYỀN, HÀ-NAM
Né le à

đã trúng tuyển kỳ thi TỐT-NHIỆP CỬ-NHÂN LUẬT-KHOA
a été reçu aux examens (BAN KINH-TẾ)

Khóa ngày 2.6.1971 tại SAIGON
Session de à

Xếp hạng { Văn đáp I BÌNH THƯỜNG
Mention 1er oral
 Văn đáp II BÌNH THƯỜNG
2è oral

Chứng chỉ này cấp tạm thời với điều kiện kết quả kỳ thi được
Cette attestation est délivrée provisoirement sous réserve de la ratification ultérieure

Ông Tổng-Trưởng Văn-Hóa Giáo-Dục phê-chuẩn.
du résultat des examens par M. Le Ministre de la Culture et de l'Éducation Nationale.

Saigon, ngày 7 tháng 10 năm 1971.
Saigon, le

KT. KHOA-TRƯỞNG Công Xuất
Le Doyen

NGƯỜI LẬP CHỨNG CHỈ :
 Trưởng-Phòng Học-Vụ và Khảo-Thí.

TS. HO-THỜI-SANG

NGUYỄN-THỊ-TIẾNG

CHÚ THÍCH : Chứng chỉ này chỉ cấp một lần : nếu cần, sinh-viên phải làm bản sao có thị thực.
Observation : Aucun duplicata du présent certificat ne sera délivré : les intéressés devront en faire établir, le cas échéant, des copies certifiées conformes.

Hình 67: Chứng chỉ tốt nghiệp Cử Nhân Luật Khoa-Ban Kinh Tế 1971

B4D5-Trường Đại Học Kiến Trúc Saigon

Thời Liên Bang Đông Dương chỉ có Ban Kiến trúc thuộc Trường Mỹ thuật Đông Dương (École Supérieure des Beaux-Arts de l'Indochine) Đặt tại Hà Nội, lập ra năm 1926. Năm 1942, Ban Kiến trúc thuộc Trường Cao đẳng

Mỹ thuật. Năm 1944, Ban Kiến trúc được nâng cấp thành Trường Kiến trúc thuộc Cao đẳng Mỹ thuật, vì chiến tranh, được chuyển từ Hà Nội vào Đà Lạt, rồi chuyển từ Đà Lạt vào Sài Gòn cuối năm 1950.

Từ năm Năm 1954 và về sau: Theo Hiệp định Genève, Viện Đại học Hà Nội chuyển thành Viện Đại học Quốc gia Việt Nam và sau cùng lấy danh hiệu là Viện Đại học Sài Gòn. Trường mở thêm Ban thiết kế đô thị, thời gian đào tạo là 2 năm và Ban cán sự Kiến trúc thời gian đào tạo là 3 năm.

Trường Cao đẳng Kiến trúc thuộc Viện Đại học Sài Gòn đã mở thêm:

- Ban Thiết kế Đô thị (từ niên khóa 1955-1956)
- Ban Cán sự Kiến trúc (từ niên khóa 1958-1959)

1967: Trường cao đẳng Kiến trúc trở thành trường Đại học Kiến trúc thuộc Viện Đại học Sài Gòn. Từ năm 1967 ngưng đào tạo Ban cán sự Kiến trúc

Muốn ghi danh học đại học Kiến trúc phải có Tú Tài toàn phần hay tương đương. Kỳ thi cuối năm có hai khoá.

Sinh viên tốt nghiệp phải qua học trình sáu năm với một đồ án vào cuối năm 6. Nếu đồ án ra trường không xong, sinh viên sẽ không được cấp văn bằng tốt nghiệp.

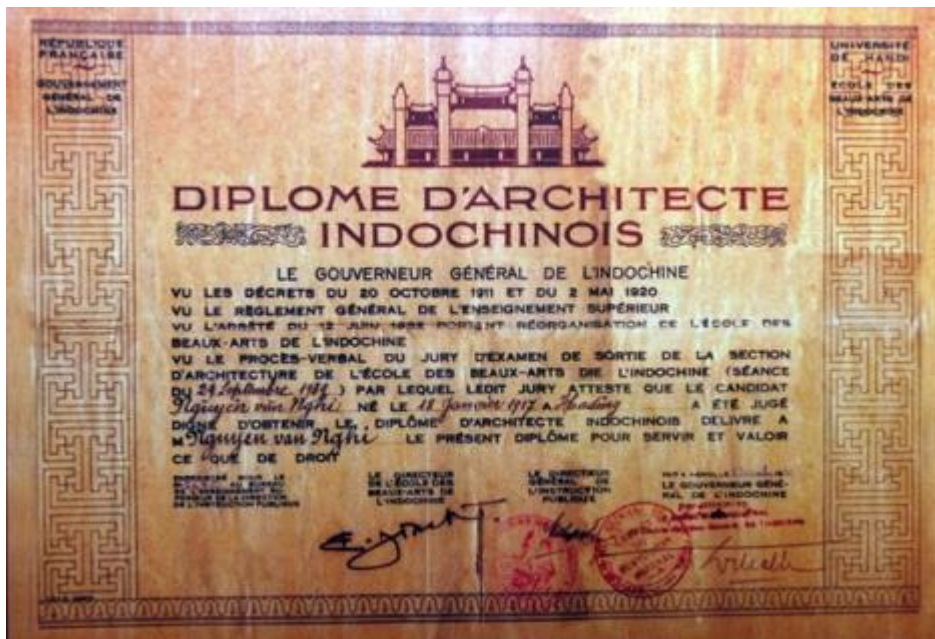
Đêm Kiến Trúc, một điểm đặc thù của sinh viên đại học này, một đêm ca nhạc, khiêu vũ chỉ dành cho sinh viên kiến trúc và khách được mời, “đêm kiến trúc” thường được tổ chức vào dịp Noel, nổi tiếng nhất trong giới sinh viên đại học Saigon với những chương trình giải trí thâu đêm suốt sáng ngay cả trong giai đoạn giới nghiêm (dĩ nhiên phải được phép đặc biệt và không ai được phép lai vãng ngoài khuôn viên của trường).



Hình 68: Trường Kiến Trúc bên phải, đối diện công viên Vạn Xuân bên trái-126 Pasteur-Góc Pasteur và Trần Quý Cáp. Công viên Vạn Xuân bị phá bỏ sau 1975.



Hình 69: Đại Học Kiến Trúc



Hình 70: Bằng Kiến Trúc Sư Đông Dương



Hình 71: Văn bằng Kiến Trúc Sư thời Việt Nam Cộng Hòa 1971

B4D6 -Trường Đại học Khoa học-Khoa học đại học đường

Trường Cao đẳng Khoa học liên bang Đông Dương được Pháp thành lập vào năm 1941. Năm 1947 thì mở thêm chi nhánh ở Sài Gòn ở số 125 đường Bonard-địa điểm của Policlinique Dejean De La Bâtie (bây giờ là đường Lê Lợi, sau 1955 được đổi tên là Bệnh Viện Sài Gòn-dân Sài Gòn gọi là Bệnh viện hay nhà thương Đô thành, và nay bệnh viện Đa khoa Sài Gòn). Sang thời Quốc gia Việt Nam thì Trường Cao đẳng Khoa học đổi thành Trường Đại học Khoa học năm 1953. Năm 1954 thì cơ sở đại học Hà Nội chuyển vào Sài Gòn và hợp nhất thành trường Khoa học Đại học đường Sài Gòn. Thời đệ nhị Cộng hoà 1970, trường tọa lạc trên đại lộ Cộng Hòa (nay là Nguyễn Văn Cừ) trong khuôn viên của trường Petrus Ký, gần trường Sư Phạm.

Phần đông sinh viên ghi danh theo học phải có bằng tú tài hai ban A hay B- Sinh viên Ban B thường ghi danh vào những chứng chỉ phổ thông và nổi tiếng như chứng chỉ MGP (Toán Lý Đại Cương), chứng chỉ MPC (Toán Lý Hóa). Những chứng chỉ này rất khó đậu nhưng dễ vào những trường Cao Đẳng chuyên nghiệp. Những sinh viên đa phần theo ban A, thì ghi danh vô chứng chỉ SPCN (Lý Hóa Vạn Vật) để sau này thi vô Đại học Y Khoa, Dược Khoa Học. Trường cũng đào tạo 1 năm Dự Bị Y khoa (APM) cho sinh viên theo ngành Y, với Chứng Chỉ PCB (Lý Hóa Sinh). Đào luyện theo

hệ thống Chứng Chỉ cho đến bậc Cử Nhân, KĐHĐ cũng cấp phát các văn bằng Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp (từ năm 1967) và Tiến Sĩ Quốc Gia Khoa Học. Cho đến năm 1964, học trình các chứng chỉ là 1 năm và thành phần Cử Nhân Tự Do là 3 chứng chỉ, hoặc Cử Nhân Giáo Khoa khi có 4 chứng chỉ theo qui định cho từng chuyên khoa. ĐHKHSG cung cấp nhân viên giảng huấn khoa học cho Trường và cho các viện đại học khác được mở sau này như Viện Đại Học Dalat, Cần Thơ, Nha Trang, Tiền Giang, kể cả Viện Đại Học Huế và Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ. Ngoài Trường Đại Học Sư Phạm (học 3 năm), ĐHKHSG cũng là nơi đào tạo nhiều giáo sư trung học, và tốt nghiệp ở ĐHKHSG cũng có thể làm việc ở nhiều cơ quan khác.



Hình 72: Trường Cao Đẳng Khoa Học Saigon nằm trong khuôn viên Policlinique DeJean De La Bâtie , 125 đường Bonard ,đường Lê Lợi quận nhất ngày nay.



Hình 73: Khoa học đại học đường, đường Cộng Hòa 1960s

VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON
KHOA-HỌC ĐẠI-HỌC ĐƯỜNG

CHỨNG - THƯ

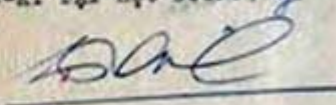
KHOA-TRƯỞNG KHOA-HỌC ĐẠI-HỌC ĐƯỜNG SAIGON

chứng nhận :

_____ Ông DINH-VAN-KHAI _____
sinh ngày _____ 1 tháng 1 năm 1947 _____
tại _____ Long-An _____
đã trúng tuyển kỳ thi chứng-chỉ :
_____ TOÁN-LÝ-HÓA I _____
khóa _____ tháng 5 năm 1966 _____
hạng _____ THỨ _____

Saigon, ngày 21 tháng 7 năm 1966

T.U.N. KHOA-TRƯỞNG
THƯ-KÝ ĐẠI-HỌC ĐƯỜNG.



TRẦN-HỮU-THÁI

Hình 74: Chứng chỉ Toán Lý Hoá-MPC, Khoa học đại học đường, 1966

CHỨNG - THƯ

KHOA-TRƯỞNG KHOA-HỌC ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG SAIGON

chứng nhận :

Ông ĐỖ-MẠNH-ANH
sinh ngày 07-11-1949
tại Saigon

đã trúng tuyển các chứng-chỉ Cao-đẳng :

- TOÁN LÝ HÓA, khóa tháng 5 năm 1967 tại Saigon hạng BÌNH THỨ
- QUANG HỌC, khóa tháng 7 năm 1968 tại Saigon hạng THỨ
- ĐIỆN HỌC, khóa tháng 7 năm 1968 tại Saigon hạng THỨ
- TOÁN THUẬT TRONG VẬT LÝ, khóa tháng 9 năm 1968 tại Saigon hạng THỨ
- VẬT LÝ LÝ THUYẾT, khóa tháng 5 năm 1969 tại Saigon hạng BÌNH THỨ
- ĐIỆN TỬ, khóa tháng 5 năm 1969 tại Saigon hạng BÌNH THỨ
- CƠ NHIỆT, khóa tháng 10 năm 1969 tại Saigon hạng BÌNH THỨ

đáng được cấp phát văn-bằng :

" CỬ-NHÂN GIÁC-KHOA VẬT-LÝ "

Saigon, ngày 27 tháng 11 năm 1969

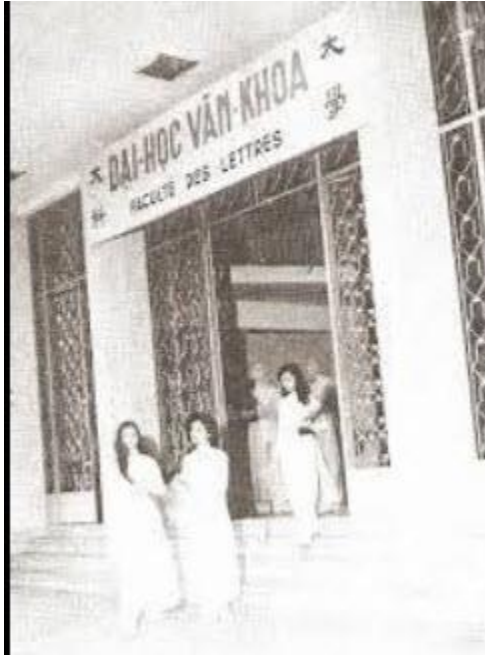
T.Ư.N KHOA TRƯỞNG.

Thư ký Đại-Học-Đường

TRẦN-HỮU-THÁI

Hình 75: Chứng chỉ Cử Nhân Vật Lý 1969, Khoa học đại học đường Sài Gòn, 1969

B4D7-Đại Học Văn Khoa



Hình 76: Đại học Văn Khoa -đường Gia long –Lý tự trọng.

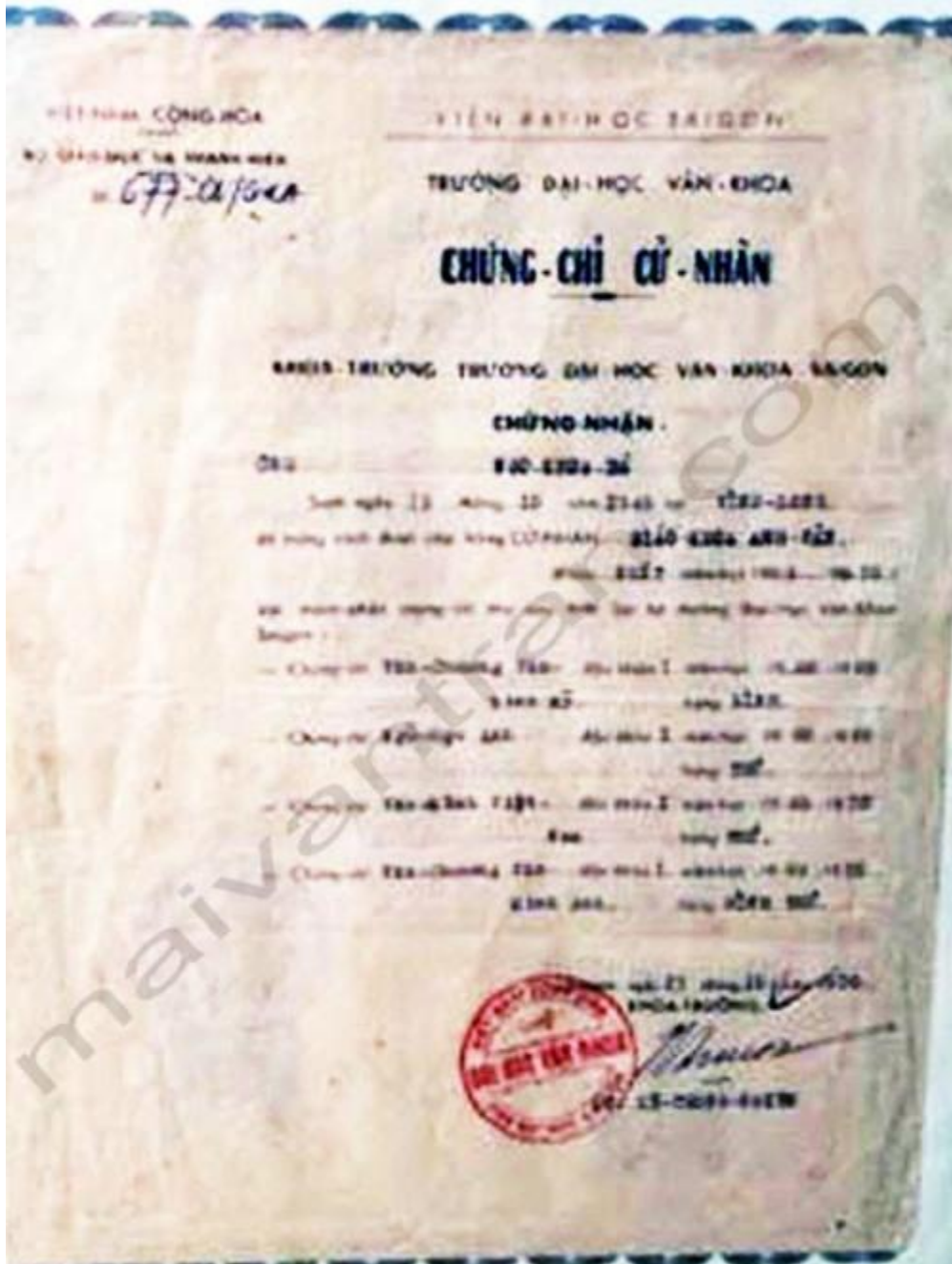


Hình 77: Đại học Văn Khoa đường Cường Để 1964

Khu trường này trước kia là trại lính Pháp, xây xong 1873 có tên là Martin des Pallières, tên một tướng Pháp đến thời Đế nhất Cộng hòa đổi tên “Thành Cộng hòa”, do Lữ đoàn phòng vệ Tổng Thống phủ trấn giữ. Sau đảo chính 1-11-1963, ĐH Văn khoa được dời từ đường Gia Long về đây (khu ĐH Văn khoa cũ trở thành Thư viện Quốc gia, nay là Thư viện KHXH). ĐH Văn khoa và ĐH Dược nằm đối diện nhau ở ngã tư Cường Để

– Thống Nhất (nay là Đinh Tiên Hoàng – Lê Duẩn). Kế cận trường Dược là trường Cao Đẳng Nông Lâm Súc gồm cả hai tòa nhà bị cắt ngang bởi đường Đinh Tiên Hoàng.

ĐH Văn khoa ngày trước là một trong ba trường đại học của Viện ĐH Sài Gòn không thi tuyển, chỉ ghi danh học với điều kiện bắt buộc là phải tốt nghiệp tú tài toàn phần. Hai đại học kia là ĐH Khoa học và ĐH Luật. Cánh cửa các đại học này luôn luôn mở rộng đón nhận sinh viên không phân biệt lứa tuổi, thành phần trong xã hội. Nếu như những sinh viên vào ĐH Khoa học hoặc Luật thường có mục đích tương đối rõ ràng, như vào Luật mong mai sau tốt nghiệp làm luật sư hay vào ngạch tư pháp, tòa án... Vào học ĐH Khoa học một năm để sau đó thi vào ĐH Y, hay các ngành kỹ thuật – công nghệ, hoặc học xong ra trường sẽ đi dạy hay làm cơ sở chuyên môn đòi hỏi người làm khoa học, nghiên cứu khoa học. Đặc biệt những người ghi danh vào Đại học Văn khoa thường là người yêu thích văn chương hay thích những khoa học xã hội khác như lịch sử, triết học, ngôn ngữ... Hàng năm số lượng sinh viên ghi danh vào Văn khoa đông vô kể nhưng chỉ có những sinh viên “chính quy” mới thường xuyên đến trường nghe thầy giảng dạy, còn đa số sinh viên ghi danh học thêm chỉ thỉnh thoảng đến trường “nhìn mặt thầy cho biết”, rồi mua “cua” về nhà học.



Hình 78: Chứng chỉ Cử Nhân Giáo Khoa Anh Văn 1974. Trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn

BỘ GIÁO-DỤC
 VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON
 TRƯỜNG ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA
 Số 440 AVTH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

KHOA-TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA SAIGON


CHỨNG NHẬN

o. Lê Bá Hồng
 sinh ngày 28 tháng 02 năm 1951 tại Gia Định
 đã trúng-tuyển kỳ thi CHỨNG-CHỈ Anh Văn Chức Hành
 vào hạng Chức
 trong khóa thi thứ Nhất niên-học 1973 - 1974 thiết-lập
 tại Trường Đại-Học Văn-Khoa Saigon.

(Với điều-kiện được ông Viện-Trưởng Viện Đại-Học Saigon duyệt-y)

Saigon, ngày 18 tháng 7 năm 1974
 KHOA-TRƯỜNG

NGƯỜI LẬP CHỨNG-CHỈ
 Trưởng-Phòng Học-Yu và Khảo-Thi
Nguyễn Hữu Chấn
 NGUYỄN-HỮU-CHẤN
 Ông-Sy Hành-Chính



Bùi Xuân Bảo
 GS. BÙI-XUÂN-BẢO

NGÀY TUYÊN BỐ KẾT QUẢ
 trúng tuyển 10.7.1974

GHI-CHỮ : Chứng-chỉ này chỉ cấp một lần.

Hình 79: Chứng chỉ Anh Văn thực hành 1974

BỘ GIÁO-DỤC
 VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON
 TRƯỜNG ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA
 SỐ 590-VMVN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

KHOA-TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA SAIGON


CHỨNG NHẬN

O. Lê Bá Hồng
 sinh ngày 28 tháng 02 năm 1951 tại Gia Định
 đã trúng tuyển kỳ thi CHỨNG-CHỈ Văn Minh Việt Nam
 vào hạng Bình Chử
 trong khóa thi thứ Hai niên-học 1972 - 1973 thiết-lập
 tại Trường Đại-Học Văn-Khoa Saigon.

(Vị điều-kiện được ông Viện-Trưởng Viện Đại-Học Saigon duyệt-y)

Saigon, ngày 30 tháng 10 năm 1973
 KHOA-TRƯỜNG

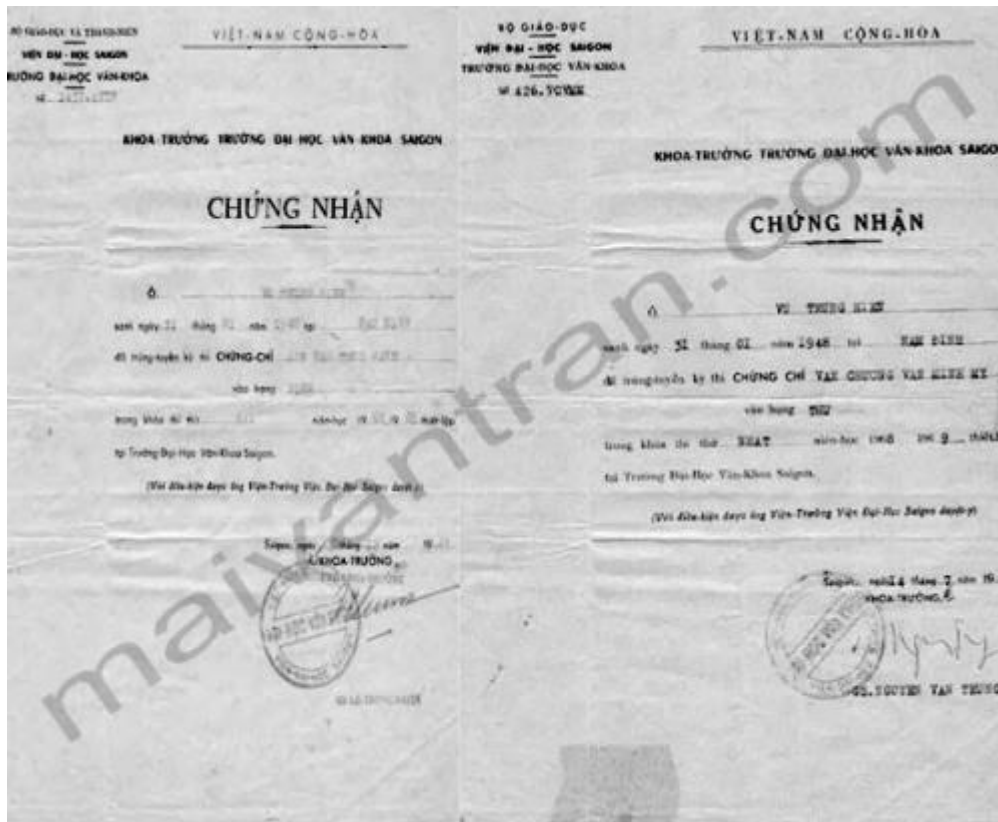
NGƯỜI LẬP CHỨNG-CHỈ
 Trưởng Phòng Học Vụ và Khảo Thi
Nguyễn Hữu Chấn
 Học-Sỹ Hán-Chính


 GS. BÙI-XUÂN-BÀO

NGÀY TUYÊN BỐ KẾT QUẢ
 trúng tuyển 29.10.1973

GHI-CHỮ: Chứng-chỉ này chỉ cấp một lần.

Hình 80: Chứng chỉ Văn Minh Việt Nam 1973



Hình 81: Chứng chỉ Anh Văn thực hành và chứng chỉ Văn Chương Mỹ 1969

B4D8 – Trường Sư Phạm

Trường Quốc Gia Sư Phạm

Ngày 9-3-1955, Ngô Đình Diệm ban hành Nghị định số 111-GD, thành lập trường Quốc gia Sư phạm tại Sài Gòn để đào tạo giáo viên phụ trách việc giáo huấn tại các trường tiểu học toàn quốc. Nghị định quy định từ nay về sau các giáo viên tại các trường tiểu học toàn quốc phải là sinh viên tốt nghiệp trường Quốc gia Sư phạm. Về nguyên tắc, tất cả giáo sinh trường Quốc gia Sư phạm được hưởng chế độ nội trú miễn phí và chuyên chở miễn phí.

Trường Quốc Gia Sư Phạm sau này đổi tên là Trường Sư Phạm Sài Gòn bắt đầu tuyển sinh năm 1955. Giáo sinh phải có bằng trung học Đệ Nhất Cấp và được đào tạo phân ra 2 hệ: học 1 năm ngạch giáo viên tiểu học, học 3 năm ngạch Giáo Học Bổ Túc (Ra trường có thể được bổ nhiệm dạy những lớp Đệ nhất cấp của bậc trung học).

Từ năm 1962 trình độ dự tuyển vào trường của giáo sinh được nâng lên cao, phải có bằng Tú Tài phần I, học trong 2 năm. Chương trình đào tạo được cải tiến, học thêm nhiều môn học mới, cụ thể và chuyên sâu hơn

trong nghiệp vụ giảng dạy trong lớp, quản trị học đường, giao tiếp cộng đồng...

Trong nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên như nhiều nước phát triển khác, dạy bậc tiểu học cũng phải là người tốt nghiệp ngành Sư Phạm bậc đại học, kể từ năm 1973, trình độ dự tuyển của giáo sinh cũng được nâng lên là phải có bằng Tú Tài phần II, học 2 năm chuẩn bị cho bước đầu đổi tên trường là Cao Đẳng Sư Phạm.

Trường Quốc gia Sư phạm rồi trường Sư Phạm và Trường Cao đẳng Sư phạm có ba cấp học giáo sinh trường Sư Phạm tốt nghiệp dạy cấp tiểu học, giáo sinh Cao Đẳng Sư Phạm trung cấp: giáo sinh học 2 năm sau tốt nghiệp trở thành giáo sư trung học đệ nhứt cấp hạng 4 chỉ số 400; bậc sư phạm cao cấp: giáo sinh viên sau khi học 2 năm ở bậc sư phạm trung cấp học thêm 2 năm ở bậc sư phạm cao cấp khi tốt nghiệp sẽ trở thành giáo sư trung học đệ nhị cấp. Do đó, để trở thành một giáo viên trường trung học đệ nhị cấp sinh viên phải trải qua 4 năm đào tạo.

<https://luutru.gov.vn/cong-bo-gioi-thieu-tai-lieu/truong-dai-hoc-su-pham-sai-gon-%E2%80%93-luoc-su-theo-tai-lieu-luu-tru.htm>

Đại Học Sư Phạm.

Tiền thân là trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương (École Supérieure de Pédagogie) thành lập tại Hà Nội do nghị định ngày 15/10/1917 của Toàn Quyền Albert Sarraut. Năm 1950 trường trở thành một Khoa thuộc Viện Đại Học Hà Nội. Sau 1954 trường di chuyển vào Sài Gòn. Ngày 21-8-1958, Ngô Đình Diệm ban hành Sắc lệnh số 426-GD cải tổ Trường Cao đẳng Sư phạm thành Trường Đại học Sư phạm đặt thuộc Viện Đại học Sài Gòn với 3 ban: Ban Văn khoa phụ trách các môn như: Việt – Hán, Triết học, Sử – Địa; Ban Sinh ngữ phụ trách các môn như Pháp văn, Anh văn, sinh ngữ khác; Ban Khoa học phụ trách các môn như: Toán, Lý – Hóa, Vạn vật. Sinh viên trường Đại học Sư phạm phải có bằng tú tài II (toàn phần) hoặc một văn bằng tương đương và trải qua kỳ thi nhập học, thời gian học là 3 năm. Sinh viên được hưởng chế độ nội trú miễn phí và chuyên chở miễn phí, hàng tháng còn có thể được cấp một khoản tiền để chi dùng vặt. Sinh viên đang theo học tại Trường Cao đẳng Sư phạm được tiếp tục học theo chương trình và thể lệ hiện hành của nhà trường cho đến khi mãn khóa hay được chuyển sang Trường Đại học Sư phạm.

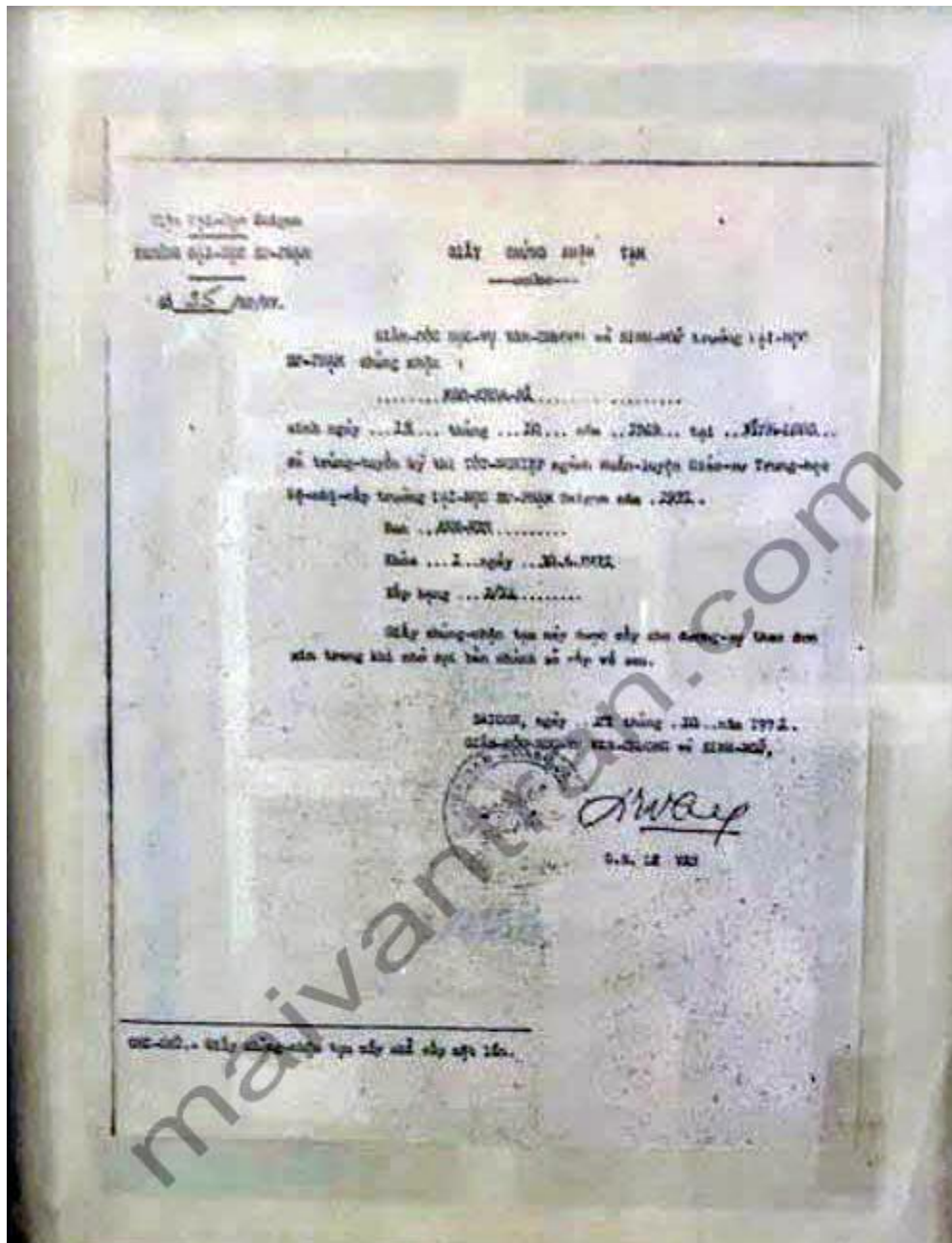
Theo đề án di chuyển Viện Đại học Sài Gòn lên Thủ Đức, trường Đại học Sư phạm là một trong những trường thành viên tiến hành xây dựng cơ sở ở Thủ Đức sớm nhất. Ngày 15-5-1963, lễ đặt viên đá đầu tiên tại Sư phạm Đại học đường khu đại học Thủ Đức diễn ra có sự tham dự của Ngô Đình Diệm.



Hình 82: Trường Sư Phạm tiền thân của trường Quốc Gia Sư Phạm



Hình 83: Trường Sư Phạm Sài Gòn



Hình 84: Chứng chỉ Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm 1972

Chiếu Sắc-Lệnh số 33-GD ngày 19.09.1949 ấn-dịnh chức-chương của Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục,
 Chiếu Sắc-Lệnh số 28-GD ngày 2.12.1955 ấn-dịnh quy-chế Giáo-sư Trung-học Đệ-nhi cấp,
 Chiếu Biên-ban kỳ thi tốt-nghiệp Đại-Học Sư-Phạm Saigon Khóa I năm 1970
 Chiếu Thông-Tư số 136-TT/HP/QT ngày 1.9.1966 về việc bổ-dụng sinh-viên, các trường đào-tạo công-chức con trong hạn tuổi quan-dịch,
 Chiếu nhu-cầu công-vụ,

Nay tạm thời bổ-dụng 125 sinh-viên tốt-nghiệp Đại-Học Sư-Phạm Saigon khóa I năm 1970 (ngành thường-xuyên) có tên dưới đây vào ngạch Giáo-sư Trung-học Đệ-nhi cấp ở trật hạng 4 :

Số thứ tự	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chú-thích
BAN VIỆT-HÁN (21 người)				
1	ô. Nguyễn Ngọc Bạch	04.04.47	Nạp-Dinh	
2	ô. Phan An	15.10.43	Quang-Nam	
3	ô. Đạp Xuân Kiều	25.06.45	Bình-Thuận	
4	Cô Trần Ai Trung	13.01.48	Saigon	
5	Cô Nguyễn Thị Anh	28.11.48	Quang-Nam	
6	ô. Phan Thanh Đào	10.10.45	Bình-Dinh	
7	ô. Đoàn Xuân Điền	19.06.48	Hà-Dông	
8	ô. Cao Huy Vĩnh	14.02.48	Thịa-Thiên	
9	ô. Nhiều Lập Hà	24.12.45	Khánh-Hòa	
10	Cô Nguyễn Ngọc Tuyết	10.07.48	Cận-Thơ	
11	ô. Phạm Ngọc Cảnh	23.10.47	Bùi-Chu	
12ah	ô. Võ Hoi	12.02.48	Quang-Nam	
12ah	Cô Lý Thị Kim Anh	12.02.46	Tây-Ninh	
14ah	ô. Võ Bình Chiếu	27.12.46	Bùi-Chu	
14ah	ô. Võ Trung Hiền	01.01.46	Vĩnh-Long	
16	ô. Lê Văn Cường	04.05.47	Long-An	
17	ô. Huỳnh Ngọc Hòa	12.08.47	Quang-Nam	
18	Cô Trần Thị Nguyệt	05.05.48	Quang-Nam	
19	Cô Trần Thị Phương	22.02.47	Leo-Kỳ	
20	ô. Hồ Ngọc Ân	01.06.46	Chợ-Lon	
Giáo-sinh cựu quân-nhân:				
1	ô. Huỳnh Thiện Hào	12.06.37	Phon-Penh	
BAN SỰ-ĐỊA (26 người)				
1	ô. Nguyễn Hải Sơn	14.07.46	An-Giang	
2	ô. Phan Huy Đạt	18.02.48	Hà-Nội	
3	ô. Nguyễn Thành Đô	10.04.46	Ag-Giang	
4	ô. Đặng Văn Thu	21.06.47	Cố-Công	
5	Cô Nguyễn Thị Kim Cảnh	01.10.46	Thu-Dầu-Một	
6	Cô Võ Thị Ngọc Tuyên	21.02.47	Sa-Déc	
7ah	ô. Nguyễn Văn Nghi	14.05.47	Nam-Dinh	
7ah	Cô Nguyễn Thị Liên	06.05.44	Nam-Dinh	
9ah	ô. Nguyễn Huy Đại	16.12.46	Hưng-Yên	
9ah	Cô Bùi Thị Nhân Sâm	21.12.45	Hà-Nội	
9ah	ô. Lương Thư Lâm	22.10.45	Quang-Nam	
9ah	Cô Trần Thị Ngọc	30.09.45	Nam-Dinh	
13	Cô Lương Thị Hiền Trinh	18.09.46	Thịa-Thiên	
14ah	ô. Lưu Đông Hải	04.10.44	Hải-Dương	

Hình 85: Nghị định bổ nhiệm Sinh Viên Tốt Nghiệp Đại Học Sư Phạm khoá đầu tiên - Khoá 1, 1970 được bổ dụng vào ngạch Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp

Thay cho lời kết thúc

Chương trình học ở Việt Nam cho tới ngày Nhật tuyên bố trả độc lập cho Chính Phủ Trần Trọng Kim 1954, cụ thể là chương trình giáo dục của Pháp với sự thay đổi, bổ túc để phù hợp với tình hình địa phương và hoàn cảnh chính trị, chương trình Pháp- Việt, dùng tiếng Pháp làm sinh ngữ chính và Tiếng Việt chỉ được xem như một sinh ngữ phụ.

Sau năm 1945, sau khi Việt Nam tuyên bố độc lập, Chính Phủ Quốc Gia ban hành chương trình Việt. Chương trình này được gọi là chương trình Hoàng Xuân Hãn được đem ra áp dụng trước ở Bắc Việt và Trung Việt, nhưng riêng ở Miền Nam thì vì có sự trở lại của người Pháp nên chương trình Pháp và Pháp Việt vẫn còn tồn tại. Sau Hiệp định Genève 20/7/1954 chia đôi đất nước, ở miền Nam chương trình Việt được bắt đầu áp dụng triệt để thay thế chương trình Pháp-Việt.

Xin ghi nhận những đóng góp lớn lao của các nhà lãnh đạo có tâm có tầm cho giáo dục miền Nam, cho sự bành trướng và phát triển mạnh mẽ của nền giáo dục quốc gia dưới thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa.

Cuối cùng người viết xin ghi nhận nguồn tài liệu từ Internet cũng như gửi lời cảm ơn đến bạn xưa, đồng môn đã cung cấp tư liệu quý báu.

DQ Hung, NKH Thuy, LB Hong, V T Hien, NT Hai, NK Ba, PT Khai, TV Mai, LNC Minh, VM Ly, NV Cua, NK Minh

Phụ Lục:

Trường Quốc Gia Võ Bị Đà Lạt



Hình 86: Trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt trước 1975

Suốt thời gian 1950-1975, trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt là một cơ sở đào tạo sĩ quan của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Tiền thân là trường Sĩ quan Việt Nam ở Đập Đá, Huế thiết lập 1 tháng 12 năm 1948 do chính phủ Quốc gia Việt Nam lập ra hầu đào tạo nhân sự chỉ huy cho Quân đội Quốc gia Việt Nam. Năm 1950, trường được chuyển về Đà Lạt với tên mới là Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt (École Militaire Inter-Armes), khai giảng ngày 5 tháng 11 năm 1950.

Thời Đệ nhất Cộng hòa Việt Nam, trường được cải tổ lại theo nghị định của Bộ Quốc Phòng ngày 29 tháng 7 năm 1959, đổi tên thành Trường Võ bị Quốc gia Việt Nam với nhiệm vụ huấn luyện sĩ quan hiện dịch cho ba quân chủng: hải quân, lục quân, và không quân cho Quân đội Việt Nam Cộng hòa.

Đến giữa thập niên 1960, khóa học của Trường Võ bị Đà Lạt là chương trình 3 năm sau lại tăng lên 4 năm , bắt đầu áp dụng năm 1966. Học trình lúc đầu tương đương với trường cao đẳng. Sinh viên mãn khóa được miễn thi nhập học vào trường đại học vì coi như hoàn tất bằng tú tài toàn phần (I & II). Đến năm 1966 thì ngang hàng với bằng cử nhân đại học, tương đương với các trường võ bị quốc tế. Hai năm đầu sinh viên mang cấp trung sĩ, hai năm sau là chuẩn úy. Sinh viên học xong 4 năm thì tốt nghiệp với cấp thiếu úy và một chứng chỉ tương đương với cấp bằng Cao Đẳng Đại Học.



Hình 87. Văn Bằng Cử Nhân Khoa Học ứng dụng cấp cho sĩ quan tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt.

Văn bằng Tốt Nghiệp Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt-tương đương với văn bằng Kỹ Sư Cao Đẳng Kỹ Thuật.

Nhìn lại hình ảnh những ngôi trường nổi tiếng xưa

Trường Vẽ-Trường Trung Học Trang Trị Mỹ Thuật Gia Định

Năm 1913, theo sáng kiến của hai Ông L'Helgoache và Ông Garnier trường được thành lập và Ông Andre Joyeux là Kiến Trúc Sư Công chánh người Pháp điều khiển trường. Khóa học đầu tiên được khai giảng ngày 14-10-1913 với 15 học sinh.

Tên trường qua các giai đoạn:

1913 – 1935: Tên trường là TRƯỜNG VẼ (L'école de Dessin)

1935 – 1940: Tên trường là TRƯỜNG MỸ NGHỆ (L'école d' Arts)

1940 – 1961: Tên trường là TRƯỜNG MỸ NGHỆ THỰC HÀNH GIA ĐỊNH

(L'école des Arts Appliqués de Gia Định).

1961- 1971: Tên trường là TRƯỜNG TRUNG HỌC TRANG TRÍ MỸ THUẬT GIA ĐỊNH (theo Nghị Định số 206- GD/HV/NĐ ngày 21-02-1961)

1971- 1975: Tên trường là TRƯỜNG QUỐC GIA TRANG TRÍ MỸ THUẬT GIA ĐỊNH (theo nghị định số 694-NĐ/QVK/VH ngày 01-07-1970)

Tháng 10- 1954 một số họa sĩ yêu nghề đã tổ chức hội nghị giáo khoa Mỹ Thuật và Mỹ Nghệ tại Gia Định quyết định đề nghị thành lập một trường Cao Đẳng Mỹ Thuật có cơ sở bên cạnh Trường Mỹ nghệ thực hành Gia Định.

1954- 1971: Tên trường CAO ĐẲNG MỸ THUẬT SÀI GÒN (theo Nghị Định số 1192- GD ngày 31-12-1954), nằm cạnh cơ sở trường Trang trí Mỹ Thuật Gia Định.

1971- 1975: Tên trường là TRƯỜNG QUỐC GIA CAO ĐẲNG MỸ THUẬT SÀI GÒN (theo Nghị Định số 273-QVK/ VHND ngày 03-08-1971)

Biết bao thế hệ Học sinh- sinh viên của Trường đã trở thành Họa Sĩ, Điều khắc gia, Trang trí gia, góp phần làm rạng rỡ nền Mỹ Thuật Việt Nam trong và ngoài nước .



Hình 88: Trường trung học Trang Trí Mỹ Thuật, Ngã Ba Chi Lăng (nay Phan đăng lưu) và Nguyễn Văn Học (nay Nơ trang long) Gia Định 1960. Sau 1975, sau nhiều lần thay da đổi áo, trường xưa không còn nữa.

Trường Chasseloup Laubat

Sau khi chiếm được Nam Kỳ với Hòa ước 1874. Pháp cho thành lập Collège Indigène le 14 Novembre 1874- Hai năm sau 1876 đổi thành Collège Chasseloup Laubat (Marquis de Chasseloup-Laubat, Bộ trưởng Bộ Hải quân của Napoléon III). Đến năm 1954 thì đổi thành Lycée Jean Jacques Rousseau. Thời Việt Nam Cộng Hoà trường được mang tên Lê Quý Đôn từ năm 1968 đến ngày nay.

Năm 1927, Collège Chasseloup-Laubat được tách ra hai khu vực: khu vực Âu Châu dành cho người chính quốc Pháp hoặc người có quốc tịch Pháp và khu vực cho người bản địa, tuy cùng trong khuôn viên Collège Chasseloup nhưng được hưởng quy chế tự trị với tên trường mới Collège de Cochinchine. Năm 1929 trường Cochinchine chuyển dời về trường mới xây với tên Petrus Ký trung học đường trên đường Cộng Hòa, sau 1975, đổi thành tên Nguyễn văn Cừ và trường đổi tên trường trung học phổ thông Lê hồng Phong cho đến ngày nay.

<http://thaolqd.blogspot.com/2016/04/>



Hình 89: Cổng trước Collège Chasseloup-Laubat 1905



Hình 90: Nữ Sinh trường Collège de jeunes filles Calmette (sau này Lycée Marie Curie en 1948) đi học tạm tại trường Chasseloup 1947



Hình 91: Le Collège de jeunes filles Calmette (sau này Lycée Marie Curie en 1948)



Hình 92: Trường Albert Sarraut Hanoi



Hình 93: Trường Quốc Học Huế



Hình 94: Collège Le Myre de Vilers-Collège de Mỹ Tho



Hình 95: **Charles Le Myre de Vilers** với quan chức Việt Nam

Người sốt sắng thực hiện mục tiêu văn minh hóa người Việt Nam là Le Myre de Vilers. Ông là người Pháp dân sự đầu tiên được cử làm Thống Đốc Nam Kỳ. Các thống đốc trước ông đều thuộc phe quân sự, nhất là trong hải quân Pháp. Le Myre de Vilers làm Thống Đốc từ năm 1879 đến năm 1892. Để thực hiện sứ mạng văn minh hóa người Việt ông cho mở rất nhiều trường học, từ trường sơ cấp ở làng đến trường tiểu học ở quận và tỉnh, và đặc biệt nhất là một trường trung học (collège) ở Nam Kỳ. Đây là trường trung học đầu tiên và vào cuối thế kỷ XIX đây là trường trung học duy nhất cho cả Miền Nam. Trường chỉ có hai năm học và mang tên là Collège de Mỹ Tho. Nhà văn Hồ Biểu Chánh (1885-1958) đã từng học ở trường này.

Sang thế kỷ XX trường có đủ bốn năm học và được đổi tên là Collège Le Myre de Vilers, do một số giáo sư của trường đề nghị để ghi nhớ ông Thống Đốc dân sự đầu tiên đã mở ra trường này và cũng để ghi nhớ công lao của ông đối với việc phát triển nền giáo dục mới ở Nam Kỳ. Đến giữa

thập niên 1950 trường được phát triển thêm, có các lớp đệ nhị cấp đủ để trở thành trường trung học đệ nhị cấp. Trường được đổi thành Lycée và mang tên một danh nhân Miền Nam Việt Nam: cụ Đồ Chiểu.

Danh xưng Lycée Nguyễn Đình Chiểu rồi Trung Học Nguyễn Đình Chiểu ra đời từ đó và còn mãi đến bây giờ.

[Click to access Dac%20San%20NDC-LNH-MYTHO%202014.pdf](#)



The Collège de Can-Tho in the 1930s

Hình 96: Collège de Can tho 1930s, sau mang tên Phan Thanh Giản-Đoàn Thị Điểm.



Hình 97: Trường Bưởi Hà Nội, sau 1945 đổi tên là Chu Văn An



Hình 98: Trường Yersin Dalat



Hình 99: Trường Kỹ Thuật Cao Thắng



Trường tại địa chỉ 25 bis Hồng Thập Tự

Hình 100: Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ



Hình 101: Trường Áo Tím – Gia Long xây năm 1910

Tham Khảo.

1-

http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=278&Itemid=49

2-<http://openedu.vn/Kho-tri-thuc/Thi-cu-va-giao-duc-Viet-Nam-thoi-Phap-thuoc>

3-<https://thanhphung.wordpress.com/2011/09/12/he-thong-giao-duc-thoi-phap-thuoc/>

4-<https://sites.google.com/site/truongkythuatcaothang/tomtac>

5- <https://sites.google.com/site/namkyluctinhorg/tac-gia-tac-pham/i-j-k-l-m/manh-tung/giao-duc-viet-nam-thoi-phap-thuoc>

6-<http://lientruongkythuat.org.au/index.php/truongxua/lich-su-cac-truong>

7-<http://qgtm-usa.blogspot.com/2014/01/lich-su-truong-quoc-gia-thuong-mai-sai.html>

8-<https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/hai-lan-cai-cach-giao-duc-duoi-thoi-phap-206901.html>

9-<https://sites.google.com/site/namkyluctinhorg/tac-gia-tac-pham/i-j-k-l-m/lam-vinh-the/nho-ve-truong-petrus-ky-nhung-nam-dau-cua-thap-nien-1950>

10-<https://nhacxua.vn/truong-nu-sinh-ao-tim-va-nu-trung-hoc-gia-long-cua-sai-gon-ngay-xua/>

11-<http://www.petrusky.de/index.php/startseite/hinhthanhtruongpk/53-l-ch-s-tru-ng-petrus-ky-tru-c-75>

12-<https://www.svqy.org/truongduocvatoi.html>

13-<http://ndclnh-mytho-usa.org/Bai%20Viet/Dac%20San%20NDC-LNH-MYTHO%202014.pdf>

14-<https://halongvandan.wordpress.com/2015/04/07/chup-lai-cac-bang-cap-thoi-phap-thuoc-dau-tk-19/>

- 15-<https://thanhphung.wordpress.com/2011/09/12/he-thong-giao-duc-thoi-phap-thuoc/>
16-<https://drnikonian.wordpress.com/2013/12/03/mot-nen-giao-duc-tu-te-thi-nhu-the-nay-nay/>
17-<https://docvui-suyngghi.net/bai-nen-doc-m/bnd-2016/bnd512/>
18-<http://tongphuochiep.com/index.php/bao-chi/l-ch-s/28410-giao-d-c-vi-t-nam-du-i-th-i-phap-thu-c-1862-1945-ph-m-d-c-lien>
19-<http://dalatarchi-tranconghoakts.blogspot.com/2011/07/kien-truc-truong-my-thuat-ong-duong.html>-Tóm lược lịch sử Đại Học Kiến trúc
20-<https://core.ac.uk/download/pdf/52194341.pdf> -L'ecole française au Vietnam de 1945 a 1975 : de la mission civilisatrice à la diplomatie culturelle
21-<http://phuongmaigallery.com/vn/hoi-hoa-viet-nam/Truong-Ve-Gia-Dinh-Dai-Hoc-My-Thuat-Tp-Hcm-424/p/80>
22-
http://aejjrsite.free.fr/goodmorning/gm130/gm130_LichSuDaiCuongVeCacTruongLuatVN.pdf

Y Nguyên Mai Trần

Nguồn: https://maivantran.com/2020/09/04/chung-chi%cc%89-va-van-bang-tot-nghie%cc%a3p-o%cc%89-mien-nam-truoc-1975/?fbclid=IwAR1Nd6n_ggqeQ9GywHOzOp4AoTIsPa7Xaf78rpEggkeOINiHW0XE_vOvyAA

SỰ GIÁO DỤC VÀ THI CỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI Ở VIỆT NAM

Nguyễn Văn Thành

Phần 1:



NHẬP MÔN:

Không giống như Việt Nam, vấn đề thi cử của các nước khác được thi bằng chính ngôn ngữ của họ trong suốt các thời kỳ thí dụ như bên Pháp, Mỹ và Anh. Trái lại, nước ta vì bị nội thuộc của Tàu và Pháp cho dù có độc lập như thời Ngô, Đinh, tiền Lê, Lý, Trần, hậu Lê, Nguyễn nhưng thi cử bằng Hán Tự rồi đến thời Pháp thi bằng chữ Pháp. Mãi đến thời độc lập ta mới thi bằng tiếng Việt.

Trong thời kỳ đầu của nền độc lập ở miền Nam, ta vẫn sử dụng giáo sư người Pháp vì thiếu giáo sư người Việt. Mặc dầu ở Trung Học thi bằng tiếng Việt nhưng ở bậc Đại Học cũng còn thi bằng tiếng Pháp trong một thời gian cho tới khi toàn bộ các giáo sư người Pháp được thay thế bằng các giáo sư người Việt, lúc ấy tiếng Việt mới hoàn toàn được sử dụng trong các kỳ thi.

Sự giáo dục và thi cử ở Việt Nam ta qua các thời đại được tạm chia làm 3 thời kỳ:

- Thời kỳ thứ nhất dưới các chế độ quân chủ - thi bằng Hán Tự

- Thời kỳ thứ hai dưới thời đô hộ của Pháp – thi bằng tiếng Pháp

- Thời kỳ thứ ba dưới thời tự chủ - thi bằng tiếng Việt gồm có:

- ➡➡ Từ năm 1945 đến 1975: Nền giáo dục và thi cử của cả miền Nam và miền Bắc.

- ➡➡ Từ năm 1975 đến bây giờ: Thời kỳ này cũng chia làm 2 phần:

- 1) Nền giáo dục của miền Bắc và miền Nam chưa thống nhất

- 2) Cả 2 miền đều ứng dụng chương trình 12 năm cho Trung và Tiểu Học.

Thời kỳ này nền học vấn cũng chia ra làm 2 thời kỳ: một thời kỳ chỉ giảng dạy bằng tiếng Việt và thi cử phỏng theo lối của Pháp để lại và một thời kỳ hiện đại đưa sinh ngữ vào Trung Học gồm có tiếng Anh, Pháp, Nga và Trung Hoa. Trong thời kỳ này cũng có đổi thay thi từng năm học (ảnh hưởng của Pháp) ở bậc Đại Học sang thời kỳ thi theo tín chỉ (ảnh hưởng Anh, Mỹ).

Khuyết hướng chuyển từ nền giáo dục ảnh hưởng của Pháp sang ảnh hưởng của nền giáo dục của Anh, Mỹ, phát triển các trường Đại Học và cho mở các trường Đại Học do nước ngoài chủ trương hoặc hợp tác với nước ngoài và bằng cấp được nước ngoài công nhận và cấp phát từ những nước khác (Mỹ, Úc....).

Ta sẽ cố gắng nghiên cứu từng thời kỳ một để xem nền giáo dục này có giúp ích gì cho nền phát triển kinh tế, thông tin và các ngành khác.



Tham khảo:

Trong việc hoàn tất loạt bài này, tác giả dựa theo trí nhớ và đã tham khảo những tài liệu sau đây:

◆Trước năm 1945: Tham khảo "Việt Nam Sử Lược" của Trần Trọng Kim

◆Sau năm 1945: Tham khảo của những người đã sống trong những thời đó thí dụ muốn biết việc thi cử trong khoảng 60-75 thì hỏi những thí sinh và các giáo sư trong khoảng thời gian đó.

◆Các Websites liên hệ được trích dẫn trong những bài viết.

◆Tác giả rất cần ý kiến của các chuyên gia về cách học tập và thi cử ở các trường Đại Học qua mọi thời đại thí dụ như về Y Khoa cần ý kiến của các Bác Sĩ đã từng tốt nghiệp ở Đại Học Việt Nam, Nha Khoa cần các Nha Sĩ, Dược Khoa cần Dược Sĩ, Luật Khoa cần các vị tốt nghiệp trường Luật và tất cả các trường khác tại Việt Nam,... Mong toàn thể quý vị góp ý kiến vì không một ai có thể biết tất cả các bộ môn được. Cảm ơn quý vị.

Nguyễn Văn Thành

Cuối tháng giêng, 2005

(còn tiếp)



Trà Mi

📄 Tiêu đề: Re: SỰ GIÁO DỤC VÀ THI CỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI Ở VIỆT NAM Thu 01 Aug 2013, 08:36



Phần 2:



A- GIÁO DỤC VÀ THI CỬ TRONG THỜI QUÂN CHỦ:

Tổng số bài gửi : 7062
Registration date

: 01/04/2011

Từ thời Thượng cổ tức thời vua Hùng và suốt gần một nghìn năm lệ thuộc vào Trung Hoa, nước ta chưa đặt được hệ thống thi cử tuy rằng đến đời nhà Ngô, Đinh, vua đã lựa các người có học vào làm quan trong triều.

◆ Nhưng thực sự đến đời nhà Lý, việc học hành thi cử ở nước ta mới bắt đầu. Năm 1075, vua mới mở khoa thi Tam Trường để chọn 10 người ra làm quan. Thủ Khoa khóa này là Lê Văn Thịnh.

Năm 1075, vua lập ra Quốc Tử Giám. Đến năm 1086, một kỳ thi được mở ra để chọn người vào Hàn Lâm Viện. Tuy nhiên, khi vua Lý Nhân Tông lên ngôi năm 1072, lúc ấy nhà vua chỉ có 7 tuổi cho nên mọi quyền thế đều dưới quyền chỉ huy của Quan Thái Sư Lý Đạo Thành. Trong kỳ thi vào Hàn Lâm Viện, ông Mạc Hiến Tích đỗ đầu và được cử vào làm Hàn Lâm Học Sĩ. Ta nhớ lại rằng khi Lý Công Uẩn lên làm vua, ông đã dời đô ra Thăng Long. Vì ông là con nuôi của 1 ông sư từ nhỏ và vì nhu cầu học giáo lý Phật giáo cho nên chẳng những Phật giáo được tôn trọng mà ông còn chú trọng vào nền Văn Học. Vậy ta không lạ gì đời nhà Lý đã mở đường cho việc thi cử ở nước ta cũng như thành lập Quốc Tử Giám làm nơi giáo dục cho con của các quan.

Sau nhà Lý, đời nhà Trần tiếp nối.

◆ Trần Cảnh lên ngôi năm 1225, mới có 8 tuổi, quyền hành đặt dưới tay của Trần Thủ Độ. Trần Thủ Độ dưới danh nghĩa của vua cho mở khoa thi Thái Học Sinh (Tiến Sĩ) năm 1232. Năm 1247, khoa thi Tam Khôi được đặt ra để tuyển lựa Trương Nguyên, Bàng Nhãn và Thám Hoa. Trong kỳ thi này, ông Lê Văn Hưu đỗ Bảng Nhãn, và ông cũng là người đầu tiên viết Sử nước ta. Cũng năm ấy, có kỳ thi Tam Giáo: Nho, Thích, Lão.

Năm 1253, nhà Trần lập Quốc Học Viện để giảng Tứ Thư và Ngũ Kinh. Năm 1274, mở khoa thi Thái Học Sinh chọn lựa 50 người và vua đã cấp mũ áo cho những người này về vinh quy bái tổ. Và như vậy, tục lệ này đã có từ thời nhà Trần.

◆ Đến năm 1400, nhà Hồ lập khoa thi gồm có trường 1 thi Kinh Nghĩa, trường 2 thi Phú, trường 3 thi Chiếu, Chế, Biểu, trường 4 thi Văn Sách, và trường 5 thi Toán.

Một năm sau khi kỳ thi Hương mở ra, kỳ thi Hội ra đời.

Xem như vậy, Hồ Quý Ly đã có công đưa nền Toán học vào trong thi cử. Kỳ thi Hội chỉ có thi Văn Sách để định cao thấp. Thi Hội được thi tại Bộ Lễ, nếu đỗ thí sinh được tuyển ra làm quan và nếu đỗ thi Hội tức là đỗ Thái Học Sinh (Tiến Sĩ), và Nguyễn Trãi đậu Tiến Sĩ năm 1400. Ông là con của Nguyễn Phi Khanh, đã viết bài Bình Ngô Đại Cáo và sau này giúp vua Lê Lợi đánh thắng quân nhà Minh.

Khi lên ngôi, vua Thái Tổ nhà Lê lập Quốc Tử Giám tại Kinh Đô. Trong đời vua Thái Tổ, văn quan phải thi Kinh sử, võ quan thi Vũ kinh, đến đời vua Thánh Tông tức đời Hồng Đức định phép thi Hương và thi Hội. Vua Thánh Tông làm Chủ Tịch thi Đình và lập ra kỳ xướng danh các Tiến Sĩ và cho vinh quy bái lễ.

♦ Đến đời nhà Nguyễn Tây Sơn, vua Quang Trung ra lệnh thi bằng chữ Nôm. Như vậy, vua Quang Trung chẳng những là một nhà quân sự đại tài mà còn là một nhà đại ái quốc, bắt thi cử bằng chữ Nôm và các chiếu của vua, các tờ trình của quan đều phải viết bằng chữ Nôm.

♦ Nhưng đến đời Gia Long, nhà vua lại bắt thi bằng chữ Hán trong các kỳ thi.

♦ Năm 1822, thời vua Minh Mạng mở kỳ thi Hội và thi Đình để lấy bằng Tiến Sĩ. Năm 1829, những người thi rớt Tiến Sĩ nhưng số điểm rất gần các ông Tiến Sĩ, được cấp cho chức Phó Bảng.

Cách tổ chức kỳ thi của nhà Nguyễn có kỳ đệ nhất trường thi Kinh Nghĩa, đệ nhị trường thi Tứ Lục, đệ tam trường thi Phú, và đệ tứ trường thi Văn Sách. Đố xong tứ trường được gọi là Cử Nhân, và tam trường gọi là Tú Tài.

Cử Nhân có nghĩa là người giỏi của địa phương được cử vào trong Kinh thi Hội.

Các kỳ thi này vẫn tiếp tục một thời gian cho đến năm 1917 mới chấm dứt mặc dầu quân Pháp đã kiểm soát đất nước ta từ năm 1884. Mới đầu người Pháp không can thiệp vào nội bộ thi cử của Việt Nam mà họ chỉ huấn luyện những người học tiếng Pháp để làm thông ngôn cho họ trong việc giao tiếp với phía Việt Nam.

Cũng nên nhớ rằng mặc dầu tên nước ta đã chính thức là Việt Nam vào năm 1802 nhưng nếu đọc sử, Pháp vẫn gọi ta trong thời đó là An Nam tức là danh hiệu mà nước Tàu gọi nước ta với tính cách khinh biệt. (vì suốt trong lịch sử nước ta không có vua nào gọi nước ta là An Nam cả).

Nguyễn Văn Thành

Giữa tháng 3, 2005

(còn tiếp)



Trà Mi

📧 Tiêu đề: Re: SỰ GIÁO DỤC VÀ THI CỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI Ở VIỆT NAM 🕒 Thu 01 Aug 2013, 08:38

Phần 3:



Tổng số bài gửi : 7062
Registration date
: 01/04/2011

B- GIÁO DỤC VÀ THI CỬ TRONG THỜI PHÁP THUỘC:

Sau cuộc cách mạng kỹ nghệ tại Âu Châu khoảng thập niên 1800, người Âu Châu có thể sản xuất nhiều khí giới tốt cho nên họ có tham vọng đi tìm thuộc địa và vì thế bành trướng chủ nghĩa đế quốc của họ..

- ◆ Tây Ban Nha chiếm Mễ Tây Cơ (Mexico) và Nam Mỹ.
- ◆ Hòa Lan chiếm Nam Dương quần đảo.
- ◆ Anh chiếm một phần Gia Nã Đại (Canada), Bắc Mỹ, Ấn Độ (trong đó có Pakistan và Bangladesh), Mã Lai Á, Úc Châu và một số nước Phi Châu.
- ◆ Pháp chiếm một phần Canada (hiện nay Québec, Montréal vẫn còn nói tiếng Pháp), Louisiana (sau Pháp bán lại cho Mỹ). Pháp cũng chiếm Phi Châu như Maroc, Tunisia, Algerie, Trung Đông. Syria, Liban, một phần Ấn Độ (Pondichéry), Việt Nam, Lào và Cam Bốt.
- ◆ Anh chiếm một phần Thượng Hải khoảng thế kỷ thứ 19, Pháp cũng chiếm một phần trong lãnh thổ của Trung Hoa, gọi là Tô Giới.

Pháp bắt đầu lần chiếm Việt Nam trong thời vua Tự Đức. Khoảng năm 1858 đến năm 1884, coi như Pháp đã chiếm toàn bộ nước ta sau khi ký kết với Tàu và Pháp trả lại Tô Giới tại Thượng Hải, đổi lại Tàu rút quân về nước không đánh giúp các vua triều Nguyễn nữa. (Hiệp ước Thiên Tân được ký giữa Tàu và Pháp ngày 27 tháng 4 năm Ất Dậu - 1885, Tàu đã nhượng bộ để Việt Nam hoàn toàn cho Pháp đô hộ và cam kết không còn giúp Việt Nam chống lại Pháp nữa). Cho đến khi vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết thất trận, Pháp hoàn toàn cai trị nước ta, tuy chỉ có 2 vua Thành Thái và Duy Tân còn cố gắng chống cự lại Pháp. Thực dân Pháp đã bắt đi tù 3 vua Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân mãi tận Phi Châu, rồi những vua sau đời nhà Nguyễn thực tế chỉ là bù nhìn của Pháp mà không còn chút quyền hành nào cả.

Hoàn tất việc bảo hộ xong, Pháp chuẩn bị mở mang nền giáo dục. Tuy nhiên, vì chưa có một nền giáo dục nào cả nên lúc đầu, họ vẫn xử dụng các tri huyện là những người biết chữ Nho. Đến khoảng năm 1900, Pháp bắt đầu thiết lập bậc Tiểu Học rồi Trung Học.

Cũng trong thời gian này, Pháp mở các trường Thông ngôn và các trường Huấn luyện Hành chánh có dạy kèm một số Dân Luật Pháp nhằm phục vụ cho chính quyền bảo hộ. Mãi đến năm 1917, Pháp bãi bỏ các kỳ thi chữ Nho và mở trường Đại Học Hà Nội năm 1918.

Tổ chức giáo dục của Pháp trên thực tế chỉ phục vụ cho nền cai trị và quyền lợi của thực dân Pháp. Họ đào tạo một số công chức nhà nước sẵn sàng theo lệnh của nhà cầm quyền Pháp mà không có một mục đích nào để phát triển văn hóa và phục vụ cho xã hội và nhân dân Việt Nam cả.

(1) Cách Tổ Chức Các Trường Tiểu Học:

Pháp chia nền giáo dục Tiểu Học thành 7 năm học.

Muốn vào lớp Năm phải theo học từ một đến hai năm Dự Bị, tương đương với Mẫu Giáo (École Maternelle) bây giờ.

Lớp Năm, lớp Tư và lớp Ba được giảng dạy bằng tiếng Việt nhưng buộc học sinh bắt đầu học tiếng Pháp. Sau lớp Ba, học sinh thi văn bằng tốt nghiệp gọi là bằng Sơ Học Yếu Lược (Certificat d'Études Élémentaires). Đâu Sơ Học Yếu Lược xong, học sinh phải thi vào lớp Nhì (Cours Moyen) nhưng nếu rớt học sinh không được tiếp tục việc học nữa.

Tất cả các môn học ở lớp Nhì đều phải học bằng tiếng Pháp, do vậy Pháp đặt ra 2 lớp Nhì:

- ▶ Lớp Nhì năm thứ nhất
- ▶ Lớp Nhì năm thứ hai.

Cuối năm lớp Nhất, học sinh phải thi bằng Tiểu học trong đó tất cả các môn thi được thi bằng tiếng Pháp như Chính tả (Dictée), Luận văn (Composition), Toán (Mathématiques), Khoa học (Sciences) và Sử - Địa (Histoire – Géographie).

Nếu phạm 5 lỗi viết chính tả, thí sinh dự thi viết đương nhiên rớt. Do đó các kỳ thi Tiểu Học (Primaire) cũng ít khi đậu quá 30%. Sau khi tốt nghiệp Tiểu Học, học sinh phải thi vào năm thứ nhất bậc Trung Học.

(2) Cách Tổ Chức Các Trường Trung Học:

Sau 4 năm học, học sinh thi bằng Trung Học Tốt Nghiệp, nếu đậu, học sinh phải thi vào lớp Seconde (École secondaire) tương đương với lớp 10 bây giờ. Sau khi học một năm lớp Seconde, học sinh lên lớp Première tương đương với lớp 11 bây giờ, cuối năm đó thi Tú Tài I. Đâu xong Tú Tài I, học sinh lên lớp Terminale (lớp 12 bây giờ) là lớp cuối cùng của bậc chót Trung Học để thi Tú Tài II.

Trung Học Phổ Thông, Tú Tài (Baccalauréat) I và II đều phải thi bằng tiếng Pháp.

Việc giáo dục được Pháp chia ra một phần dành cho con cháu của các quan cai trị người Pháp theo học tại trường Pháp và có chương trình y hệt bên Pháp, phần còn lại cho các trường Trung Học Việt Nam để cho dân Việt Nam theo học.

Đại đa số những người học ở trường Pháp là con của các nhân viên người Pháp nằm trong bộ máy cai trị tại Việt Nam như con của các quan công sứ, bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, luật sư, chánh án, các thương nhân, chủ đồn điền cao su....và rất ít những người con của Việt Nam được học nhưng sau dự chỗ vì không đủ sĩ số học sinh nên Pháp cho phép một số ít dân Việt Nam theo học sau khi đậu kỳ thi tuyển vào trường Pháp.

Bằng cấp phát theo hệ thống giáo dục bên Pháp, bằng Trung Học được gọi là bằng Brevet, bằng Tú Tài gọi là bằng Tú Tài Pháp và tỷ số thi đỗ khoảng 50-60% trong khi đó bằng Trung Học cho dân bản xứ học thì gọi là bằng Tú Tài nội địa (Baccalauréat local) và bằng Trung Học được gọi là Cao Đẳng Tiểu Học Đông Dương (DEPSI – Diplôme d'Études Primaire Supérieure Indochinois). Thông thường, thi Tú Tài Pháp thì dễ hơn thi Tú Tài bản xứ, do đó đề thi của Tú Tài Pháp và Tú Tài bản xứ khác nhau. Điều này có nghĩa rằng, thi đỗ bằng Tú Tài Việt Nam rất khó. Trong các kỳ thi, Tú Tài I có sĩ số thí sinh đậu chiếm từ 10 tới 20% và Tú Tài II khoảng chừng 20 đến 40%.

Rất ít trường Trung Học được Pháp thiết lập trên khắp lãnh thổ Việt Nam từ Bắc tới Nam. Ngoài Bắc chỉ có trường Bưởi và trong Nam có trường Petrus Ký là dạy được Tú Tài II. Còn các trường khác như trường Phan Thanh Giản ở Cần Thơ hoặc trường Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho, chỉ dạy đến Trung Học Đệ Nhất Cấp mà thôi. Ở miền Trung chỉ ở Huế có trường Trung Học Đệ Nhất Cấp gọi là trường Bảo Hộ (École Protectorate Française).

Ngoài ra, ở Hà Nội có trường Trung Học của Pháp tên là Lycée Albert-Sarraut, trong Nam có trường Chasseloup- Laubat ở Sài Gòn là dạy đến lớp cuối cùng (Terminale) của chương trình Pháp. Và vì vậy cả Bắc lẫn Nam, mỗi năm sản xuất chỉ được trên dưới 100 người có bằng Tú Tài mà thôi. Tuy nhiên, Pháp không đặt trường Đại Học ở trong Nam vì con cháu của các người giàu có thường là dân Tây (có quốc tịch Pháp) gửi con theo học các Đại Học tại Pháp. Vì vậy ta không lấy làm lạ là trường Đại Học chỉ được mở tại Hà Nội năm 1918 mà không mở tại Sài Gòn.

Xem như vậy, thực dân Pháp không thực sự mở mang nền giáo dục của nước ta mà họ chỉ muốn đào tạo một số công chức và người làm tay sai cho Pháp mà thôi. Và với dân số khoảng 25 triệu người Việt Nam khoảng thập niên 1940 mà mỗi năm không quá 100 người tốt nghiệp bậc Đại Học thời Pháp thuộc.

Nguyễn Văn Thành
Trung tuần tháng 3, 2005
(còn tiếp)



Trà Mi

Tiêu đề: Re: SỰ GIÁO DỤC VÀ THI CỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI Ở VIỆT NAM Thu 01 Aug 2013, 08:39



Phần 4:



B- GIÁO DỤC VÀ THI CỬ TRONG THỜI PHÁP THUỘC:

Tổng số bài gửi : 7062
Registration date
: 01/04/2011

Độc những phần 4 và 5 sau đây về "sự giáo dục và thi cử của nước Việt Nam trong thời Pháp thuộc", ta thấy không có nước nào cai trị tàn nhẫn như nước Pháp. Thật vậy, Pháp không chịu mở mang nền giáo dục ở Việt Nam và là một nước bảo hộ tồi tệ nhất thế giới vì mỗi năm tổng số sinh viên tốt nghiệp Đại học dưới thời Pháp cai trị không quá 100 nhà trí thức gồm các Bác Sĩ, Dược Sĩ, Luật Khoa, Khoa Học so với dân số 25 triệu người trong khoảng năm 1945. Đại Học Hà Nội là Đại Học duy nhất nhưng mỗi năm chỉ sản xuất vài chục Bác Sĩ, vài chục Dược Sĩ, một ít Luật Khoa; trong khi Cử Nhân Khoa Học (Licence ès Sciences) mỗi năm sản xuất không tới 10 người và Cử Nhân Văn Khoa thì hoàn toàn không có.

Suốt thời Pháp thuộc, các trường Đại học ở Việt Nam do Pháp cai quản đã không cấp được một bằng Tiến Sĩ Khoa Học (Doctorat ès Sciences), Tiến Sĩ Luật Khoa (Doctorat en Droit), Tiến Sĩ Dược Khoa (Doctorat en Pharmacie), Cử Nhân Văn Khoa (Licence ès Lettres) và không sản xuất được một giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp nào cả. Ngoài ra, Pháp cũng không cấp phát được văn bằng Đại Học Sư Phạm, mà chỉ có Sư Phạm dạy Trung Học Đệ Nhất Cấp. Pháp cũng không cấp phát bất cứ một bằng Kỹ Sư nào như Điện, Cơ Khí, Hóa Học v.v...nhưng Pháp chỉ cấp phát văn bằng Kỹ Sư Canh Nông (Ingénieur d'Agriculture).

Một số rất ít những người hoặc làm công cho Pháp (Tri Huyện, Tri Phủ, Tham Biện...) hoặc mở mang đồn điền do thực dân Pháp ban ơn, có tiền cho con du học bên Pháp nhưng cũng không nhiều lắm, mỗi năm du học trở về Việt Nam cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay trên dưới 50 người.

Cho đến khi Nhật đảo chánh Pháp năm 1945, nền học vấn của Pháp mới chấm dứt tại Việt Nam. Ta phải nói rằng nền giáo dục của Pháp trong suốt thời gian thống trị đã để lại cho nước ta là một con số không to lớn.

Vì nền giáo dục đã yếu kém như vậy cho nên nền kinh tế còn thê thảm hơn nữa. Thực dân Pháp và Phát-xít (fasciste) Nhật đã làm chết đói dân ta 2 triệu người, ngoài ra người dân Việt Nam có sản xuất được chút gì thì chỉ làm giàu cho những chủ của các đồn điền cao su người Pháp và chủ của các mỏ than Hòn Gai, Uông Bí mà thôi.



(3) Cách Tổ Chức Các Trường Đại Học:

Pháp mở trường Đại Học tại Hà Nội năm 1918 nhưng chỉ có 3 phân khoa: Y Khoa, Dược Khoa và Luật Khoa. Tùy theo môn học nên thời gian học khác nhau, thí dụ trường Luật đòi hỏi 3 năm ra Cử nhân Luật (Licence en Droit), trường Dược mất 5 năm ra Dược Sĩ (Pharmacien), Trường Y với thời gian lâu hơn đòi hỏi 7 năm ra Bác Sĩ Y Khoa (Docteur en Médecine). Trường Công Chánh đào tạo Cán Sự Kỹ Thuật (Agent Technique), đòi hỏi sinh viên cần có bằng Trung Học và thời gian theo học là 2 năm.

Tuy nhiên, trước khi đào tạo ra các Bác Sĩ và Dược Sĩ, vì nhu cầu cấp bách trong khoảng thập niên 1920 nên Pháp đã tạo ra bằng Y Sĩ Đông Dương (Médecin Indochinois) chỉ giảng dạy ở Đại Học Hà Nội. Điều kiện để tốt nghiệp Y sĩ Đông Dương buộc sinh viên phải có bằng Trung Học Phổ Thông (Brevet) hoặc Cao Đẳng Tiểu Học (DEPSI) và mất 4 năm theo học. Trình độ của những vị này tương đương với Y Tá nhưng cũng được quyền chữa trị bệnh nhân như Bác Sĩ trong bất cứ các địa phương nào không có Bác Sĩ ở đó. Song song với việc đào tạo các Y Sĩ Đông Dương, Pháp mở trường dạy các Dược Sĩ Đông Dương (Pharmacien Indochinois) cũng chỉ cần văn bằng tốt nghiệp Trung Học, thời gian theo học 4 năm rồi ra làm Dược Sĩ hạng 2 (Deuxième Classe) và được phép mở nhà thuốc Tây (Pharmacie) tại những nơi không có Dược Sĩ hạng 1 (Première Classe).

I- Cách Tổ Chức Các Trường Sư Phạm:

a. Đào Tạo Giáo Viên Tiểu Học:

Sư Phạm Tiểu Học (École de Pédagogie pour L'enseignement Primaire) đào tạo các giáo viên Tiểu học có trình độ tương đương với Trung học Đệ Nhất Cấp ngày nay vậy.

Muốn vào trường Sư Phạm Tiểu Học, thí sinh chỉ cần văn bằng Tiểu Học và tiếp tục học 4 năm. Sau khi tốt nghiệp được bổ nhiệm làm Giáo viên (Instituteur) đi dạy bậc Tiểu học từ lớp Năm đến lớp Nhất.

Ấy là chưa kể những người có bằng Tiểu Học nhưng không được huấn luyện Sư phạm (Pédagogie) 4 năm trong các trường Sư Phạm. Những vị này được cử làm Hương Sư tại những vùng nhà quê dạy từ lớp Năm đến lớp Ba trong các làng không có Giáo viên Tiểu học.

b. Đào Tạo Giáo Sư Trung Học Đệ Nhất Cấp:

Muốn trở thành Giáo sư Trung Học Đệ Nhất Cấp, thí sinh cần có bằng Trung Học (Brevet) hoặc Cao Đẳng Tiểu Học (DEPSI) và phải qua kỳ thi tuyển vào trường Sư Phạm Trung Học Đệ Nhất Cấp (École de Pédagogie pour L'enseignement secondaire du Premier Cycle). Thời gian học là 3 năm được chia làm hai ban:

- ▶ Ban Khoa Học học chuyên về Toán, Lý, Hóa và Vạn Vật. Sinh viên tốt nghiệp trở thành Giáo sư Trung Học Đệ Nhất Cấp (Premier Cycle) dạy môn Toán, Lý, Hóa hay Vạn Vật (Sciences Naturelles).
- ▶ Ban Văn Chương học chuyên về Pháp Văn, Sử Ký và Địa Lý. Sau khi tốt nghiệp dạy những môn đó.

c. Đào Tạo Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp:

Không có tại Việt nam trong thời Pháp thuộc.

Ngành Trung Học Đệ Nhị Cấp gồm có các lớp: Classe Seconde, Classe Première và Classe Terminale, tương đương với lớp 10, 11 và 12 thời nay vậy. Vì Pháp không mở trường đào tạo Giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp tại Việt Nam nên muốn dạy, Giáo sư phải đậu bằng Cử Nhân hay Thạc Sĩ (Agrégé) bên Pháp. Bằng Cử Nhân do các Đại Học cung cấp trong khi bằng Thạc Sĩ thường do các trường Đại Học Sư Phạm tại Pháp (École Normale Supérieure) hoặc những người có bằng Cử Nhân Khoa Học hoặc Văn Chương thi dự tuyển để lấy văn bằng Thạc Sĩ.

Ở Pháp, những người có bằng Thạc Sĩ tốt nghiệp tại các trường Đại Học Sư Phạm hoặc những người có văn bằng Cử Nhân thi đậu, được cử làm Giáo Sư chính ngạch (professeur titulaire), còn những người chỉ có bằng Cử Nhân muốn hành nghề phải xin phép bổ nhiệm từ Bộ Giáo Dục, làm Giáo Sư khế ước (contrat) một thời gian, nếu công tác tốt mới được chuyển sang chính ngạch.

Những vị dạy ở Trung Học Đệ Nhị Cấp (Deuxième Cycle) thường được danh hiệu là Giáo sư Trung học, vì họ tốt nghiệp từ trường Đại Học Khoa Học (Faculté des Sciences) hoặc Văn Khoa (Faculté des Lettres) hay Sư Phạm (École Normale Supérieure) tại Pháp. Khoảng năm 1940 trường Đại Học Khoa Học được thành lập và giảng dạy cho tới khi Nhật đảo chánh Pháp năm 1945,

nhưng chỉ có vài người tốt nghiệp tại Việt Nam mà thôi. Trong suốt thời Pháp thuộc không có trường Văn Khoa. Tuy nhiên, trường Văn Khoa đầu tiên tại Hà Nội là do chính phủ Quốc Gia Việt Nam thiết lập từ năm 1950.

II- Cách Tổ Chức Của Trường Đại Học Khoa Học:

Năm 1938, Pháp mở trường Đại Học Khoa Học tại Hà Nội để đào tạo Cử Nhân Khoa Học gồm có Cử Nhân Toán, Cử Nhân Lý Hóa và Cử Nhân Vạn Vật. Các giáo sư ở trường này thường có văn bằng Tiến Sĩ hay Thạc Sĩ từ Pháp sang giảng dạy.

Trước khi Nhật đảo chánh Pháp năm 1945, không có một giáo sư Việt Nam nào dạy ở trường Đại Học Khoa Học trừ Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn nhưng chỉ được chức Giảng Sư (không được chức Giáo Sư) vì ông chỉ có bằng Thạc Sĩ và theo cách tổ chức của Pháp, ông chỉ đủ tư cách dạy Trung Học mà thôi.

Trường này không sản xuất một bằng Cử Nhân Toán nào cả mà chỉ có một vài Cử Nhân Khoa Học Lý Hóa hay Vạn Vật. Trong thời gian này, quy định muốn có bằng Cử Nhân Giáo Khoa Toán Học sinh viên phải có 3 chứng chỉ là Toán Học Đại Cương, Cơ Học Thuần Lý và Vi Tích Phân Toán Học. Và vì trường không có dạy chứng chỉ Vi Tích Phân Toán Học cho nên không có một người nào tốt nghiệp Cử Nhân Toán tại Đại Học Hà Nội trước năm 1945. Do đó, những người muốn có văn bằng Cử Nhân Toán, phải sang Pháp học chứng chỉ Vi Tích Phân Toán.

▶ Cử Nhân Giáo Khoa Lý Hóa gồm có các chứng chỉ Toán Lý Hóa, Vật Lý Đại Cương và Hóa Học Đại Cương.

▶ Cử Nhân Vạn Vật gồm có Chứng Chỉ Lý Hóa Nhiên (SPCN), Thực Vật Học Đại Cương và Địa Chất Học. Lúc này chưa mở chứng chỉ Sinh Học Đại Cương.

Có 3 bộ Cử Nhân như sau:

♦Cử Nhân Giáo Khoa* Lý Hóa :

MPC (Toán Lý Hóa – Mathématiques, Physique et Chimie)

Vật Lý Đại Cương (Physique générale)

Hóa Học Đại Cương (Chimie générale)

♦Cử Nhân Giáo Khoa* Vạn Vật :

SPCN (Science Physique, Chimie et Naturelle)

Thực Vật Đại Cương (Botanique générale)

Khoáng Vật Đại Cương (Minéralogie générale - có thể thay bằng Sinh Vật Đại Cương - Biologie)

♦Cử Nhân Giáo Khoa* Toán:

Toán Đại Cương (Mathématiques générales)
Cơ Học Thuần Lý (Mécanique rationnelle)
Vi Tích Phân Toán (Calcul différentiel et intégral)

* **Giáo khoa** có nghĩa là những người có bằng này được phép dạy tại các trường Trung Học Đệ Nhị Cấp mà không cần tốt nghiệp tại Đại Học Sư Phạm.

Sinh viên có 3 chứng chỉ không vào bộ trên được cấp bằng Cử Nhân Khoa Học Tự Do. Thí dụ có Toán Đại Cương, Cơ Học Thuần Lý và Vật Lý Đại Cương thì gọi là Cử Nhân Khoa Học Tự Do (**Licence ès Sciences Libres**).

Trường Đại Học Khoa Học Hà Nội chỉ đào tạo được Cử Nhân Lý Hóa hoặc Vạn Vật. Những sinh viên nào muốn có bằng Cử Nhân Toán sau khi đã có các chứng chỉ Toán Đại Cương và Cơ Học Thuần Lý thì sang Pháp học tiếp chứng chỉ Vi Tích Phân Toán Học.

Ta đừng nên nhầm lẫn với thời Việt Nam Cộng Hòa, nếu chỉ có Toán Cơ Học và Vật Lý thì không gọi là Cử Nhân, phải thêm hoặc Vi Tích Phân Toán tức 4 chứng chỉ thành Cử Nhân Giáo Khoa Toán hoặc thể chứng chỉ Hóa Học Đại Cương thành Cử Nhân Giáo Khoa Lý Hóa.

Xem như vậy thời Pháp thuộc từ năm 1945 trở về trước, việc học của trường Đại Học Khoa Học không hoàn toàn đầy đủ.

Nguyễn Văn Thành
Gần cuối tháng 3, 2005
(còn tiếp)



Trà Mi

📄 Tiêu đề: Re: SỰ GIÁO DỤC VÀ THI CỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI Ở VIỆT NAM 🌐 Thu 01 Aug 2013, 08:40



Phần 5:



B- GIÁO DỤC VÀ THI CỬ TRONG THỜI PHÁP THUỘC:

Tổng số bài gửi : 7062
Registration date
: 01/04/2011

III- Cách Tổ Chức Của Trường Đại Học Luật Khoa:

Muốn theo học trường Luật, sinh viên phải có văn bằng Tú Tài phần II (Baccalauréat - deuxième partie).

Sinh viên Luật thi tốt nghiệp mỗi cuối năm và sau 3 năm, nếu đậu được cấp bằng Cử Nhân Luật (Licence en Droit). Các giáo sư trường này thường là người Pháp có bằng Tiến Sĩ (Doctorat en Droit) hoặc Thạc Sĩ Luật Khoa (Agrégation en Droit). Thời gian học để lấy bằng Tiến Sĩ Luật Khoa mất khoảng 3 năm, sau khi đã đậu bằng Cử Nhân Luật. Muốn dự thi bằng Thạc Sĩ Luật Khoa, trước tiên thí sinh phải có bằng Tiến Sĩ.

Trường Đại Học Hà Nội chỉ đào tạo Cử Nhân Luật Khoa. Do đó, sau khi tốt nghiệp Cử Nhân Luật (3 năm) nếu muốn học Tiến Sĩ sinh viên phải sang Pháp vì hai bằng Tiến Sĩ và Thạc Sĩ chỉ có giảng dạy ở Pháp mà thôi. Nước ta trong thời Pháp thuộc có ông Nguyễn Mạnh Tường là người duy nhất đậu cả hai văn bằng Tiến Sĩ Luật Khoa và Tiến Sĩ Văn Chương Pháp.

Các sinh viên tốt nghiệp Luật Khoa tại Việt Nam có thể nộp đơn xin làm Chánh Án (Juge), Biện Lý (Procureur) hoặc là Tri Phủ, Tri Huyện (Chef de district), hoặc làm đơn xin Tập Sự Luật Sư (Avocats stagiaires) trong 3 năm, nếu tốt nghiệp kỳ thi Luật Sư do Luật Sư đoàn tổ chức, sẽ được phép hành nghề Luật Sư (Avocat).

Thường Chánh án kiêm luôn Dự Thẩm, Biện Lý và ngay cả Lục Sự trong thời Pháp thuộc. Thậm chí ở những quận huyện, Tri phủ hoặc Tri huyện kiêm luôn vai trò Chánh Án, Biện Lý và quyết định số phận của người dân không qua bất cứ một luật lệ nào.

IV- Cách Tổ Chức Của Trường Đại Học Y-Nha-Dược:

Pháp tổ chức trường Đại Học Y- Nha- Dược hỗn hợp.

a- Trường Đại Học Y Khoa:

Ngành Y Khoa đào tạo Bác Sĩ Y Khoa. Điều kiện nhập học ngành chuyên môn này đòi hỏi sinh viên phải có bằng Tú Tài II và hoàn tất lớp Lý Hóa Sinh PCB (Physique, Chimie et Biologie).

Chứng chỉ PCB chỉ được giảng dạy ở trường Đại Học Khoa Học. Tốt nghiệp PCB xong, sinh viên nộp đơn xin vào năm thứ nhất của trường Y Khoa rồi học thêm 6 năm nữa nhưng mỗi cuối năm đều có kỳ thi, đủ điểm mới được lên lớp. Đến năm thứ 6, kể cả PCB là năm thứ 7, sinh viên Y Khoa phải trình một Luận án (Thèse) để ra trường. Luận án thường nghiên cứu và nêu ra các bệnh tật xảy ra trong nước Việt Nam cùng cách chữa trị và thống kê.

Vì lúc bấy giờ Pháp mở rất hạn chế nhà thương, bệnh viện tại nước ta cho nên muốn thực tập nội trú, sinh viên cuối năm thứ ba phải thi vào nội trú (interne), nếu không đậu vẫn tốt nghiệp Y Khoa sau năm thứ 6 và vẫn được

hành nghề Bác Sĩ. Chỉ có sự khác biệt là những Bác Sĩ nào mang nhãn hiệu nguyên là nội trú ở Bệnh Viện thì Bác Sĩ ấy có nhiều kinh nghiệm hơn.

Xem như vậy, nền Y khoa của Pháp rất yếu kém so với nền Y Khoa của các nước khác vì ở nước Mỹ sau khi tốt nghiệp Y Khoa phải thực tập ở Bệnh viện từ 1 đến 5 năm hoặc nhiều hơn nữa trước khi đi thi lấy giấy phép hành nghề Bác Sĩ. Theo lý thuyết, các giáo sư tại trường Y Khoa cần có bằng Thạc Sĩ Y Khoa, và muốn có bằng Thạc Sĩ, các Bác Sĩ phải làm trong Bệnh viện 5 năm rồi sau đó sang Pháp thi bằng Thạc Sĩ Y Khoa. Như vậy các giáo sư Đại Học Y Khoa, đại đa số là các Bác Sĩ (không có bằng Thạc Sĩ) giảng dạy.

Trường Đại Học Y Khoa Hà Nội mỗi năm chỉ cấp phát chừng một vài chục văn bằng Y Khoa Bác Sĩ. Do đó, trong thời Pháp thuộc, nhiều Bác Sĩ hành nghề ở Việt Nam thường là các Bác Sĩ người Pháp chữa trị cho Pháp kiều và cho những người Việt Nam giàu có trong các bệnh viện do Pháp quản trị chẳng hạn ngoài Bắc có bệnh viện St. Paul ở Hà Nội và trong Nam có bệnh viện Grall và St. Paul ở Sài Gòn.

Ngoài ra, còn có các trường Y Tá thường thuộc Bộ Y Tế quản lý nhưng do các Bác Sĩ giảng dạy chứ không thuộc trường Y Khoa.

b- Trường Đại Học Nha Khoa:

Trường Nha Khoa là một phần của trường Y-Nha-Dược hỗn hợp đào tạo các Nha Sĩ.

Ghi danh học trường Nha Khoa đòi hỏi sinh viên phải có văn bằng Tú Tài phần II và thời gian học là 5 năm. Trường chuyên đào tạo các Nha Sĩ chuyên về Răng Hàm Mặt.

c- Trường Đại Học Dược Khoa:

Trường Dược Khoa cũng là một phần của trường Y-Nha-Dược hỗn hợp đào tạo các Dược Sĩ.

Muốn vào trường Dược Khoa, sinh viên phải có bằng Tú Tài II cộng thêm tập sự một năm tại các Bệnh Viện hay tại các Dược Phòng và cuối năm phải thi vấn đáp và thực tập tại trường Dược Khoa, nếu đậu thì được vào năm thứ nhất trường Dược, tiếp tục học 4 năm học và mỗi năm đều có thi cuối năm. Sau năm thứ tư (tổng cộng là 5 năm) nếu tốt nghiệp thì được bằng Dược Sĩ hạng nhất và được phép hành nghề tức là mở Dược Phòng, hay làm tại các nhà thương.

Nội dung học ở trường gồm có Thực Vật Học, Hóa Học Đại Cương, Hóa Học Vô Cơ (Chimie minérale), Hóa Học Hữu Cơ (Chimie organique), Hóa Dược

(Chimie pharmaceutique), Vật Lý Học và ảnh hưởng của các dược phẩm vào con người. Tất cả các môn học đều có kỳ thi cuối năm gồm có thi viết, thực tập và vấn đáp. Nhưng trái với phân khoa Khoa Học, phân khoa Dược chú trọng về Giáo Khoa trong các kỳ thi nhiều hơn. Tuy nhiên, trường Dược Khoa phải học thêm một môn gọi là môn Dược Bất Đồng (ky nhau - Incompatibilité) nghĩa là học những vị thuốc nếu uống cùng với nhau có thể gây phản ứng phụ làm chết người. Như vậy, trường Dược Khoa ở Việt Nam thời Pháp thuộc khác với trường Dược ở Mỹ là sau khi tốt nghiệp bằng Dược Sĩ ở Mỹ, Dược Sĩ tương lai sẽ phải đi thực tập tại các bệnh viện rồi sau đó dự thi cấp bằng hành nghề, trái lại ở Việt Nam phải tập sự ngay từ năm thứ nhất. Như vậy nền giáo dục của Pháp đào tạo các Dược sĩ không có phẩm chất cao vì thực tập đã thực hiện ngay từ năm thứ nhất trong khi chưa có một kiến thức hiểu biết gì về Dược Khoa. Điểm lưu ý, ở Việt Nam ai có bằng Dược Sĩ sẽ được phép mở Dược Phòng hay ra làm tại các bệnh viện mà không cần giấy phép hành nghề như ở bên Mỹ đòi hỏi vậy.

V- Cách Học và Thi Cử ở Các Bậc Đại Học:

Nói về cách học và thi cử ở các bậc Đại Học, ta phải công nhận rằng trường Đại Học Khoa Học là khó nhất. Giả tí 50 người dự thi cuối năm, kết quả chỉ đậu được vào khoảng 5 người, và vì vậy mỗi năm số Cử Nhân Khoa Học ra trường chỉ đếm trên đầu ngón tay. Trong thời Pháp thuộc, có năm không có một người nào đủ điều kiện đậu, thật ư là khó, khó hơn thi Tiến Sĩ thời Hán học. Trong khi đó, nếu ai đã vào được trường Y Khoa và Dược Khoa, cuối năm thi lên lớp hầu như đậu hết.

Trường Luật Khoa tương đối có tỷ số đậu cao hơn, khoảng 50%. Trường Y-Nha-Dược khá hơn nhưng tỷ số đậu chỉ khoảng 80-90%.

a- Trường Đại Học Khoa Học (Faculté des Sciences)

Trường Khoa Học thời Pháp thuộc có 4 chứng chỉ dự bị:

- ▶ Toán Đại Cương (Mathématiques générales)
- ▶ Toán Lý Hóa (MPC)
- ▶ Lý Hóa Nhiên (SPCN) dùng cho các bằng Cử Nhân Khoa Học
- ▶ PCB (Physique Chimie Botanique) dùng để vào trường Y Khoa

Và các chứng chỉ chuyên khoa như [phần 4](#) (Cách Tổ Chức của trường Đại Học Khoa Học) đã liệt kê đầy đủ.

Các Giáo Sư thường là các Tiến Sĩ từ Pháp sang dạy. Các bài giảng trong lớp thường theo lối diễn văn (conférence). Thường thường sau mỗi giờ khi Giáo Sư ra về, các sinh viên đứng dậy vỗ tay hoặc để tán thưởng việc giảng dạy

của Giáo sư hoặc làm một cách "nịnh bợ" cốt cho Giáo Sư ngoại quốc vui lòng để hy vọng cuối năm Giáo Sư cho đậu nhiều. Nhưng thực tế, vì việc học và việc thi không giống nhau, lúc học thì học toàn lý thuyết, lúc thi thì làm Toán cho nên kết quả thi của trường Khoa Học thường rất là bi đát.

Giáo sư các môn Toán, Vật Lý hoặc Hóa Học chỉ giảng lý thuyết sau đó các phụ tá giáo sư (Giảng Nghiệm Viên Assistant - hoặc Giảng Nghiệm Trưởng Chef de TP) chỉ có bằng Cử Nhân, dạy thực tập hoặc là làm các bài tập mà thôi. Mỗi năm bài thi tốt nghiệp một chứng chỉ (certificat) thí dụ như Toán Đại Cương được thi hai lần và thi 2 buổi mỗi buổi 4 giờ, thường thì cho một bài Toán lớn từ đầu đến cuối, nếu làm trật câu đầu thì hỏng luôn cả bài.

Tuy nhiên, một vài thầy tử tế cho 3, 4 đề thi và nếu điểm trung bình của 2 bài từ 10/20 thí sinh đậu thi Viết (Écrit), sau đó phải vào Vấn Đáp (Oral), và thầy sẽ hỏi Giáo Khoa hoặc cho bài tập làm tại chỗ. Nếu như vậy, ai không biết làm Toán hoặc thiếu sót thì rớt ngay từ kỳ thi viết. Nếu đậu thi viết, thí sinh sẽ vào vấn đáp và nếu không trả lời được các câu hỏi lý thuyết hoặc thực hành, môn vấn đáp ấy coi như rớt. Lần sau trở lại dự thi, thí sinh phải thi lại từ đầu mà không được giữ điểm thi viết.

Tỷ số thi đậu của các chứng chỉ ở trường Khoa Học chiếm khoảng 5 đến 30%. Thậm chí có nhiều kỳ thi khi ra bảng, không có ai đậu cả. Các chứng chỉ trong trường Đại Học Khoa Học ngành Vạn Vật Học (Sciences Naturelles) tương đối có tỷ số đậu cao hơn tỷ số tốt nghiệp từ 10 đến 40 %.

Xem như vậy trường Đại Học Khoa Học có tỷ số đậu thấp nhất trong tất cả các trường Đại Học.

b- Trường Luật (Faculté de Droit):

Trường Luật thi vào mỗi cuối năm. Muốn đậu cử nhân Luật thì phải tốt nghiệp hết năm thứ ba. Thi Luật gồm có hai phần: thi Viết và Vấn Đáp. Thời Pháp thuộc, sinh viên phải thi Dân luật và Hình luật của Pháp, các môn Kinh Tế, Luật Đối Chiếu Quốc Tế... Đậu thi Viết xong, thí sinh vào thi Vấn đáp, và mỗi môn thì có một Giáo Sư phụ trách môn ấy hỏi. Tỷ số trường Luật đậu từ 30 đến 50%. Các bài thi của trường Luật được các giáo sư căn cứ vào Luật Pháp để bình giải một sự việc Pháp Lý. Thí dụ đề tài nói về thuyết Nhân Trị và Pháp Trị.

Ngoài các trường Đại Học kể trên, ta phải kể một số trường dạy nghề như Điện Máy Nổ hoặc là Nguội Hàn Lạnh. Thí dụ như trường Cán Sự Công Chánh đòi hỏi có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp thi vào học 3 năm, xong thi tốt nghiệp và được cấp phát bằng Cán Sự Công Chánh (Agent Technique).

Thí dụ muốn vào trường Kỹ Nghệ Thực hành ở Hà Nội, thí sinh chỉ cần tốt nghiệp Tiểu Học rồi thi trúng tuyển vào học 4 năm và tùy theo ban được cấp bằng cơ khí, sửa máy ô tô, điện (làm thợ điện), nguội (làm thợ nguội).

Song song với trường Kỹ Nghệ Thực Hành, trong Nam có trường Kỹ Thuật Cao Thắng. Ta nhớ là sau năm 1945, trường Cao Thắng phát triển đệ nhị cấp và có thi Tú Tài Kỹ Thuật nhưng việc đó không xảy ra trong thời thực dân Pháp tức là khoảng năm 1884-1945. Sau năm 1945, khoảng 1945-1954, trường Cao Thắng mới dạy tới bậc Trung Học Đệ Nhị Cấp kỹ Thuật còn trong thời Pháp thuộc chỉ đào tạo tới những ngành và nghề như trường Trung học Kỹ Thuật Thực Hành ở Hà Nội.

Nguyễn Văn Thành

Cuối tháng 3, 2005
(còn tiếp)



Trà Mi

Tiêu đề: Re: SỰ GIÁO DỤC VÀ THI CỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI Ở VIỆT NAM Thu 01 Aug 2013, 08:42



Tổng số bài gửi : 7062
Registration date
: 01/04/2011

Phần 6:



C- GIÁO DỤC VÀ THI CỬ SAU NGÀY NHẬT ĐẢO CHÁNH PHÁP: (TRONG KHOẢNG MÙNG 9 THÁNG 3 NĂM 1945 ĐẾN NGÀY MÙNG 1 THÁNG 8 NĂM 1954).

Sau ngày đảo chánh mừng 9 tháng 3 năm 1945, Nhật giao chính quyền cho vua Bảo Đại và nhà vua đã cử ông Trần Trọng Kim làm Thủ Tướng lập Chính Phủ Quốc Gia đầu tiên tại Việt Nam. Ông Hoàng Xuân Hãn được đề cử giữ chức vụ Bộ Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục.

Ông Hoàng Xuân Hãn tốt nghiệp từ trường Bách Khoa Pháp, ngoài ra ông còn có văn bằng Cử Nhân Toán tại Đại Học Sorbonne và bằng Thạc Sĩ Toán tại Paris. Công trạng đáng kể của ông là đã xuất bản lần đầu tiên năm 1942 và được tái bản nhiều lần quyển "**Danh Từ Khoa Học - Hoàng Xuân Hãn**" bao gồm các môn Toán, Vật Lý, Hóa Học và Vạn Vật Học, và là cơ sở cho việc học Khoa Học từ Tiểu, Trung và Đại Học kể từ năm 1945 cho đến ngày nay. Mặc dầu nền khoa học đã tiến bộ nhiều nhưng cơ bản các danh từ khoa học vẫn

lấy Danh Từ Khoa Học của Hoàng Xuân Hãn là chính, về sau chỉ bỏ túc thêm mà thôi.

Ông Hoàng Xuân Hãn rất giỏi về Hán tự và chữ Nôm cho nên ngoài Danh từ Khoa học, ông còn dịch truyện Kiều và Chinh Phụ Ngâm từ chữ Nôm ra chữ Quốc Ngữ và có lời bình giải rất uyên thâm.

Ông đã ra lệnh cho toàn thể các trường học giảng dạy bằng tiếng Việt ở bất cứ chỗ nào có thể thi hành được, tuy nhiên chỉ có Trung học và Tiểu học là cố gắng dạy tiếng Việt còn các trường Đại học hầu như không hoạt động được nữa vì rằng đại đa số giáo sư người Pháp dạy trường này đều bị Nhật bỏ tù vào ngày mùng 9 tháng 3 năm 1945. Nói như vậy có nghĩa rằng chính phủ Trần Trọng Kim chỉ tổ chức được các kỳ thi Tiểu học, và Trung học Phổ thông, Tú Tài I và II bằng tiếng Việt nhưng không tổ chức được kỳ thi tốt nghiệp Đại Học năm 1945. Mãi cho đến ngày 19 tháng 8 năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền và sau ngày đó những vùng do chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cai trị, các việc học được tổ chức bằng tiếng Việt gồm có miền Bắc và một phần miền Trung. Như vậy, chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chỉ lập được nền giáo dục tại miền Bắc và một vài tỉnh ở miền Trung là dạy theo tiếng Việt. Năm 1946, chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tổ chức các kỳ thi Tiểu học, Trung học, Tú Tài và bậc Đại học hoàn toàn bằng tiếng Việt.

Sau khi Nhật đầu hàng quân đội Đồng Minh, quân đội Anh vào miền Nam nước ta để giải giới khí giới của quân đội Nhật. Pháp đã lợi dụng cơ hội này, núp theo chân quân đội Anh tiến chiếm lại toàn miền Nam và Pháp đã thiết lập lại việc học giống như thời trước tại Sài Gòn và các tỉnh mà Pháp chiếm được.

I- Sự Giáo Dục Trong Miền Đất Do Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam Kiểm Soát:

Ta kể chính phủ Quốc Gia Việt Nam từ thời chính phủ Trần Trọng Kim, sau đó tới lúc ông Bảo Đại ký kết với Pháp hiệp định Hạ Long năm 1948 chính thức công nhận Quốc Gia Việt Nam. Lúc này, Vua Bảo Đại không còn danh hiệu là Vua mà có danh hiệu là Quốc Trưởng.

Quốc Trưởng Bảo Đại lập chính phủ Quốc Gia Việt Nam tại Sài Gòn do Thủ Tướng Trần Văn Hữu rồi Nguyễn Văn Tâm. Chính phủ Quốc Gia Việt Nam tổ chức nền Giáo Dục trong khoảng năm 1948 - 1954, Bộ Trưởng Giáo Dục là ông Vương Quang Nhưông. Từ năm 1948 đến năm 1954, chính phủ Quốc Gia tổ chức các kỳ thi Trung Học, Tú Tài I và II bằng tiếng Việt, còn Đại Học vẫn bằng tiếng Pháp. Chỉ có trường Đại Học Văn Khoa tại Hà Nội là dạy bằng

tiếng Việt được chính phủ Quốc Gia Việt Nam mở ra năm 1950 và trực thuộc Bộ Giáo Dục. Ngoài ra cũng tại Hà Nội, chính phủ Quốc Gia còn tổ chức được trường Cao Đẳng Sư Phạm gồm có 2 ban Khoa Học và Văn Chương cũng dạy bằng tiếng Việt để cung cấp Giáo sư Trung học Đệ Nhất Cấp. Còn tất cả các trường Đại Học khác kể cả trường Luật, từ Viện Trường đến Khoa Trường và hầu hết các Giáo sư đều là người Pháp, tất nhiên dạy và học bằng tiếng Pháp.

Sau khi Hiệp Định Genève ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954, ông Viện Trường De Lassus ra lệnh cho tất cả trường Đại Học dọn vào Nam tức khắc và các sinh viên di chuyển theo trường được phép tạm trú tại trường Nữ Trung Học Gia Long tại Sài Gòn ngày mùng 1 tháng 8 năm 1954 vì lúc đó là kỳ nghỉ hè nên các nữ sinh Gia Long về quê. Tổng số sinh viên của trường Đại Học Hà Nội lúc bấy giờ chỉ có 550 sinh viên nhưng độ 500 sinh viên di chuyển vào Sài Gòn; chỉ còn 50 người ở lại vì lý do gia cảnh. Thế nhưng, trong số 50 người đó cũng có một số người vào trong Nam sau này, những người khác ở lại tiếp tục việc học và trở thành các Giáo sư Đại Học tại Hà Nội.

Trường Đại Học ở Hà Nội tập trung tại một nơi nhưng ở Sài Gòn các trường Đại Học được phân tán làm nhiều nơi:

- ▶ Trường Đại Học Khoa Học chiếm một khu đất của trường Trương Vĩnh Ký (Pétrus Ký) tại Đại Lộ Cộng Hòa.
- ▶ Trường Luật chiếm một khu tại đường Duy Tân.
- ▶ Trường Y-Nha-Dược hỗn hợp chiếm một khu ở đường Trần Quý Cáp.
- ▶ Ngoài ra còn trường Kỹ Sư Công Chánh vốn đã có ở trong Nam từ trước năm 1954.

Trường Y-Nha-Dược cũng không thay đổi bao nhiêu so với thời Pháp thuộc. Y Khoa vẫn học 7 năm, Nha Khoa cũng học 5 năm, Dược Khoa vẫn 5 năm. Nha Khoa chỉ sản xuất ra Nha Sĩ không sản xuất Tiến Sĩ Nha Khoa.

Tổng kết quá trình từ lúc xuất hiện Quốc Gia Việt Nam tới năm 1954, chính phủ Quốc Gia Việt Nam đã xây dựng một nền Tiểu Học 5 năm trong đó bỏ lớp Nhì năm thứ 2 có từ thời Pháp thuộc. Và nền Trung Học có thời gian 7 năm, thi Tú Tài có 2 sinh ngữ : sinh ngữ 1 và sinh ngữ 2. Nền giáo dục ở bậc Đại Học gần như không có gì thay đổi vì sự quản trị hoàn toàn vẫn do giáo sư người Pháp điều hành. Tuy vậy nhưng cũng có rất ít thay đổi thí dụ ban Cử Nhân Khoa Học trước năm 1945 chỉ có 3 chứng chỉ nay lên 4 chứng chỉ và trước năm 1945 không cấp phát văn bằng Cử Nhân Toán, nay cấp phát được bằng Cử Nhân Toán. Điều đáng kể là chứng chỉ Vi Tích Phân Toán Học chỉ mở tại Sài Gòn, sinh viên không cần phải qua Pháp để hoàn tất như trong thời Pháp thuộc. Như vậy có nghĩa rằng muốn có văn bằng Cử Nhân Toán Học, các sinh viên Khoa Học tại Hà Nội phải vào Sài Gòn học chứng chỉ đó để hoàn

tất Cử Nhân Toán Học. Lúc này, Cử Nhân Giáo Khoa Toán gồm các chứng chỉ Toán Đại Cương, Cơ Học Thuần Lý, Vi Tích Phân Toán và Vật Lý Học Đại Cương.

■Cử Nhân Giáo Khoa Lý Hóa gồm các chứng chỉ Toán Lý Hóa (hoặc Toán Đại Cương), Vật Lý học Đại Cương, Hóa học Đại Cương, Cơ học Thuần Lý (hay Vi Tích Phân Toán).

■Cử Nhân Giáo Khoa Vạn Vật gồm có chứng chỉ Lý Hóa Nhiên, Thực Vật Đại Cương, Khoáng Vật Đại Cương, Sinh Vật Đại Cương.

➔Cách tổ chức này kéo dài đến năm 1974 và chỉ có sự thay đổi nhỏ là năm 1965 tách rời chứng chỉ lớn thành chứng chỉ nhỏ mà ta sẽ nói chi tiết trong phần sau.

II- Sự Giáo Dục Trong Miền Đất Do Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Kiểm Soát:

Đến ngày 19 tháng 12 năm 1946 toàn quốc kháng chiến khiến chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chạy vào bưng biển ẩn náu trong các tỉnh miền Bắc Việt Nam và có tổ chức các kỳ thi Tiểu học, Trung học và Tú Tài Toàn Phần trong những năm 1947-1950 nhưng bỏ kỳ thi Tú Tài I. Còn các trường Đại Học hầu như tê liệt hoàn toàn, nhưng cũng có một số trường chạy sâu vào nội địa Trung Quốc an toàn và mang theo một số giáo sư Việt Nam theo dạy.

Sở dĩ các trường Đại Học vào nội địa Trung Quốc vì năm 1949 chính phủ Quốc Gia Trung Hoa do Thống Chế Tưởng Giới Thạch làm Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc đã bỏ đất liền tới đảo Đài Loan và vì vậy Trung Cộng đã lập được chính quyền trên toàn lục địa Trung Hoa. Lúc này, Trung Cộng sẵn sàng giúp đỡ chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trong việc giáo dục tại nội địa Trung Hoa trong những vùng sát Việt Nam trong thành phố Nam Ninh, thủ phủ tỉnh Quảng Tây.

Như vậy trong suốt thời gian kháng chiến chống Pháp, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chỉ tổ chức được một nền giáo dục rất yếu kém và nền Trung Học chỉ tới lớp 9. Sau ngày tiếp thu Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 1954, trường Đại Học Hà Nội chính thức mở cửa lại vào ngày 1 tháng 11 năm 1954 và cho phép các học sinh mang học bạ lớp 9 lên thẳng Đại Học học cùng với các học sinh Việt Nam từ Hà Nội cũ có bằng Tú Tài II. Đồng thời các trường từ bên Trung Quốc cũng dọn về và các sinh viên đi theo các xe của quân đội trở về học lại tại Đại Học Hà Nội.

Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa mở lại tất cả các phân khoa Y-Nha-Dược, Khoa Học, Sư Phạm, Văn Khoa và theo nguyên tắc có bao nhiêu, học bấy nhiêu. Thí dụ năm thứ 5 trường Y Khoa còn lại 5 sinh viên thì học 5 sinh viên, trường Dược còn lại 3 người thì học 3 người v.v.. Chính phủ chú trọng từ

năm thứ nhất, cơ bản là huấn luyện đào tạo các giáo chức nên mở trường Sư Phạm học 3 năm ban Văn và ban Khoa Học.

➔ Những năm 1950-1954, gần như không còn tổ chức các kỳ thi nào nữa vì lý do chiến tranh.

Nguyễn Văn Thành
Đầu tháng 4, 2005
(còn tiếp)



Trà Mi

📧 Tiêu đề: Re: SỰ GIÁO DỤC VÀ THI CỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI Ở VIỆT NAM 🕒 Mon 05 Aug 2013, 08:32



Tổng số bài gửi : 7062
Registration date
: 01/04/2011

Phần 7:

III- Chi Tiết Về Sự Phân Ban Trung Học Đệ Nhị Cấp của Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam:

Như đã đề cập trong phần trước, tại các bậc Đại Học trong giai đoạn này, toàn thể các môn vẫn được giảng dạy bằng tiếng Pháp ở những trường Luật Khoa, Khoa Học, Y Khoa, Nha Khoa, Dược Khoa, trường Kỹ Sư Công Chánh vì phần lớn giáo sư từ Pháp gửi sang, chỉ trừ phân khoa Văn Khoa và Cao Đẳng Sư Phạm mở tại Hà Nội năm 1950, dạy bằng tiếng Việt. Điều kiện nhập học trường Cao Đẳng Sư Phạm, thí sinh cần có bằng Tú Tài II và nộp đơn theo học 2 năm.

Trường Cán Sự Vô Tuyển Điện có nhận dạy Cán Sự, học hai năm và điều kiện nhập học đòi hỏi học sinh phải có văn bằng Trung học Phổ Thông. Ngoài ra, chính phủ Quốc Gia còn tổ chức mở trường Đại Học Quốc Gia Hành Chánh từ năm 1952 khởi đầu tại Đà Lạt. Muốn vào trường này, sinh viên phải có văn bằng Tú Tài II và ghi danh theo học với học trình là 3 năm, được giảng dạy hoàn toàn cũng bằng tiếng Việt. Trường này cốt đào tạo Đốc Sự Hành Chánh, những năm về sau trường phát triển thêm ngành Tài Chánh. Những người tốt nghiệp ban Đốc Sự thường được cử làm Phụ Tá Tỉnh Trưởng (Phó Tỉnh Trưởng Hành Chánh) còn những người tốt nghiệp ban Tài Chánh được bổ làm trưởng Ty Thuế Vụ ở mỗi tỉnh.

Tóm lại, chính phủ Quốc Gia trong những năm 1949-1954 tổ chức được nền Tiểu Học (5 năm) và Trung Học (7 năm), các kỳ thi Tú Tài I và II bằng tiếng Việt. Đại Học Văn Khoa, Hành Chánh và Cao Đẳng Sư Phạm cũng được tổ

chức bằng tiếng Việt còn tất cả các Đại Học khác đều bằng tiếng Pháp kể cả trường kỹ sư Công Chánh và trường Cán Sự Vô Tuyển Điện. Ngoài ra, với chính sách chiêu hồi, học sinh nào có bằng Tú Tài do chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cấp đều được thi bằng Tú Tài tương đương, chỉ thi Việt mà không phải thi Vấn Đáp và chương trình thi được giới hạn, thí dụ Toán có 7 môn nhưng chỉ thi 2 hoặc 3 môn. Thí sinh chỉ thi những môn chính như Toán Lý Hóa và Triết vì Tú Tài ở hậu phương (những vùng kiểm soát của chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa) không có chia ban cho nên Tú Tài tương đương cũng không có chia ban và vì chương trình này nhẹ hơn Tú Tài II nhiều nên tỷ số đậu từ 60 đến 80%, và được phép lên Đại Học nếu đậu.

Trong giai đoạn này, nhiều kẻ không có bằng Tú Tài hậu phương, đã lợi dụng cơ hội làm giả chứng chỉ để thi Tú Tài tương đương trong vùng Quốc Gia. Cũng nên nhắc lại rằng chứng chỉ cấp bởi chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chỉ là một bản đánh máy và một dấu đóng. Con dấu (triện) được làm giả một cách dễ dàng bằng cách thuê những người thợ làm con dấu giả để đóng dấu giả và làm bằng giả. Bằng cấp giả lúc này có tên gọi là bằng "củ khoai". Những thí sinh nộp bằng "củ khoai" để dự thi, nếu đậu vẫn được phép lên Đại Học, nhưng vì là giả nên các sinh viên này rất khó theo học những phân khoa như Khoa Học và Y Nha Dược nên họ thường vào những phân khoa dễ theo hơn như Văn Khoa, ban Sử Địa chẳng hạn. Tuy nhiên, một số người có bằng "củ khoai" mà đậu bằng Tú Tài tương đương, và họ cũng trở thành các sinh viên xuất sắc trong các phân khoa khác.

Các trường của Pháp ở Hà Nội (Lycée Albert Sarraut) cũng như ở Sài Gòn (Chasseloup Laubat), học sinh được phép thi bằng Tú Tài của Pháp cũng giống như thời Pháp thuộc. Tú Tài Pháp hay Việt cũng đều được phép ghi danh vào Đại Học như nhau và thí sinh không phải thi vào.

Trung Học Đệ Nhất Cấp không phân ban, chỉ có Trung Học Đệ Nhị Cấp phân ban rõ rệt và có 3 lớp, tương đương với lớp 10, 11 và 12 ngày nay. Học sinh học hết lớp 11 thi Tú Tài I, nếu đậu được học lớp 12 và cuối năm 12, thi Tú Tài II.

Chính phủ Quốc Gia Việt Nam cũng đã tổ chức được 4 ban khác nhau là A, B, C, D cho bậc Trung Học Đệ Nhị Cấp hay trong kỳ thi Tú Tài, như sau:.

- Ban **A** đặt trọng tâm vào Vạn Vật Lý Hóa
- Ban **B** trọng tâm là Toán Lý Hóa
- Ban **C** chú trọng về Triết Học và các Sinh Ngữ Anh, Pháp
- Ban **D** chú trọng về Hán Văn, cộng một sinh ngữ nữa thí dụ như Anh hoặc Pháp và Triết Học. Riêng phần Triết Học học thêm về Triết Học Đông Phương thí dụ như Lão Tử.

► Ban **A** Tú Tài II có môn Triết Học hệ số 3, môn Lý Hóa hệ số 3 và môn Vạn Vật Học cũng hệ số 3. Phần Triết Học của ban A, ngoài Luận Lý Học, có thêm phần Tâm Lý Học và phần này sẽ giúp cho các học sinh ban A khi lên Đại Học có thể theo học Y Khoa để biết tâm lý của bệnh nhân. Ngoài ra, môn Vạn Vật của Tú Tài II, ban A cũng chuyên chú về thân thể con người ta và phần này cũng giúp ích cho các sinh viên Y Khoa tương lai.

► Ban **B** Tú Tài II, thi viết gồm có 3 môn chính. Môn Toán Học hệ số 4, môn Lý Hóa hệ số 3 và môn Triết Học hệ số 1. Triết Học ban B chỉ chuyên nhiều về Luận Lý Học vì phần này giúp ích cho luận lý khoa Học. Đặc biệt, môn Toán Học ban B gồm 7 môn Toán: Hình Học, Đại Số Học, Cơ Học, Hình Học Họa Hình, Số Học, Thiên Văn Học, và Lượng Giác Học.

Phần chính của Ban B Tú Tài II là Hình Học, chứa đựng nhiều phần phức tạp như các phép biến đổi vị tự, nghịch đảo, đối cực, trục đẳng phương,... và phần sau bao gồm 3 hình Côníc là Ellipse, Parabole và Hyperbole. Tất cả các hình Côníc này đều dùng định nghĩa của Quỹ Tích, thí dụ:

► Ellipse là quỹ tích của tất cả những điểm trên mặt phẳng có tổng số khoảng cách đến hai điểm cố định (gọi là tiêu điểm), bằng một hằng số.

► Parabole là quỹ tích của các điểm trên mặt phẳng mà khoảng cách từ điểm đó đến tiêu điểm, bằng khoảng cách từ điểm đó đến một đường thẳng (gọi là đường chuẩn).

► Hyperbole là quỹ tích của những điểm trên mặt phẳng mà hiệu số khoảng cách đến hai điểm cố định (tiêu điểm), bằng một hằng số.

Những môn khác thì có Đại Số Học gồm Giải Tích và một phần Tích Phân, Cơ Học gồm Cơ Học Chất Điểm và Cố Thể trên mặt phẳng có ma sát hay không ma sát, Hình Học Họa Hình, Lượng Giác Học. Ngoài ra còn có môn Thiên Văn Học học về sự chuyển động của các vì tinh tú, nhật thực và nguyệt thực, ngày đêm dài ngắn khác nhau và tại sao ngày mùa đông thì ngắn hơn ngày mùa hè. Ấy là chưa kể môn học rất phức tạp, đó là môn Số Học (Arithmétique) và nếu môn Toán này được ra trong kỳ thi Viết, thí sinh chỉ có nước ngâm viết mà thôi.

Trong những đề thi Tú Tài II về Lượng Giác, thí sinh phải dùng bảng Logarithm để giải Toán, cho nên nhiều người thi rớt môn này. Và mặc dầu môn Hình Học Phẳng là môn khó nhất nhưng nếu thí sinh Tú Tài II gặp đề này thường dễ đậu hơn vì lý do trong suốt năm học, họ thường bỏ nhiều thì giờ để học môn Hình Học Phẳng và dường như cả thầy lẫn trò không còn đủ thì giờ làm các môn khác như Thiên Văn, Số Học và Lượng Giác chỉ vì rằng 7 môn Toán học chỉ được dạy 8 giờ một tuần. Dù giảng dạy bằng tiếng Việt và bài vở được dịch từ tiếng Pháp ra tiếng Việt nhưng cách học trong thời gian này hoàn toàn theo Pháp, mang tính chất nhồi sọ và không giúp học trò Tú Tài II phát triển tính luận lý diễn dịch của Toán Học.

Học sinh Tú Tài II ban B sau khi đậu thường tiếp tục việc học ở Đại Học Khoa Học và các trường Kỹ Sư hoặc đi du học ngoại quốc.

▶ Tú Tài II ban C thi viết gồm có môn Triết Học hệ số 4, môn Sinh Ngữ 1 hệ số 3 và Sinh Ngữ 2 hệ số 2. Sinh Ngữ mà các thí sinh ưa chọn là Anh Văn và Pháp văn. Tuy nhiên, trình độ sinh ngữ của ban C lớp 12 (đệ nhất) dù là ban Pháp văn (sinh ngữ 1) vẫn thua xa trình độ học sinh trường Pháp lớp tốt nghiệp Trung học Đệ Nhất Cấp (Brevet). Bởi vậy, rất nhiều học trò trường Tây sau thi rớt Tú Tài Pháp nếu chuyển sang thi Tú Tài Việt Nam, họ đậu một cách dễ dàng.

Phần Triết Học của Tú Tài II ban C gồm có Luận Lý Học, Đạo Đức Học, Tâm Lý Học và Siêu Hình Học (Métaphysique). Riêng môn Siêu Hình được dạy về những vấn đề không tưởng ngả về tôn giáo nhiều hơn, thí dụ học về Thượng Đế. Như vậy, học sinh theo học ban C có khuynh hướng lên Đại Học Văn Khoa hoặc là học làm Linh Mục.

Thời gian này, Chính phủ Quốc gia lựa những người đi du học tại Mỹ chỉ cần thi đủ điểm Anh Văn, cho nên các sinh viên Việt Nam Tú Tài II ban C thi đậu dễ hơn các sinh viên ban khác nhưng thường thất bại khi đi du học vì không có căn bản về Toán Lý Hóa. Trong khi đó bất cứ trường Đại học nào ở Mỹ dù học về Kinh Tế, Tài Chánh hay Quản Trị Xí Nghiệp cũng đòi hỏi một số lớp Toán căn bản trong 2 năm đầu tiên.

▶ Tú Tài II ban D, sinh ngữ 1 là Hán Văn, đề thi gồm có Triết Học hệ số 4, Hán Văn hệ số 3 và một sinh ngữ hoặc Anh hoặc Pháp có hệ số 2. Phần Triết Học cũng giống như ban C chỉ có phần Hán Văn thì chỉ những người nào có căn bản Hán Học chẳng hạn con cái của các cụ đồ Nho cũ hay người Việt gốc Hoa mới thi nổi ban Hán Văn. Cũng như ban C, học sinh tốt nghiệp Tú Tài II ban D thường tiếp tục việc học của họ ở Đại Học Văn Khoa học ban Việt Hán, và sau khi tốt nghiệp họ trở thành Giáo Sư Trung học dạy Việt Văn và Hán Văn tại những trường Trung Học nào có tổ chức ban D. Sinh viên Việt gốc Hoa, sau khi tốt nghiệp Tú Tài II ban D thường sang du học ở Hồng Kông hoặc Đài Loan để tiếp tục bậc Đại Học.

Sau khi đậu các môn thi Viết, tất cả các thí sinh Tú Tài II đều được vào Văn Đáp từ 1 đến 3 ngày để thi tất cả các môn có trong chương trình khảo thí. Thí dụ như ban khoa học B phải thi lại Triết, Toán, Lý, Hóa, Vạn Vật, Sử, Địa, Anh Văn, Pháp Văn.

Mặc dầu thi cử bằng tiếng Việt nhưng tỷ số thi đậu Tú Tài I thường rất thấp, độ khoảng từ 15 đến 30% trong mỗi kỳ thi, trong khi Tú Tài II đậu khoảng từ 30 đến 45%.

Trong giai đoạn này, việc học Đại học vẫn giống như của Pháp chỉ có sự khác biệt là trường Đại Học Khoa Học trước kia cần 3 chứng chỉ để tốt nghiệp Cử Nhân, bây giờ thành 4 chứng chỉ và thời gian theo học tối thiểu là 4 năm thay vì 3 năm như trước. Trường Luật chưa có gì thay đổi vẫn 3 năm, trường Dược vẫn 5 năm, trường Y vẫn 7 năm, trường Nha vẫn 5 năm, vẫn giống như thời Pháp Thuộc.

Do nền học ở Trung học hoàn toàn bằng tiếng Việt và Đại học thì hoàn toàn bằng tiếng Pháp cho nên các sinh viên khi lên Đại học rất vất vả, vì vậy ta thấy tỷ số thi đậu ở bậc Đại Học rất thấp. Trường Dược, Nha và Y khoa dạy nghề chuyên môn có tỷ số tốt nghiệp cao hơn.

IV- Chi Tiết Về Sự Phân Ban Nền Trung Học của Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa:

Ta cũng nên nhắc lại các trường học trong vùng kiểm soát của chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa:

■**1946-1950:** Tổ chức được các kỳ thi Tiểu học, Trung học Phổ thông và Tú Tài, bỏ Tú Tài I từ năm 1946 nên chỉ gọi Tú Tài Toàn Phần.

■**1950-1954:** Các kỳ thi Tú Tài và Trung Học không còn tổ chức được nữa vì lý do chiến sự lan tràn, bởi vậy nền giáo dục ở miền Bắc do chính phủ này kiểm soát, bậc Trung học chỉ tới lớp 9 mà thôi, nghĩa là Trung học không có phân ban và học trình chỉ có 4 năm thay vì 7 năm.

Đặc điểm của nền Trung Học này là nâng hệ số của môn Toán lên 6, còn tất cả các môn khác chỉ là hệ số 1 hay hệ số 2 vì lý do có một số người lãnh đạo giáo dục muốn học sinh chú trọng đến môn Toán để sau này có thể theo học các môn Khoa Học và Kỹ Thuật để phát triển đất nước trong tương lai.

Ngày 10 tháng 10 năm 1954, chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa vào tiếp thu Hà Nội và thiết lập lại trường Đại Học Hà Nội ngày mùng 1 tháng 11 năm 1954. Sinh viên trong những vùng do chính phủ này kiểm soát chỉ cần học bạ lớp 9 là được vào Đại Học. Các sinh viên Việt Nam di tản sang bên Tàu, học Đại Học và trở lại Hà Nội theo các đoàn xe của Quân Đội, cũng hưởng quy chế này. Còn những người ở vùng Quốc Gia ở lại phải có bằng Tú Tài II mới được phép vào Đại Học, và học cùng với những người có học bạ lớp 9.

V- Kết Luận:

Nền giáo dục trong miền do chính phủ Quốc Gia Việt Nam quản lý chỉ tạo được một nền kinh tế tương đối yếu kém nhưng nhờ có vựa lúa ở miền Nam trừ phú cho nên người dân không bị chết đói dù rằng lúc bấy giờ viện trợ của Mỹ Quốc chưa đến tay của nhân dân Việt nam. Trong khi đó, những vùng do

chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa kiểm soát, nền kinh tế quay lại thời sơ khai nhân dân rất đói khổ ăn độn ngô khoai sắn (bắp, khoai lang, khoai mì) và nhờ vào viện trợ của Trung Cộng.

Nguyễn Văn Thành

Trung tuần tháng 4, 2005

(còn tiếp)



Trà Mi

📧 Tiêu đề: Re: SỰ GIÁO DỤC VÀ THI CỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI Ở VIỆT NAM 🌐 Mon 05 Aug 2013, 08:40



Phần 8:



D- GIÁO DỤC VÀ THI CỬ TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Tổng số bài gửi : 7062
Registration date
: 01/04/2011

I-Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa (Chính Phủ Sài Gòn):

Sau Hiệp Định Genève ký ngày 20 tháng 7 năm 1954, nước Việt Nam chia làm hai miền: miền Bắc và miền Nam lấy sông Bến Hải (hay cầu Hiền Lương hay vĩ tuyến 17) làm ranh giới. Từ sông Bến Hải đi ngược lên phía Bắc thuộc chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH), và từ sông Bến Hải đi xuôi về miền Nam thuộc chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Hiệp định Genève cũng xác định rằng ngày mùng 10 tháng 10 năm 1954, Pháp phải rút ra khỏi Hà Nội, và ngày 28 tháng 5 năm 1955, toàn thể nhân viên chính phủ Quốc Gia Việt Nam phải rút ra khỏi Hải Phòng và toàn thể miền Bắc.

Trong suốt thời gian làm Quốc Trưởng, Hoàng thân Vĩnh Thụy đều ở bên Pháp, và từ Pháp ông cử các vị Thủ Tướng tại miền Nam Việt Nam. Năm 1934, ông Ngô Đình Diệm có thành tích từ chối không nhận làm chức vụ trong triều tương đương với Thủ Tướng sau khi vua Bảo Đại chính thức cầm quyền năm 1932 sau khi trở về từ bên Pháp (ông lên ngôi năm 1926 nhưng vì tuổi còn nhỏ phải quay trở lại Pháp để hoàn tất việc học) vì lúc đó chức vụ này không có thực quyền và tất cả đều do Pháp quản lý. Cho đến khoảng tháng 7 năm 1954, ông Ngô Đình Diệm nhận lời của Quốc Trưởng Bảo Đại, đồng thời được sự ủng hộ của Mỹ nên ông về nước chấp chánh ngày 7 tháng 7 năm 1957, làm Thủ Tướng (ông cũng được Hồng Y Giáo Chủ Spellmann của Hoa Kỳ hậu thuẫn). Sở dĩ ông Bảo Đại tin tưởng và đề cử ông Ngô Đình Diệm vì thân phụ của ông Ngô Đình Diệm là cụ Ngô Đình Khả không chịu theo Pháp ký giấy truất phế vua Thành Thái.

Cũng nên nhắc lại là vua Thành Thái rất yêu nước, nhà vua luôn tìm cách loại bỏ ảnh hưởng của Pháp, do vậy thực dân Pháp quyết tâm truất phế. Thực dân Pháp đã dùng chính sách "ném đá giấu tay" cưỡng ép toàn thể các vị Thượng Thư trong triều đình ký giấy yêu cầu truất phế vua Thành Thái với lý do nhà vua không đủ khả năng. (Thật ra vua chỉ có tư tưởng chống Pháp chứ không phải là không đủ khả năng làm vua). Nhưng chỉ một mình cụ Ngô Đình Khả không chịu ký, bởi lẽ ấy trong dân gian ta có câu:

"Truất vua không Khả".
"Đào mả không Bài"

(Thực dân Pháp đào mả các vua họ Nguyễn để kiếm vàng bạc bị Thân Trọng Bài, một vị Thượng Thư chống về việc Pháp đào mả của các vị vua ta vì đó là hành động bất kính đối với các vị Hoàng Đế đã quá cố của Việt Nam).

Cụ Ngô Đình Khả sinh ra các vị Ngô Đình Thục, Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Luyện,... và con gái của cụ Khả sinh ra đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, từng là phụ tá Đức Giáo Hoàng John Paul II tại tòa thánh Vatican La Mã. Sau khi ông Ngô Đình Diệm lên làm Thủ Tướng, chính phủ Mỹ giữ lời hứa và hết lòng hậu thuẫn cho chính sách di dân từ Bắc vào Nam trong thời hạn 300 ngày ấn định bởi Hiệp Định Genève và chấm dứt vào ngày 28 tháng 5 năm 1955. Các tàu chuyên chở của Không quân và Hải quân Mỹ đã vận chuyển khoảng 1 triệu người di cư từ Bắc vào Nam lập nghiệp, trong số ấy gồm hầu hết các nhà trí thức tại Hà Nội cũng như các tỉnh miền Bắc, các nhà buôn, các nhà kinh doanh, và các dân thuộc Bùi Chu, Phát Diệm, Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng,....

Vi Quốc Trưởng Bảo Đại ở bên Pháp cho nên mọi mệnh lệnh cho chính phủ Ngô Đình Diệm đều có ảnh hưởng của Pháp, do vậy Thủ Tướng Ngô Đình Diệm muốn dành toàn quyền giải quyết việc điều hành quốc gia tại Việt Nam; nên ông lập ra cuộc Trưng Cầu Dân Ý vào ngày 26 tháng 10 năm 1955 để toàn dân có cơ hội đưa ý kiến. Kết quả, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm được đa số tín nhiệm bầu làm Tổng Thống và nền Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa ra đời. Tiếp theo đó, miền Nam tự do đổi thành Việt Nam Cộng Hòa, và ảnh hưởng của Pháp coi như hoàn toàn chấm dứt.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm là một nhà yêu nước nên cố công thiết lập chính phủ và cố gắng ban hành nền giáo dục bằng tiếng Việt từ Tiểu học, Trung học và Đại học. Sau khi, quân đội Pháp hoàn toàn rút khỏi miền Nam Việt Nam khoảng cuối năm 1955, ông Viện trưởng Viện Đại Học De Lassus cũng trở về Pháp. Tổng Thống Ngô Đình Diệm cử ông Nguyễn Quang Trình, Tiến Sĩ Hóa Học tại Paris, thay thế ông De Lassus làm Viện Trưởng đầu tiên của trường Đại Học dưới quyền quản trị của chính phủ Quốc Gia Việt Nam.

Lúc đầu trường Đại Học cũng còn tiếp tục giảng dạy bằng tiếng Pháp vì chưa đủ giáo sư người Việt. Cho đến khi đủ số Giáo sư người Việt, tất cả các Giáo

sư người Pháp rút lui vào khoảng năm 1964 và cũng kể từ năm này, toàn thể các Giáo sư người Việt lãnh trách nhiệm giảng dạy cho toàn thể các trường Đại Học Việt Nam.

A) Trường Đại Học Luật Khoa:

Từ năm 1955 trở đi, trường Đại Học Luật Khoa bắt đầu giảng dạy bằng tiếng Việt vì trong giai đoạn này, trường Luật Khoa có rất nhiều Giáo sư Việt Nam với đầy đủ các cấp bằng Thạc Sĩ, Tiến Sĩ tốt nghiệp tại Pháp như:

- Giáo sư Vũ Văn Mẫu,
- Giáo sư Vũ Quốc Thúc,
- Giáo sư Vũ Quốc Thông,
- Giáo sư Nguyễn Cao Hách, ...

- Giáo sư Vũ Văn Mẫu từng làm Ngoại Trưởng trong chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, và
- Giáo sư Nguyễn Cao Hách cũng có thời làm Khoa Trưởng trường Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, v.v...

Trường Đại Học Luật Khoa lúc đầu chỉ có 3 năm giống như chương trình Cử Nhân Luật của Pháp nhưng chỉ khác là bài vở dịch sang tiếng Việt. Vì nước nhà đã độc lập nên chương trình học loại bỏ Dân Luật của Pháp, được thay bằng Dân Luật Việt Nam và trong khi giảng dạy giáo sư cũng có đôi khi so sánh với bộ luật Hồng Đức thời nhà Lê. Thời gian học vẫn là 3 năm thi tốt nghiệp Cử Nhân Luật và tỉ số đậu cũng chỉ 20-30%. Trường Luật tương đối dễ học hơn những trường khác nên rất đông sinh viên ghi danh nhưng tiếc rằng khuôn khổ của trường tọa lạc trên đường Duy Tân quá chật hẹp nên chỉ độ 20-30% sinh viên ghi danh được nghe giảng còn phần còn lại chỉ mua những bài in Ronéo của Giáo sư đem về nhà học.

Mãi đến năm 1961 trường Luật theo học trình của trường Đại Học Khoa Học và Văn Khoa, đổi thời gian học lên đến 4 năm thay vì 3 năm. Sau đó, trường này cũng cấp phát một số bằng Cao Học Luật Khoa ban Kinh Tế hoặc ban Dân Luật nhưng tuyệt đối không cấp phát được một bằng Tiến Sĩ nào, không rõ phải là do Giáo sư muốn giữ độc quyền cấp bằng Tiến Sĩ hoặc Thạc Sĩ hoặc các nghiên cứu sinh không đủ khả năng. Việc này chúng tôi miễn phê bình.

Chương trình tiêu biểu của năm thứ nhất trường Luật, niên khóa 1968-1972 gồm có 7 môn như sau:

Dân Luật, Cổ Luật, Luật Đối Chiếu, Quốc Tế Công Pháp, Luật Hiến Pháp, Pháp Chế Sử, và Kinh Tế Học. Môn Luật Hiến Pháp có sách học dày nhất trong tất cả 7 môn.

- ▶ **Dân Luật, Cổ Luật:** Giáo sư Vũ Văn Mẫu phụ trách giảng dạy
- ▶ **Pháp Chế Sử:** Giáo sư Vũ Quốc Thông phụ trách giảng dạy
- ▶ **Kinh Tế Học:** Giáo sư Phan Tấn Chúc phụ trách giảng dạy
- ▶ **Luật Đối Chiếu:** Giáo sư Nguyễn Cao Hách phụ trách giảng dạy,

.....

Mỗi cuối năm sinh viên đều phải thi lên lớp, chẳng hạn cuối năm thứ nhất sinh viên có 2 lần thi, nếu đậu được lên năm thứ hai. Tổ chức thi bao gồm hai phần: thi Viết và thi Bút Vấn.

➔ **Thi Viết:** Trước ngày thi, giáo sư bốc thăm 2 môn trong số 7 môn đã kể ở trên. Hai môn này sẽ được chọn làm đề thi Viết với bài Văn dài.

Muốn vào thi Bút Vấn, thí sinh phải đậu phần thi Viết.

➔ **Thi Bút Vấn:** 5 môn còn lại sẽ vào đề thi Bút Vấn.

Nếu rớt Bút Vấn, thí sinh sẽ được giữ điểm thi Viết cho kỳ 2 cùng năm và chỉ thi Bút Vấn mà thôi.

Năm thứ ba, sinh viên chọn ngành: Tư Pháp (tốt nghiệp làm Thanh Tra hoặc Luật sư Tập sự), Công Pháp (tốt nghiệp thường làm ở Quốc Hội), Kinh Tế (tốt nghiệp làm ở Ngân Hàng)...và thi tốt nghiệp Cử Nhân Luật của ngành đã chọn vào cuối năm thứ tư.

B) Trường Đại Học Văn Khoa:

Tương tự như trước năm 1954, cách tổ chức và chương trình của trường không có gì thay đổi. Một số các Giáo sư phụ trách giảng dạy của trường như sau:

■ Giáo sư Nghiêm Toàn dạy môn Văn Chương Việt Nam. Ông Nghiêm Toàn trước kia đã từng theo Nguyễn Thái Học trong Việt Nam Quốc Dân Đảng và đã bị thực dân Pháp bỏ tù một thời gian.

■ Giáo sư Nguyễn Đăng Thục, Kỹ sư Hóa Học tại Pháp, chuyên về Triết Học Đông Phương. Ông còn giảng dạy tại trường Đại Học Vạn Hạnh.

■ Giáo sư Bùi Xuân Bào, Tiến Sĩ Văn Chương Pháp, dạy Pháp Văn

■ Giáo sư Lê Trung Nhiên, Tiến Sĩ Văn Chương Pháp tại Đại Học Sorbonne, dạy môn Pháp Văn,

■Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, Tiến Sĩ Văn Chương Pháp tại Đại Học Sorbonne, giảng dạy môn Pháp Văn và môn Văn Minh Việt Nam,

■Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, Ph D, dạy môn Anh Văn...

Các Giáo sư phụ trách môn Việt Hán thường là các thầy dạy Việt Văn từ Trung học hoặc là một vài Giáo sư dạy chữ Hán có bằng Tiến Sĩ Hán Học. Các vị Giáo sư Việt Văn và Triết Học, Sử Địa thường không có bằng Tiến Sĩ cho nên họ chỉ là Giảng Sư của trường nhưng sau năm 1972 vì công lao to lớn của các vị này đào tạo nhiều Giáo sư Trung Học dạy các môn Văn, Sử Địa v..v...cho nên chính phủ đặc cách một số vị không có bằng Tiến Sĩ, làm Giáo Sư Đại Học. Ta cũng nên kể một vài vị có bằng Tiến Sĩ từ Pháp hay Mỹ giảng dạy nhưng không quá 5 vị trong số này. Trường Văn Khoa cấp phát được một số bằng Cao Học môn Địa Lý và Sử Học, Anh và Pháp nhưng không cấp phát được một bằng Tiến Sĩ nào cả.

Các môn Việt Văn, Ngôn Ngữ và Văn Chương, Văn Phạm Việt Nam, Sử Ký, Địa Lý Việt Nam và Quốc Tế (dạy bằng chữ Quốc Ngữ), Hán Văn (dạy bằng tiếng Hán), Anh Văn (dạy bằng tiếng Anh) và Pháp Văn (dạy bằng tiếng Pháp).

Thí dụ:

➔**Cử Nhân Giáo Khoa Việt Hán** đòi hỏi phải có Chứng chỉ Dự Bị, Chứng chỉ Văn Chương Việt Nam, Chứng chỉ Ngôn Ngữ và Văn Minh Việt Nam, Chứng chỉ Hán văn, Chứng chỉ Sử hoặc Địa.

➔**Cử Nhân Pháp Văn** phải có bằng Dự Bị bằng tiếng Pháp, Chứng chỉ Văn Chương Pháp, Chứng chỉ Ngôn Ngữ và Văn Minh Pháp, Chứng Chỉ Việt Văn, Chứng Chỉ Anh Văn, Chứng chỉ Sử (hoặc Địa).

➔**Cử Nhân Sử Địa** phải có Chứng chỉ Dự Bị, Chứng chỉ Văn Chương Việt Nam, Chứng chỉ Ngôn Ngữ và Văn Minh Việt Nam, Chứng chỉ Sử Việt Nam, Chứng chỉ Sử Quốc Tế, Chứng chỉ Địa Việt Nam, Chứng chỉ Địa Quốc Tế.

➔**Cử Nhân Anh Văn** phải có Chứng chỉ Dự Bị, Chứng chỉ Văn Chương Việt Nam, Chứng chỉ Văn Chương Anh, Chứng chỉ Ngôn Ngữ và Văn Minh Anh và một chứng chỉ nhiệm ý như Pháp văn, Chứng chỉ Sử (hoặc Địa).

.....

C) Trường Đại Học Y Khoa:

Trường Đại Học Y Khoa tọa lạc tại số 28 đường Trần Quý Cáp. Trường có một số giáo sư Thạc Sĩ rất tài giỏi như:

- Giáo sư Phạm Biểu Tâm, chuyên về giải phẫu,
- Giáo sư Trần Ngọc Ninh, chuyên về xương,
- Giáo sư Ngô Gia Hy, chuyên về nội thương, đặc biệt về thận,
- Giáo sư Trần Anh, chuyên về giải phẫu, trưởng khu Cơ Thể Học và từng giữ chức vụ Viện Trưởng Viện Đại Học Sài Gòn,
- Giáo sư Nguyễn Hữu, chuyên về giải phẫu,

..V..V.....,

Cách tổ chức của trường Y Khoa vẫn tương tự trước năm 1954. Năm thứ nhất, một vài tháng có một lần thi hoặc thi Cơ Thể học, hoặc thi Mô Học, hoặc thi Sinh Hóa Học. Năm thứ ba, sinh viên bắt đầu đi thực tập ở các bệnh viện hoặc chia nhau đi canh gác tại các nhà thương chẳng hạn nhà thương chuyên bệnh lao Hồng Bàng...

Mãi đến sau năm 1970, trường bắt đầu giảng dạy bằng tiếng Việt nhưng đồng thời bắt buộc sinh viên dùng tài liệu Y Khoa bằng tiếng Anh để tham khảo. Có lẽ vì vậy sau năm 1975, các vị Bác Sĩ này khi di tản sang Hoa Kỳ có đủ khả năng thi lại bằng Bác Sĩ tương đương.

D) Trường Đại Học Dược Khoa:

Trường Đại Học Dược Khoa cũng tọa lạc tại số 28 đường Trần Quý Cáp trong thời gian 1954-1964. Vì nằm chung trên một giải đất với trường Y Khoa nên trường có tên là Y Dược Đại Học Đường. Sau trường dời về địa điểm mới tại góc đường Cường Để và đại lộ Thống Nhất.

Trường Đại Học Dược Khoa có một số giáo sư danh tiếng như:

- Giáo sư Đặng Vũ Biền, Tiến Sĩ Dược Khoa tại Đại Học Sorbonne
- Giáo sư Tô Đồng, Dược Khoa Tiến Sĩ tại Đại Học Sorbonne.
- Giáo sư Nguyễn Vĩnh Niên, Tiến Sĩ Dược Khoa tại Pháp.

Đặc biệt ông Đặng Vũ Biền còn có thêm bằng Cử Nhân Lý Hóa và Cử Nhân Toán tại Đại Học Sài Gòn.

Trường Đại Học Dược Khoa cũng giống như trước năm 1954, không có gì thay đổi và không cấp phát được một bằng Tiến Sĩ Dược Khoa nào.

E) Trường Nha Khoa:

Đại Học Nha Khoa có các giáo sư tài giỏi như:

- Giáo sư Lê Trọng Phong, Tiến Sĩ Nha Khoa Đại Học Paris,
- Giáo sư Nguyễn Văn Thơ, Tiến Sĩ Nha Khoa Đại Học Paris....

Trước năm 1975, trường Nha Khoa chỉ học có 5 năm và tốt nghiệp được cấp bằng Nha Sĩ. Sau năm 1954, trường Nha Khoa cũng tiếp tục như vậy. Ai muốn có bằng Tiến Sĩ Nha Khoa thì phải qua Pháp học. Sau năm 1970, trường Nha Khoa cũng bắt đầu yêu cầu các sinh viên dùng tài liệu bằng tiếng Anh và điều này cũng giúp các Nha Sĩ Việt Nam khi di tản có đủ điều kiện để tiếp tục lấy bằng Tiến Sĩ Nha Khoa tại Hoa Kỳ.

F) Trường Kỹ Sư Phú Thọ:

Trường Kỹ Sư thiết lập năm 1958 đào tạo Kỹ Sư Điện, Kỹ Sư Cơ Khí, Kỹ Sư Công Chánh. Kỹ Sư Hóa Học và Kỹ Sư Công Nghệ. Muốn vào trường này phải có bằng Tú Tài II và phải qua kỳ thi tuyển rất khó vì mỗi ban chỉ tuyển có 20 người và 3 người dự khuyết. Chương trình học là 4 năm, hai năm đầu học về Toán, Vật Lý và Hóa Học. Chương trình cao hơn chương trình của chứng chỉ MPC một chút nhưng thua bằng Cử Nhân Lý Hóa. Sau đó vào chuyên ngành học thêm hai năm nữa như vậy 2 năm đầu tiên học chung với nhau trong trường Khoa Học Cơ Bản của trường Kỹ Sư Phú Thọ, 2 năm sau sinh viên mới sang trường chuyên môn của mình. Tất cả các kỹ sư tốt nghiệp, ra trường đều được chính phủ bổ nhiệm vào làm Tổng Cục Điện, ngành Công Chánh, hoặc trong các hãng xưởng thí dụ làm trong Kỹ Nghệ Dệt tại Thủ Đức, các nhà máy xi-măng...

➔ Khi thi vào trường Kỹ Sư chỉ cần thi Toán, Vật Lý và Hóa Học.

➔ Các ngành cán sự Điện, Công Chánh, Điện tử, Hóa Học chỉ cần có bằng Trung Học đệ thi tuyển vào và học 2 năm.

■ Giáo sư Võ Thế Hào, Tiến Sĩ Toán tại Đại Học Louvain, Bỉ Quốc, đã từng là Giám Đốc Trung Tâm Khoa Học Cơ Bản tại Đại Học Kỹ Sư Phú Thọ.

G) Trường Đại Học Kiến Trúc:

Muốn vào trường này phải có bằng Tú Tài II và trải qua kỳ thi tuyển gồm có các môn Toán, Lý và Kỹ Nghệ Họa. Sau đó, phải học một chương trình dài 7 năm. Năm chót phải làm một dự án vẽ kiểu nhà hoặc cao ốc (Building) rồi phải trình Hội Đồng Giáo Sư để tốt nghiệp.

Khi tốt nghiệp được cấp bằng Kiến Trúc Sư.

Nguyễn Văn Thành

Gần hạ tuần tháng 4, 2005
(còn tiếp)



Trà Mi

📧 Tiêu đề: Re: SỰ GIÁO DỤC VÀ THI CỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI Ở VIỆT NAM 🌐 Mon 05 Aug 2013, 08:43



Tổng số bài gửi : 7062
Registration date
: 01/04/2011

Phần 9:

H) Trường Cao Đẳng Sư Phạm:

Muốn nhập học vào trường Cao Đẳng Sư Phạm, sinh viên phải có văn bằng Tú Tài II, và nộp đơn theo học.
Học trình là 2 năm, học bằng tiếng Việt và có hai ban: Khoa Học và Văn Chương.

■ Ban Khoa Học gồm có Toán, Lý, Hóa và Vạn Vật để đào tạo Giáo sư Trung Học Đệ Nhất Cấp và sau khi tốt nghiệp ra trường, có thể dạy được Toán, Lý, Hóa hay Vạn Vật.

■ Ban Văn Chương gồm có Anh, Pháp, Việt, Sử, Địa.
Tốt nghiệp dạy các môn đó.

I) Trường Đại Học Sư Phạm:

Trường Đại Học Sư Phạm có học kỳ là 3 năm và điều kiện nhập học cần văn bằng Tú Tài II, nộp đơn thi nhập học. Khóa đầu tiên khai giảng khoảng tháng 10 năm 1958.

a- Ban Toán:

3 năm học bên Khoa Học gồm Toán Đại Cương, Vi Tích Phân Toán Học và Cơ Học Thuần Lý.

Trường Sư Phạm chỉ dạy môn Sư Phạm Học nhưng đưa Sinh viên đi thực tập ở các trường Trung Học. Nhắc lại là văn bằng Cử Nhân Toán đòi hỏi sinh viên hoàn tất 4 chứng chỉ gồm Toán Đại Cương, Cơ Học Thuần Lý, Vi Tích Phân Toán và Vật Lý Đại Cương. Muốn đậu các chứng chỉ của trường Đại Học Khoa Học, tổng số điểm phải ít nhất là 10/20 trong khi trường Sư Phạm gửi sinh viên sang học bên trường Khoa Học; thi xong, trường Khoa Học gửi điểm trả về trường Sư Phạm và trường Sư Phạm chỉ cần số điểm 7/20 là cho phép sinh viên lên lớp, và vì vậy trình độ của sinh viên tốt nghiệp Sư Phạm không cao bằng trình độ của người tốt nghiệp Cử Nhân Toán.

Trường Đại Học Sư Phạm quyết định cắt điểm xuống còn 7/20 vì nếu lấy đúng điểm số như trường Đại Học Khoa Học 10/20 thì chắc chắn Sinh viên Sư phạm không đậu được 10 tới 20%, do đó không cung cấp đủ nhu cầu giáo sư Trung Học.

b- Ban Lý Hóa:

Học kỳ 3 năm và tổng số điểm cuối năm chỉ cần 7/20 là đậu.

- ➔ Năm đầu tiên học chứng chỉ Toán Lý Hóa tại trường Khoa Học
- ➔ Năm thứ hai học Vật Lý Đại Cương
- ➔ Năm thứ ba học Hóa Học Đại Cương

Ngoài ra, các sinh viên phải học môn Sư Phạm Học tại trường Sư Phạm và phải đi thực tập tại các trường Trung Học.

Các sinh viên trường Sư Phạm được gửi sang học bên trường Khoa Học. Cuối năm, trường Khoa Học gửi điểm thi của sinh viên liên hệ về lại trường Sư Phạm.

Tốt nghiệp Cử Nhân Giáo Khoa Lý Hóa, phải hoàn tất 4 chứng chỉ:

Toán Lý Hóa, Vật Lý Đại Cương, Hóa Học Đại Cương và Cơ Học Thuần Lý.

Kỳ thi tốt nghiệp của trường Khoa Học có tổng số điểm tối thiểu 10/20 được chấm đậu. Như vậy, trường Sư Phạm học ngắn hạn hơn và điểm tốt nghiệp (7/20) thấp hơn trường Khoa Học (10/20). Thêm vào đó, sinh viên tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm được chính phủ cử làm Giáo sư Đệ Nhị Cấp chính ngạch, trong khi sinh viên tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học, nếu đi dạy học Trung học chỉ được làm Giáo sư Khế ước.

Mặc dù điều kiện làm việc không tốt như trường Sư Phạm nhưng các sinh viên tốt nghiệp trường Khoa Học có cơ hội làm Giảng Nghiệm viên ở Đại Học và nếu đi du học cũng dễ được các trường ở ngoại quốc như Mỹ và Pháp chấp nhận để học Cao Học hoặc Tiến Sĩ vì rằng khả năng của sinh viên trường Khoa Học tốt nghiệp với điểm số 10/20.

c- Ban Vạn Vật:

Thời gian 3 năm.

- ➔ Năm thứ nhất học chứng chỉ Lý Hóa Vạn Vật.
 - ➔ Năm thứ hai học về Sinh Vật Học bên trường Khoa Học.
 - ➔ Năm thứ ba, học Thực vật Học cũng học bên Khoa Học
- Điểm tốt nghiệp 7/20.

Muốn có bằng Cử Nhân Vạn Vật Học phải có 4 chứng chỉ gồm có Lý Hóa Vạn Vật (SPCN), Sinh Học, Thực Vật Học và Địa Chất Học. Tất cả điểm tốt nghiệp từ 10/20.

d- Ban Việt Hán:

Gửi sinh viên đến trường Văn Khoa và điểm số cũng khoảng 7/20 tốt nghiệp và ít năm học hơn so với Văn Khoa là 4 năm và Sư Phạm chỉ 3 năm.

e- Ban Sử Địa:

Cũng gửi Sinh viên đến trường Văn Khoa học và điểm số 7/20 là tốt nghiệp, học 3 năm.

f- Ban Anh và Pháp Văn:

Cũng gửi Sinh viên đến trường Văn Khoa học và điểm số 7/20 là tốt nghiệp, học 3 năm.

Nhắc lại là tất cả sinh viên ban Văn Khoa cũng như ban Khoa Học đều phải học thêm Sư Phạm Học và thực tập giảng dạy tại các trường Trung Học.

Kể từ năm 1954 về sau, tổ chức của các trường Văn Khoa và Khoa Học cũng tương tự như năm 1954, và ta không nhắc lại ở đây vì đã nói rõ trong phần trước năm 1954.

J) Trường Đại Học Khoa Học:

Mặc dù Trung học học bằng tiếng Việt nhưng tổ chức Đại học vẫn giống như trước năm 1954, nghĩa là vẫn học bằng tiếng Pháp làm cho các sinh viên gốc chương trình Việt rất lúng túng khi theo học Đại Học Khoa Học và tham khảo các sách Giáo Khoa bằng tiếng Pháp. Vì vậy ta không nên lấy làm lạ, tỷ số của thí sinh đậu tại trường Khoa Học rất thấp khoảng từ 5-30% mà thôi. Tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học đòi hỏi sinh viên phải hoàn tất 4 chứng chỉ.

Sau năm 1964, một số giáo sư người Việt Nam tốt nghiệp từ Pháp hay Mỹ về giảng dạy để thay thế các giáo sư người Pháp, Đại Học Khoa Học bắt đầu giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt. Tuy rằng một số sách tham khảo cũng còn bằng tiếng Pháp và lúc này trường Khoa Học theo trường bên Pháp tách những chứng chỉ dài.

Vật Lý Đại Cương thành những Chứng chỉ nhỏ như :

- Chứng chỉ Điện, Điện Tử, Từ và Điện Tử
- Chứng chỉ Tuần Hoàn, Quang,
- Chứng chỉ Cơ, Nhiệt.
- Chứng chỉ Hóa được tách ra Hóa Đại Cương, Hoá Vô cơ và Hóa Hữu cơ.

Tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học đòi hỏi 7 chứng chỉ kể luôn chứng chỉ Dự Bị.

Trong giai đoạn này, nhà trường cũng cho tốt nghiệp một vài Tiến Sĩ Khoa Học Quốc Gia và Tiến Sĩ Khoa Học Đệ Tam Cấp nhưng chỉ có trong ban Lý Hóa mà không có trong ban Toán Học và chỉ có một vài vị mà thôi.

Một số Giáo sư ban Toán:

■Giáo Sư Phạm Tinh Quát, ông này là người Việt nhưng không biết nói tiếng Việt cho nên người trở về Pháp sau một thời gian dạy ở Sài Gòn,

■Giáo Sư Phạm Mậu Quân, Tiến Sĩ Toán tại Đại Học Paris, dạy tại Đại Học Sài Gòn trong khoảng năm 1955-1957 rồi cũng trở về Pháp,

■Giáo Sư Từ Ngọc Tĩnh, Tiến Sĩ Toán Đại Học Sorbonne,

■Giáo Sư Đặng Đình Áng, Tiến Sĩ Toán tại Viện Đại Học Kỹ Thuật California, thành phố Pasadena, năm 1958,

■Giáo Sư Nguyễn Đình Ngọc, tốt nghiệp Cử Nhân tại Đại Học Sài Gòn năm 1955, sinh viên của Giáo Sư Phạm Tinh Quát (học Chứng chỉ CDI - **Calcul Différentiel et Intégral**) Tiến Sĩ Toán tại Đại Học Paris. Ông là Giáo sư tại Đại Học Paris từ năm 1964-1966, và dạy tại Đại Học Sài Gòn từ năm 1966,

■Giáo Sư Võ Thế Hào Tiến Sĩ Toán tại Đại Học Louvain, Bỉ Quốc. Giáo sư Hào còn là Giám Đốc Trung Tâm Khoa Học Cơ Bản tại Đại Học Kỹ Sư Phú Thọ,

.....

Một số Giáo sư ban Hóa Học:

■Giáo Sư Nguyễn Quang Trình, Tiến Sĩ Hóa Học tại Paris,

■Giáo Sư Trần Hữu Thế, Tiến Sĩ Hóa Học tại Paris,

■Giáo Sư Lê Văn Thới, tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Đại Học Pháp,

■Giáo Sư Nguyễn Thanh Khuyến, Cử Nhân tại Đại Học Paris, Tiến Sĩ tại Sài Gòn,

■Giáo Sư Chu Phạm Ngọc Sơn, PhD, Tiến Sĩ Hóa Học tại Đại Học Michigan,

.....

➔Giáo Sư Nguyễn Quang Trình và Trần Hữu Thế giảng dạy bằng tiếng Pháp cho đến khi trường chuyển dạy tiếng Việt năm 1965, các vị này không còn giảng dạy nữa. Cũng nên nhắc lại là ông Trần Hữu Thế thay thế ông Nguyễn Quang Trình từ chức, và giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục đến năm 1963.

Một số Giáo sư ban Vật Lý:

■Giáo sư Nguyễn Chung Tú, Tiến Sĩ Vật Lý tại Đại Học Rennes, Pháp,

■Giáo sư Nguyễn Doãn Phi, Tiến sĩ Đại Học Sorbonne, Paris,

.....

➔ Giáo Sư Lê Văn Thới và Giáo Sư Nguyễn Chung Tú là hai trong số các Khoa Trưởng của trường Đại Học Khoa Học.

Cách giảng dạy ở trường Khoa Học rập theo khuôn khổ ở bên Pháp nghĩa là chỉ giảng dạy bằng Lý Thuyết nhưng tới khi thi lại cho Toán mà không cho Giáo Khoa.

Việc thi cử ở trường Khoa Học rất phức tạp:

a- Ban Toán:

Các môn Toán thí dụ như Toán Đại Cương, Vi Tích Phân Toán, Cơ Học Thuấn Lý thì thi có hai phần.

➔ Thi Viết hai buổi mỗi buổi 4 giờ. Trong mỗi buổi hoặc ra bài Toán dài từ đầu đến cuối có nhiều câu hỏi liên hệ với nhau, như vậy nếu làm trật câu đầu, toàn thể bài Toán kể như bỏ, hoặc làm nhiều bài Toán độc lập từ 2 bài tới 6 bài.

➔ Phần thứ hai thi Vấn Đáp: Điểm thi viết từ 10/20 trở lên được chấm đậu vào Vấn Đáp và Vấn Đáp ít nhất có 2 thầy hỏi Giáo Khoa hoặc giải bài Toán; nếu tổng số điểm thi Viết và Vấn đáp được 10/20 trở lên, được chấm đậu. Kết quả của các kỳ thi ban Toán của trường Đại Học Khoa Học chiếm từ 0-30% là nhiều.

b- Ban Vật Lý:

Kể từ năm 1965 trở về sau, trường Khoa Học đã gia tăng số chứng chỉ tốt nghiệp. Cụ thể là Vật Lý Đại Cương được phân ra làm các chứng chỉ nhỏ như Chứng chỉ Điện và Điện Tử, Từ và Điện Tử, Chứng chỉ Cơ Nhiệt và Động Lực học và Cơ Học Lượng Tử (mécanique quantique) và Lý Thuyết Tương Đối, Chứng chỉ Tuần Hoàn và Quang Học.

Thi Vật Lý Đại Cương gồm có 3 phần:

➔ Phần Viết: Hai buổi mỗi buổi 4 giờ.

Phần Thực tập: Nếu điểm trung bình thi viết từ 10/20 trở lên thì được vào Thực Tập.

Môn Vật Lý Đại Cương của trường Đại Học Khoa Học có khoảng 40 Thí Nghiệm. Một tuần trong năm học làm 2 cuộc thí nghiệm, mỗi buổi thí nghiệm kéo dài 4 giờ rồi làm bài Báo Cáo nhưng khác với Mỹ và các nước khác dù được điểm số trên 10/20, đậu thi Viết cuối năm vẫn phải thi Thực Tập.

➔ Phần Vấn Đáp: Ai đủ điểm thi Thực Tập được phép vào Vấn Đáp, và phải vào ít nhất là 2 Giáo sư. Nếu đủ điểm 10/20 được đậu. Cũng như ban Toán,

Chứng chỉ Vật Lý có rất ít người chiếm Ưu hạng hoặc Bình hạng, thường chỉ được Bình Thứ hoặc Thứ hạng và rớt thì nhiều khoảng 70% hoặc hơn nữa.

Cách thức thi các chứng chỉ nhỏ:

Sau năm 1965, trong khoảng 65-74: Chứng chỉ Vật Lý Đại Cương được chia làm chứng chỉ nhỏ như đã đề cập:

- Điện và Điện Tử
- Cơ Nhiệt
- Tuần Hoàn và Quang

Thi các chứng chỉ nhỏ chỉ có một buổi 4 giờ.

- Thi Viết một buổi
- Thi Thí Nghiệm 4 giờ
- Thi Vấn Đáp

Phải đậu thi viết mới được vào thi Thực Tập và đậu Thực Tập mới được vào Vấn Đáp và điểm cuối cùng của 3 môn từ 10/20 trở lên, được chấm đậu. Tỷ số đậu khoảng 5-30%.

c- Ban Hóa Học:

→ Thi Viết: Chứng Chỉ Hóa Đại Cương cũng được thi phần Viết hai buổi mỗi buổi 4 giờ như môn Vật Lý Đại Cương nhưng khác với môn Vật Lý là thi Viết môn Vật Lý toàn là Toán còn môn Hóa Học thì vừa có câu hỏi Giáo Khoa vừa làm Toán. Câu hỏi Giáo Khoa có thể một đề dài hoặc nhiều đề độc lập với nhau.

→ Thi Thực tập: Điểm trung bình thi Viết từ 10/20 được phép thi Thực Tập. Thi Thực tập 4 giờ thường có 2 phần là Định Tính và Định Lượng.

Định Tính nghĩa là tìm ra các Cation và Anion:

Cation là gốc Kim loại,
Anion là gốc Acid.

Thường phải phân tích 4 chất muối tức là phải tìm ra 4 Cation và 4 Anion, sau đó phải làm phần định lượng tức là tìm ra được số Mole của Acid trong một lít dung dịch.

Thí sinh làm được điểm số từ 10/20 thì được vào phần Vấn Đáp.

→ Phần Vấn Đáp. Ai đủ điểm 10/20 thì được vào Vấn Đáp, thường có 2 hay 3 thầy hỏi, nếu điểm số trung bình từ 10/20 trở lên thì được chấm đậu.

Tỷ số đậu của môn Hóa Học này từ 10-40% và rất ít người đậu hạng Ưu hay Bình.

d- Chứng chỉ Dự Bị Toán Đại Cương (MG):

Chứng chỉ ban Toán Đại Cương (MG): Thi viết 2 buổi mỗi buổi 4 giờ, nếu đủ điểm 10/20 thì được vào Vấn Đáp, có từ 2 đến 3 thầy hỏi, nếu đủ điểm 10/20 được chấm đậu.

e- Chứng chỉ Dự Bị Toán Đại Cương và Vật Lý (MGP):

Sau năm 1963, chứng chỉ Toán Đại Cương (MG) đổi thành chứng chỉ Toán Đại Cương và Vật Lý (MGP) như vậy thi viết gồm có 2 buổi:

- Buổi thứ nhất thi Toán,
- Buổi thứ hai thi Vật Lý.

Sau đó, phải thi môn thực tập môn Vật Lý, nếu đủ điểm 10/20 thì được vào Vấn Đáp và điểm trung bình sau cùng 10/20 thì đậu. Chứng chỉ này rất ít người đậu chỉ đậu từ 5-20%.

f- Cử Nhân Khoa Học Vạn vật:

Gồm có 4 chứng chỉ:

- Lý Hóa Nhiên (SPCN)
- Thực Vật Đại Cương
- Địa Chất Học Đại Cương
- Sinh Vật Học Đại Cương

Cách thi cử tương tự ban Vật Lý và Hóa Học nghĩa là phải thi Viết, Thực Tập và vấn Đáp. Tuy nhiên ta nhắc là, dù thi Viết cũng không phải hoàn chỉ hỏi Giáo Khoa nhưng còn phải làm Toán Vạn Vật thí dụ làm Toán về Thuyết Mendel (Gregor Mendel) hay làm Toán định thời gian của đá hiện hữu bao lâu.

g- Chứng chỉ Dự Bị Lý Hóa Nhiên (SPCN):

Trong các chứng chỉ của môn Vạn Vật thì cách thi cử phức tạp nhất lại là chứng chỉ dự bị SPCN lý do thi Viết thi 4 buổi:

- Buổi 1 môn Vạn Vật
- Buổi 2 môn Vật Lý
- Buổi 3 môn Hóa Học
- Buổi 4 môn Toán Học.

Muốn vào thi Thực Tập cần đủ điểm 10/20 thi Viết, Thực tập có 3 phần:

- Thực Tập Vạn Vật
- Thực Tập Vật Lý
- Thực Tập Hóa Học.

Nếu đủ điểm thí sinh được vào vấn Đáp. Vấn Đáp chỉ thi môn Lý Hóa và Vạn Vật, không phải thi Toán, tổng số điểm trung bình từ 10/20 thì đậu. Chứng chỉ này có tỷ số đậu 10 – 40%.

h- Chứng chỉ Dự Bị Toán Lý Hóa (MPC):

Thi Viết có 3 buổi:

- Buổi 1 thi Toán,
- Buổi 2 thi Vật Lý gồm Giáo Khoa và Toán Vật Lý,
- Buổi 3 thi Hóa Học gồm Giáo Khoa và Toán Hóa Học.

Thi Thực Tập (TP): Khi đủ điểm thi Viết 10/20, được vô Thực Tập (TP)

- Thực Tập Môn Vật Lý
- Thực Tập môn Hóa Học
- Thi Vấn Đáp: Ai đủ điểm 10/20 Thực Tập thì được vào Vấn Đáp.

Và điểm trung bình tất cả 10/20 được chấm đậu. Tổng số tốt nghiệp cho Chứng chỉ này từ 5-30%.

Các môn tiêu biểu của chứng chỉ Dự Bị Toán Lý Hóa (MPC) năm 1967 và các giáo sư/giảng nghiệm viên/giảng nghiệm trưởng phụ trách giảng dạy như sau:

Giải Tích Học: Lê Kim Đính

Hình Học Giải Tích: Nguyễn Văn Kỳ Cương hay Đỗ Minh Tiết

Toán Sác Xuất và Thống Kê: Nguyễn Viêm

Vật Lý Học: Nguyễn Thông Minh

Quang Học: Phó Đức Minh

Nhiệt Học: Trần Thế Hiển

Cơ Học: Cao Xuân An

Hóa Học: Nguyễn Hữu Tính

Giờ TP Toán: Đặng Văn Định hay Cù An Hưng

Trưởng phòng Hóa Học: Nguyễn Thanh Khuyến

Điểm thi viết được giữ cho năm sau nếu bị rớt thực tập TP. (Thi TP Hóa Học, thí nghiệm tìm 2 chất trong 3 chất, được chấm đậu).



Trường Đại Học Khoa Học cấp phát được một số bằng Cao Học môn Vật Lý và Hóa Học.

- Ban Vật Lý cấp phát được một vài Văn Bằng Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp.
- Ban Hóa Học cấp phát được một vài bằng Tiến Sĩ Quốc Gia.
- Ban Toán Học tuyệt đối không cấp phát được một bằng Tiến Sĩ nào cả.

Nguyễn Văn Thành
Hạ tuần tháng 4, 2005
(còn tiếp)

Nguồn: <https://www.daovien.net/t8563-topic>

GIÁO DỤC Ở NAM VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẬP NIÊN 1970 ĐẾN 1975

Nguyễn Thanh Liêm

(nguồn: <https://sites.google.com/site/namkyluctinhorg/tac-gia-tac-pham/n/nguyen-thanh-liem/giao-duc-o-nam-viet-nam-tu-1970-den-1975>)

1. NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA NỀN GIÁO DỤC QUỐC GIA

Người làm giáo dục, nhất là người lãnh đạo giáo dục trong một nước, bao giờ cũng phải có những câu hỏi (để tìm câu giải đáp) về những vấn đề sau đây liên hệ tới nền giáo dục quốc gia:

1) **Triết lý** căn bản của nền giáo dục quốc gia là gì? Chúng ta quan niệm con người (đối tượng của giáo dục) như thế nào? Tương quan giữa con người và xã hội ra sao? Con người có giá trị gì? Con người hơn các giống sinh vật khác ở chỗ nào? Con người có trí thông minh như nhau không?

Chúng ta quan niệm con người như một cứu cánh hay như một công cụ của xã hội? Chúng ta quan niệm bộ óc của con người như một màn ảnh, một tờ giấy trắng, thụ động tiếp nhận những gì được người khác in lên hay vẽ lên trên đó, hay như một tiềm năng, một trí khôn, tích cực chọn lựa những tín hiệu đưa đến, để chỉ thu nhận những gì thích hợp hay ích lợi cho cá nhân thôi? ... Triết lý căn bản này sẽ một mặt gắn liền với mục tiêu giáo dục được đặt ra, và mặt khác gắn liền với chương trình học và phương pháp giảng dạy.

2) **Mục tiêu** của nền giáo dục quốc gia là gì? Giáo dục phải đào tạo nên những con người như thế nào? Nói rõ hơn là sau khi nhận được sự giáo dục xong, lớp người được đi học, hay phải đi học này, sẽ trở nên người thế nào (đối với cá nhân mình, đối với gia đình, quốc gia, xã hội, và nhân loại)?

3) Muốn đạt mục tiêu trên thì cần dạy những gì cho học sinh (hay hướng dẫn học sinh học những gì)? Cần có một **chương trình học** như thế nào cho thích hợp với mục tiêu đã đề xướng? Cùng lúc phải có hệ thống giáo dục như thế nào cho hợp lý? Các bậc học, các ngành học phải được ấn định thế nào trong hệ thống giáo dục này?

4) Với chương trình học như vậy thì cần phải có những **tài liệu giáo khoa** và những học cụ như thế nào?

5) Ai đảm trách công việc dạy dỗ? Vai trò đặc biệt quan trọng của **nhà giáo**. Người đi dạy học phải được đào tạo ra sao, trang bị như thế nào, cần có những phẩm hạnh gì? Lương tâm chức nghiệp là gì? Sứ mạng giáo chức là gì? Có cần nói đến quyền lợi của giáo chức không? Quyền lợi gì? Vật chất hay tinh thần? Đây là vấn đề đào tạo và tu nghiệp giáo chức, các trường sư phạm, và vấn đề lương tâm, tư cách và uy tín của nhà mô phạm.

6) Học và dạy ở đâu? Nơi học, học đường, trường sở phải như thế nào để cho việc dạy dỗ con em của giáo sư cũng như việc học hành của học sinh

được kết quả tốt? Đây là vấn đề **trường sở và trang bị** học đường.

7) Có dạy, có học thì phải có **lượng giá** (evaluation) việc học hỏi. Làm thế nào để lượng giá đúng, khoa học, và công bằng? Đo lường kết quả học hành như thế nào? Làm sao để có được cách thức đo lường sự học một cách khoa học, khách quan, đo lường cho đúng? Cần có những cuộc thi hay trắc nghiệm gì? Tổ chức thi cử thế nào cho có hiệu quả, văn bằng/chứng chỉ cấp phát thật sự có giá trị, không gây những hậu quả tệ hại cho việc học (như học tủ, chỉ học để thi đậu, thay vì học để hiểu biết). Làm sao để lượng giá việc dạy dỗ của các giáo viên/giáo sư? (vấn đề lượng giá).

8) Các cơ sở giáo dục phải được tổ chức thế nào để việc điều hành, kiểm soát, đôn đốc các sinh hoạt giáo dục được nhiều hiệu năng và ít phí tổn?

Tổ chức **quản trị** ở mỗi đơn vị học đường, ở mỗi địa phương tỉnh/thị xã, và ở trung ương (vấn đề điều hành, quản trị) phải thế nào để thật sự có hiệu năng?

Tìm câu trả lời cho các câu hỏi trên đây tức là tìm những giải pháp cho các vấn đề giáo dục thường có trong một quốc gia. Nếu câu trả lời xác đáng, giải pháp đưa ra đúng đắn, sự thực hiện đúng mức thì nền giáo dục có hiệu quả, người dân vui lòng/hạnh phúc, quốc gia sẽ tiến bộ, hưng thịnh. Ngược lại nếu câu trả lời không xác đáng, giải pháp đưa ra sai lầm, hoặc sự thực hiện không đúng mức, nền giáo dục xuống dốc, thụt lùi, người dân khốn khổ, quốc gia sẽ suy thoái, thua sút các quốc gia tiến bộ khác trên thế giới.

Sau đây là những giải đáp cho những vấn đề nêu trên của những người làm giáo dục ở Miền Nam tự do, dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

2. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Triết lý giáo dục VNCH nằm trong những Nguyên Tắc Căn Bản do Bộ Giáo Dục ấn hành năm 1959 và sau đó được ghi lại trong hiến pháp 1967. Những nguyên tắc căn bản này được tóm lược như sau:

Thứ nhất: Giáo dục Việt Nam là **giáo dục nhân bản** (humanistic education). Nhân là người hay con người, bản là gốc là căn bản. Trong lãnh vực triết lý, thuyết nhân bản chủ trương con người có địa vị quan trọng trong đời sống trên thế gian này. Thuyết nhân bản lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người trong cuộc đời này làm căn bản chứ không nhắm đến linh hồn hay một cuộc đời nào khác ngoài thế giới mà loài người hiện đang sống trong đó. Theo thuyết này, con người có giá trị đặc biệt của con người, cao cả hơn tất cả các giống sinh vật khác trên đời này. Chỉ có con người mới có văn hóa, có những hoạt động có suy tư, có sáng tạo, làm cho cuộc sống của con người tiến hóa luôn từ xưa đến giờ. Nhân bản cũng chỉ tính cách linh thiêng của con người, khác hơn mọi loài vật, “nhân linh ư vạn vật”, và con người phải được tôn trọng bởi tính linh thiêng đó. Con người tự nó là một cứu cánh chứ không phải là một phương tiện. Triết lý nhân bản chấp nhận có sự khác biệt giữa các cá nhân nhưng không chấp nhận dùng sự khác biệt đó để đánh giá con người, và không chấp nhận sự kỳ thị hay phân biệt giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, chủng tộc... Với triết lý nhân bản, con người có giá trị của con người như nhau, và mọi người đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục.

Thứ hai: Giáo dục Việt Nam là **giáo dục dân tộc** (nationalistic education). Giáo dục tôn trọng giá trị truyền thống của dân tộc trong mọi sinh hoạt liên hệ tới gia đình, nghề nghiệp, và quốc gia. Giáo dục phải bảo tồn và phát huy được những tinh anh hay những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Dân tộc Việt Nam có mặt trên thế giới này từ bao nhiêu ngàn năm trước. Dân tộc đó có tiếng nói riêng, có lịch sử riêng, có một nền văn hóa riêng của nó từ bao đời. Dân tộc tính đó trong văn hóa cần phải được các thế hệ biết đến, bảo tồn và phát huy, để không bị tan biến hay tiêu trầm trong những nền văn hóa khác.

Thứ ba: Giáo dục Việt Nam là **giáo dục khai phóng**. Tinh thần dân tộc không nhất thiết phải bảo thủ, không nhất thiết phải đóng kín cửa. Ngược lại, giáo dục phải mở rộng, tiếp nhận những kiến thức khoa học kỹ thuật tân tiến trên thế giới, tiếp nhận tinh thần dân chủ, phát triển xã hội, giá trị văn hóa nhân loại để góp phần vào việc hiện đại hóa quốc gia xã hội, làm cho xã hội tiến bộ tiếp cận với văn minh thế giới.

3. MỤC ĐÍCH CỦA GIÁO DỤC

Từ những nguyên tắc căn bản trên đây, quan niệm về giáo dục của Việt Nam

Cộng Hòa bao gồm những tư tưởng nền tảng sau đây liên hệ tới những mục tiêu chính của giáo dục:

Phát triển toàn diện mỗi cá nhân. Trong tinh thần tôn trọng nhân cách và giá trị của cá nhân học sinh, giáo dục hướng vào việc phát triển toàn diện mỗi cá nhân theo bản tính tự nhiên của mỗi người và theo những định luật phát triển tự nhiên về vật lý và tâm lý. Nhân cách và khả năng riêng của mỗi cá nhân học sinh phải được lưu ý đúng mức. Cung ứng cho học sinh đầy đủ tin tức, dữ kiện, để học sinh phán đoán, lựa chọn, không che dấu tin tức hay chỉ cung cấp những tin tức chọn lọc thiếu trung thực để nhồi sọ học sinh theo một chủ trương, một hướng đi định sẵn nào.

Phát triển tinh thần quốc gia ở mỗi học sinh bằng cách: giúp học sinh hiểu biết hoàn cảnh xã hội, môi trường sinh sống, và lối sống của người dân; giúp học sinh hiểu biết lịch sử nước nhà, yêu thương xứ sở mình, ca ngợi tinh thần đoàn kết, tranh đấu của người dân trong việc chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc, yêu thương giúp đỡ nhau trong tình đồng bào; giúp học sinh học tiếng Việt và xử dụng tiếng Việt một cách có hiệu quả; giúp học sinh nhận biết cái đẹp của quê hương xứ sở, những tài nguyên phong phú của quốc gia, những phẩm hạnh truyền thống của dân tộc; giúp học sinh bảo tồn những truyền thống tốt đẹp, những phong tục giá trị của quốc gia; giúp học sinh có tinh thần tự tin, tự lực, và tự lập.

Phát triển tinh thần dân chủ và tinh thần khoa học bằng cách: giúp học sinh tổ chức những nhóm tự trị với sự phát triển tinh thần cộng đồng và ý thức tập thể; giúp phát triển sự phán đoán với tinh thần trách nhiệm và kỷ luật; giúp phát triển tính tò mò và tinh thần khoa học; giúp đón nhận những giá trị văn hóa rộng rãi.

Tóm lại, mục đích của giáo dục quốc gia là giúp mỗi cá nhân phát triển toàn diện để trở thành những người có kỹ năng thực tiễn, có khả năng tư duy, để làm việc, sinh sống, có đạo đức, có tình người, để gây dựng hạnh phúc gia đình và hội nhập vào xã hội góp phần vào việc bảo vệ và phát triển quốc gia. Người được đi học sẽ trở thành người tốt và có ích cho chính mình, cho gia đình, và cho quốc gia dân tộc. Giáo dục Việt Nam không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt giai cấp xã hội, không phân biệt tôn giáo, địa phương, chủng tộc. Giáo dục Việt Nam cố tạo những cơ hội đồng đều cho mọi người được đi học tuy nhiên không phải ai cũng có thể học được đến hết bậc đại học, hay ai cũng học đến bác sĩ, kỹ sư hoặc các ngành cao đẳng chuyên nghiệp khác. Tùy theo hoàn cảnh, tùy theo khả năng và sở thích, có

người chỉ học được hết Tiểu Học, có người học hết Trung Học Đệ Nhất Cấp, hay Trung Học Đệ Nhị Cấp, có những người khác thì học đến hết bậc đại học. Nhưng dù bất cứ học đến bậc học nào, mục đích của giáo dục vẫn phải là giúp tất cả mọi người trở thành người tốt, người đã được phát triển về khả năng cũng như đạo đức, dù khả năng đó ở mức độ nào. Nếu có những người chỉ có cơ hội học hết Tiểu Học thôi, thì giáo dục vẫn có bổn phận giúp họ phát triển đến hết mức đó, và vẫn làm thế nào giúp họ trở thành người tốt với mức học Tiểu Học của họ.

4. HỆ THỐNG GIÁO DỤC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tựa trên mục đích của giáo dục đã nêu trên, hệ thống giáo dục của Việt Nam Cộng Hòa trong những năm sau cùng trước biến cố 1975, được thiết lập trong tinh thần tiếp cận hệ thống giáo dục của các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Hệ thống này gồm ba cấp bậc: Tiểu học, Trung học, và Đại học. Tiểu học và Trung Học Đệ Nhất Cấp là cái học Phổ Thông (gồm 9 năm học) . Trung Học Đệ Nhị Cấp bắt đầu chia ngành chuyên môn. Đây là những năm chuyển tiếp để vào các ngành chuyên môn hơn ở Đại Học, hoặc ra đời làm việc sinh sống. Riêng ở hai bậc Tiểu và Trung học, hệ thống giáo dục Việt Nam là hệ thống 5-4-3, với 12 năm liên tục, từ Lớp 1 đến Lớp 12, phân bố như sau:

Tiểu học (chỉ có Phổ Thông):

Lớp Một (Lớp Năm cũ)

Lớp Hai (Lớp Tư cũ)

Lớp Ba (Lớp Ba cũ)

Lớp Bốn (Lớp Nhì cũ)

Lớp Năm (Lớp Nhứt cũ)

Trung học Đệ Nhất Cấp (chỉ có Phổ Thông):

Lớp Sáu (Đệ Thất cũ)

Lớp Bảy (Đệ Lục cũ)

Lớp Tám (Đệ Ngũ cũ)

Lớp Chín (Đệ Tứ cũ)

Trung học Đệ Nhị Cấp (Phổ Thông và Chuyên Nghiệp):

Lớp Mười (Đệ Tam cũ)

Lớp Mười Một (Đệ Nhị cũ)

Lớp Mười Hai (Đệ Nhất cũ)

Bắt đầu Trung học Đệ Nhị Cấp, từ Lớp Mười, học sinh phải chọn Ban chuyên môn, và ngành chuyên môn như sau (từ 1973):

Ngành Phổ Thông:

Ban A (hay Ban Khoa Học Thực Nghiệm)

Ban B (hay Ban Toán)

Ban C (hay Ban Sinh Ngữ)

Ban D (hay Ban Cổ Ngữ)

Ngành chuyên nghiệp Nông Lâm Súc (Trung học Nông Lâm Súc)

Ngành chuyên nghiệp Kỹ Thuật (Trung Học Kỹ Thuật)

Bậc Đại học bao gồm:

- **Đại Học Cộng Đồng** (hai năm)
- **Đại Học** (chương trình Cử Nhân trở lên)

5. ĐIỀU KIỆN NHẬP HỌC:

- **Vào Lớp Một, bậc Tiểu Học:**

Tất cả trẻ em từ 6 tuổi là nhận vào Lớp Một để bắt đầu bậc Tiểu Học. Tuy không có luật bắt buộc phải đi học, nhưng hầu hết trẻ em đều được đi học hết bậc Tiểu Học miễn phí ở các trường Tiểu Học công lập. Học sinh có thể học trường Tiểu Học tư thục nếu phụ huynh muốn.

- **Vào Lớp Sáu, bậc Trung Học Độ Nhất Cấp**

Muốn vào học Lớp Sáu, Trung Học Độ Nhất Cấp, học sinh phải học xong Tiểu Học và phải qua một kỳ Thi Tuyển Vào Lớp Sáu. Đây là kỳ thi gay go vì số chỗ ở Lớp Sáu Trung Học công lập có giới hạn. Chỉ khoảng 62% học sinh xong Tiểu Học được tuyển chọn vào Lớp Sáu trường công. Học trường công thì không phải trả học phí. Học sinh thi rớt vào Lớp Sáu trường công có thể lên học bậc trung học độ nhất cấp ở các trường tư thục (có học phí).

- **Vào Lớp Mười Trung Học Độ Nhị Cấp**

Học sinh học xong Lớp Chín, có đủ điểm lên lớp, được vào Lớp Mười, ngành Phổ Thông, không phải qua một kỳ thi nào. Vào trường công thì không phải đóng học phí. Tuy nhiên, khi vào Lớp Mười học sinh phải lựa chọn Ban. Việc chọn Ban có tính cách tự nguyện, do tự học sinh muốn chọn Ban nào cũng được tùy theo sở thích của mình chứ không qua một sự hướng dẫn, hay chỉ bảo nào của nhà trường. Vào lớp Mười các ngành chuyên môn như Nông Lâm Súc hay Kỹ Thuật thì học sinh phải qua một kỳ thi tuyển vì số chỗ giới hạn hơn ngành Phổ Thông

- **Vào Năm Thứ Nhất Đại Học**

Học sinh đậu xong Tú Tài, kể như tốt nghiệp bậc Trung Học, có đủ điều kiện để vào học Năm Thứ Nhất bậc Đại Học. Tuy nhiên vì có một số đại học có số chỗ rất giới hạn nên đòi hỏi học sinh phải dự một kỳ thi tuyển như các đại học Y, Dược, Nha, Kỹ Thuật, Sư Phạm. Sự tuyển chọn hoàn toàn tựa trên khả năng của thí sinh, không có vấn đề lý lịch gia đình chen vào. Các đại học khác như Luật, Khoa Học, Văn Khoa không có thi tuyển, chỉ nhận thẳng những học sinh đã có bằng Tú Tài, không có một sự phân biệt, kỳ thị nào. Trường công thì không phải đóng học phí dù là bậc đại học. Chỉ có đóng tiền đi thi cuối năm ở một số trường hay phân khoa. Có những chương trình có học bổng cho sinh viên như trường sư phạm chẳng hạn.

6. CHƯƠNG TRÌNH HỌC

Chương trình học ở các bậc Tiểu và Trung học do Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên ban hành. Chương trình học này tựa trên triết lý giáo dục, mục đích và hệ thống giáo dục đã nêu trên. Chương trình do Ủy Ban Soạn Thảo Chương Trình, gồm một số thanh tra và giáo sư các môn liên hệ soạn thảo và đề nghị. Chương trình này được áp dụng đồng nhất cho cả trường công lẫn trường tư trên toàn quốc.

- **Bậc Tiểu Học:**

Chương trình Tiểu Học cung ứng cho học sinh những kiến thức cần thiết để ra đời hay lên học ở bậc Trung Học, cùng với những kỹ năng cơ bản (basic skills), những kỹ năng thực tiễn (practical skills) và những cách thức phát triển cá nhân hầu có thể thích ứng dễ dàng với môi trường sinh sống. Chương trình học chú trọng nhiều vào ba môn chính là Quốc Văn (tiếng Việt), Toán, Khoa

Học Thường Thức. Bên cạnh ba môn chính trên đây phần Luân Lý với Công Dân Giáo Dục cũng được đặc biệt lưu ý. Số giờ và môn học được phân bố như sau:

1) Quốc Văn từ 7 tiếng 1/2 đến 9 tiếng 1/2 mỗi tuần tùy theo lớp, và bao gồm tập đọc, ngữ vựng, tập viết, chính tả, văn phạm, tập làm luận văn (tả vật, tả cảnh, tả người, thuật sự, viết thơ).

2) Công Dân Giáo Dục dạy về quyền và bổn phận của một công dân: từ 2 tiếng 12 phút đến 2 tiếng 1/2 mỗi tuần tùy theo lớp.

3) Toán: từ 2 tiếng 1/2 đến 4 tiếng mỗi tuần tùy theo lớp, gồm có bốn phép toán, phân số, số học và hình học

4) Khoa Học Thường Thức: 2 tiếng 1/2 mỗi tuần bao gồm vạn vật, vệ sinh, các chứng bệnh, phép đo lường,

5) Sử Địa: Sử Việt Nam và thế giới: 1 tiếng mỗi tuần, chỉ có từ lớp Ba trở lên; Địa Lý Việt Nam và thế giới: 1 tiếng mỗi tuần từ lớp Ba trở lên.

6) Nhiệm Ý: Thể Dục: 1 tiếng 1/2 đến 2 tiếng mỗi tuần tùy theo lớp; Hội Họa: 1 tiếng mỗi tuần; Nữ Công Gia Chánh: 2 tiếng mỗi tuần riêng cho nữ sinh từ lớp Ba trở lên.

Sinh Ngữ không có trong chương trình Tiểu Học. Các trường Tiểu học công lập không có sinh ngữ trừ trường hợp đặc biệt của các Trung Tâm Giáo Dục do người Pháp chuyển giao cho Bộ GD năm 1969. Có 5 trung tâm tất cả (Trung Tâm Lê Quý Đôn ở Sài Gòn, Trung Tâm Hồng Bàng ở Chợ Lớn, Trung Tâm Yersin ở Đà Lạt, Trung Tâm Pascal ở Nha Trang, và Trung Tâm Nguyễn Hiền ở Đà Nẵng). Ở các trung tâm này có thêm giờ Pháp Văn ở bậc Tiểu Học do giáo sư Pháp đảm trách và do cơ quan Văn Hóa Pháp đài thọ. Một số trường Tiểu học tư thục có thêm giờ sinh ngữ, ngoài số giờ ấn định của chương trình Tiểu học công lập.

- **Bậc Trung Học Đệ Nhất Cấp:**

Chương trình Trung Học Đệ Nhất Cấp cung ứng cho học sinh những kiến thức tổng quát, có phần sâu rộng hơn bậc tiểu học nhưng chưa đi vào chuyên môn như ở Trung Học Đệ Nhị Cấp. Chương trình này một mặt bổ túc cho những kiến thức đã gặt hái được ở bậc Tiểu Học, và mặt khác chuẩn bị cho học sinh đón nhận những kiến thức sâu rộng hơn ở bậc Trung Học Đệ Nhị Cấp. Chương trình bao gồm:

1) Quốc văn: văn phạm, chính tả, giảng văn (văn xuôi và văn vần), luận văn (luận đề luân lý), 6 giờ mỗi tuần.

2) Sinh ngữ: học sinh chọn một trong hai sinh ngữ Anh hoặc Pháp. (sinh ngữ Anh, dùng English for Today, từ Book I đến Book III ; sinh ngữ Pháp dùng Civilisation Francaise, tome I:

Le Francais Elementaire). 6 giờ mỗi tuần ở các lớp 6 và 7; 5 giờ mỗi tuần ở các lớp 8 và 9.

3) Lý Hóa: 2 giờ mỗi tuần ở các lớp 6 và 7; 2 giờ $\frac{1}{2}$ ở các lớp 8 và 9. Gồm các bài học về (1) Vật Lý: cân, nguyên lý Archimèdes, nhiệt độ, điện, quang; (2) Hóa Học: H₂O, Oxy và oxy hóa, Hyt ro và không khí, acid và bases, kim khí, hóa học hữu cơ.

4) Vạn Vật: 1 giờ $\frac{1}{2}$ mỗi tuần cho các lớp 6, 7, 8, 9. Gồm sinh vật, cây cỏ, thú vật, đất đá, con người.

5) Toán: 3 giờ mỗi tuần cho các lớp 6 và 7; 4 giờ mỗi tuần cho các lớp 8 và 9. Gồm các bài học về: số học, phân số, đại số, phương trình bậc nhất, hàm

số ($y = ax$ và $y = ax + b$); phương trình bậc hai, hàm số ($y = x^2$; $y = ax^2$; $y = 1/x$; $y = a/x$). Về hình học: đường thẳng, đoạn thẳng, góc vuông, tam giác đồng dạng, đa giác; hình học không gian: mặt phẳng song song, hình nón, hình cầu.

6) Sử Địa: 3 giờ mỗi tuần cho các lớp 6, 7, 8, và 9. Gồm: (1) Sử Ký: Việt Nam từ khởi thủy đến 1945; sử thế giới (sự phát triển kỹ nghệ Âu Châu và sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân; các nước Á Châu trước chủ nghĩa thực dân – Trung Hoa, Ấn Độ, Nhật Bản; Đại Chiến Thế Giới Thứ Nhất; thế giới giữa hai thế chiến); (2) Địa lý: trái đất, Âu Châu, Phi Châu, Mỹ Châu, Á Châu (trừ Việt Nam), Úc Châu, và Việt Nam.

7) Công Dân: 1 giờ mỗi tuần cho các lớp 6 và 7, 2 giờ mỗi tuần cho các lớp 8 và 9. Gồm những bài học về: cá nhân và gia đình, tổ chức ở học đường, bổn phận của học sinh, đời sống xã hội và tôn giáo, quyền và bổn phận một công dân.

8) Nhiệm Ý: 3 giờ mỗi tuần cho các lớp 6, 7, 8, 9. Gồm: hội họa, âm nhạc, thể thao cho nam sinh; nữ công gia chánh, âm nhạc, thể thao cho nữ sinh.

• **Bậc Trung học Đệ Nhị Cấp:**

Chương trình học ở bậc trung học đệ nhị cấp một mặt giúp học sinh hoàn tất nền học vấn bậc trung học và mặt khác sửa soạn cho học sinh bước vào ngưỡng cửa đại học. Ở những năm học này học sinh được lựa chọn những môn học thích hợp với khả năng và sở thích của mình. Chương trình học do đó, không đồng nhất, mà được thay đổi tùy theo ngành và tùy theo ban. Về ngành thì có ngành Phổ Thông, ngành Nông Lâm Súc và ngành Kỹ Thuật. Mỗi ngành lại chia làm nhiều ban. Ngành Kỹ Thuật có các ban Cơ Khí (mechanics), Điện (electricity), Điện Tử (electronics), Rèn (forging), Hàn (welding) v v ... Ngành Nông Lâm Súc có ban Canh Nông (agriculture), Lâm (forestry), và Súc (animal husbandry). Ngành Phổ Thông có các Ban A, Ban B, Ban C và Ban D. Riêng ngành phổ thông, ngành có nhiều học sinh nhất, số giờ học theo từng môn và theo từng ban được ghi rõ trong bản phân phối đính kèm. Nhìn chung ta thấy Ban A (tức ban Khoa Học Thực Nghiệm) chú trọng vào Vạn Vật, và Vật Lý – Hóa Học, Ban B (hay ban Toán) chú trọng vào Toán học và Vật Lý – Hóa Học, Ban C chú trọng vào Triết học (Tâm Lý, Luận Lý, Đạo Đức và Siêu Hình học) và Sinh Ngữ, và Ban D chuyên về Triết học và Cổ Ngữ. Về Sinh Ngữ, có sinh ngữ chính và sinh ngữ phụ. Sinh ngữ

chính có thể là Anh Ngữ hay Pháp Ngữ; sinh ngữ phụ có thể là Anh, Pháp, Đức, Nhật, Y Pha Nho, Ý. Cổ Ngữ có thể là Hán hay La Tinh. Thường thì hai Ban C và D được gọi chung là Ban Văn Chương. Các môn học trong chương trình Phổ Thông được tóm ghi như sau:

1) Quốc Văn: 3 giờ mỗi tuần cho các lớp 10 và 11 A và B; 5 giờ mỗi tuần cho các lớp 10 và 11 ban C và D. Gồm văn học sử từ khởi thủy đến 1945 (văn học bình dân truyền khẩu, văn chương chữ Nôm và văn học chữ Quốc Ngữ), giảng văn (15 tác giả và tác phẩm cho ban A và B, và 20 tác giả và tác phẩm cho ban C và D), luận văn (luận đề văn chương và luân lý).

2) Triết học: 4 giờ mỗi tuần cho các lớp 12 Ban A, 3 giờ mỗi tuần cho các lớp 12 Ban B, và 9 giờ mỗi tuần cho các lớp 12 Ban C và D. Gồm Luận Lý học và Đạo Đức học cho cả 4 Ban; Tâm Lý Học và Siêu Hình Học cho các Ban C và D, một phần Tâm Lý Học cho Ban A.

3) Công Dân: 2 giờ mỗi tuần cho các lớp 10 và 11 A, B, C, D; và 1 giờ mỗi tuần cho lớp 12 tất cả các Ban. Gồm: Quốc Gia (dân tộc, lãnh thổ, chánh phủ, hiến pháp, lập pháp, hành pháp, tư pháp), Liên Hiệp Quốc (tổ chức, UNESCO, các tổ chức khác), Phong Tục, Kinh Tế (các lý thuyết, sản xuất, thương mại, tiền tệ, ngân hàng), Chính Trị (dân chủ, chính đảng, chính thể, độc tài, phát xít, cộng sản).

4) Sử Địa: 3 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, 11, và 12 các Ban A, B, C, D. Gồm: Sử Việt Nam từ 1407 đến 1945, Sử Thế Giới từ cuối thế kỷ XVIII đến 1945 (Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Nhật, Trung Hoa, Ấn Độ, Đại Chiến Thế Giới I, Đại Chiến Thế Giới II), Địa Lý Địa Cầu, Địa Lý Việt Nam, Địa Lý Thế Giới (Hoa Kỳ, Tây Đức, Anh, Nhật, Nga Sô, Trung Hoa Lục Địa, Ấn Độ).

5) Sinh Ngữ I: 4 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, và 11 A, B; 3 giờ mỗi tuần cho lớp 12 A, B, 6 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, 11, 12 C và D. Anh Văn (English for Today, books III và IV cho Ban A và B, books IV và V cho Ban C và D), hay Pháp Văn (Cours de Langue et de Civilisation Francaise, Tome II cho Ban A và B, Tome II thêm các tác giả La Fontaine, A. Daudet, A. France, St. Exupéry, G. Duhamel cho Ban C và D).

6) Sinh Ngữ II: 4 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, và 11 A và B, 6 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, 11, 12 C. Anh Văn (English for Today, Books I và II cho Ban A và B, Books I, II, và III cho Ban C), hay Pháp Văn (Cours de Langue et de

Civilisation Francaise, Tome I cho Ban A và B, Tome I và II cho Ban C). Ban D thì học Cổ Ngữ (chữ Hán hay tiếng La Tinh).

7) Toán: 1 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, 11, 12 C, D, 4 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, 11 A, 5 giờ mỗi tuần cho lớp 12 A, 6 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, 11 B, và 9 giờ mỗi tuần cho lớp 12B. Nhiều chi tiết và nhiều phần khó cho Ban B, tổng quát hơn cho Ban A và rất hạn chế cho Ban C và D. Gồm Đại Số (phương trình bậc hai và bất bình đẳng, lô ga rít, đạo hàm và hàm số), Hình Học (hình học giải tích), Chuyển Động(véc to, vận tốc, chuyển động thẳng), Lượng Giác, Thống Kê và xác suất.

8) Vạn Vật: 1 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, 11, 12, Ban B, C, và D, 3 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, 11 Ban A, và 4 giờ mỗi tuần cho lớp 12 Ban A. Nhiều chi tiết và thí nghiệm cho Ban A, nhưng nhiều giới hạn cho các Ban B, C, và D. Gồm địa chất (geology), thực vật (botany), và động vật (animals).

9) Lý Hóa: 1 giờ mỗi tuần cho các lớp 10, 11, 12 Ban C và D, 4 giờ $\frac{1}{2}$ mỗi tuần cho các lớp 10, 11 Ban A và B, 7 giờ mỗi tuần cho lớp 12 Ban A và B. Nhiều chi tiết và nhiều phần khó cho các Ban A và B. Rất giới hạn cho các Ban C và D. Gồm Vật Lý (lực, tĩnh, nhiệt,...), Hóa Học (nguyên tử, ...).

- **Chương Trình Trung Học Tổng Hợp** (comprehensive secondary school curriculum)

7. TÀI LIỆU, DỤNG CỤ GIÁO KHOA

Phần lớn các sách giáo khoa, và một số các dụng cụ khoa học đều do Trung Tâm Học Liệu của Bộ Giáo Dục sản xuất và cung cấp với sự giúp đỡ và viện trợ của các cơ quan ngoại quốc như USAID. Ban tu thư dịch thuật với các giáo chức và các họa sĩ với chuyên môn và kỹ thuật cao đã soạn thảo trọn bộ sách bậc tiểu học tốt về nội dung cũng như hình thức. Nhiều sách dịch và tham khảo đã được duyệt và ấn loát để các học sinh và sinh viên có tài liệu tham khảo.

Ngoài ra trung tâm còn hợp tác với cơ quan quốc tế UNESCO để viết và dịch các sách nhi đồng để giúp các em hiểu biết về các nền văn hóa quanh ta và tạo sự đoàn kết giữa các nhi đồng trên thế giới. Bộ Giáo Dục cũng dành riêng ngân sách để ấn loát sách giáo khoa bậc tiểu học cho gần 30 sắc tộc khác nhau.

Để thống nhất các danh từ chuyên môn, Bộ Giáo Dục đã thiết lập Ủy Ban

Quốc Gia soạn thảo danh từ chuyên môn. Nhiều giáo sư đại học đã tham gia vào việc soạn thảo và Trung Tâm Học Liệu đã bắt đầu ấn hành những tập đầu tiên danh từ văn học và khoa học.

8. ĐÀO TẠO VÀ TU NGHIỆP GIÁO CHỨC

- **Nhà giáo Việt Nam Cộng Hòa: nhà mô phạm**

Xã hội Việt Nam có truyền thống hiếu học và trọng thầy lâu đời. Ai cũng muốn cho con mình đi học, ai cũng muốn con mình có được chút học hành. Trong xã hội xưa, muốn con đậu cao ra làm quan thì dĩ nhiên rồi, nhưng nếu không được như vậy thì ít ra cũng được một ít chữ nghĩa của thánh hiền, tức là một ít những kiến thức, những cái khôn của người xưa truyền lại. Người được đi học là người tốt, người trí thức, quân tử, người có giá trị hơn người khác. Muốn học phải có thầy. Vai trò của giáo dục lớn lao bao nhiêu thì vai trò của người làm thầy lớn lao bấy nhiêu. Trong xã hội xưa địa vị của ông thầy còn lớn hơn cả địa vị của ông cha, chỉ dưới có nhà vua mà thôi. Thành ngữ “quân, sư, phụ” đã cho thấy thứ tự quan trọng đó. Những đổi mới trong xã hội Việt Nam sau khi chuyển sang tân học tuy có làm giảm đi phần nào ảnh hưởng của Nho giáo và vị trí cao cả đặc biệt của ông thầy nhưng vẫn không làm thay đổi nhiều lòng tôn trọng, kính nể nhà giáo ở nơi học sinh và phụ huynh học sinh đối với nhà giáo. Sở dĩ như vậy là vì muốn đóng tròn vai trò “ông thầy” được sự kính nể của mọi giới trong xã hội, ông thầy phải có khả năng và đức độ, có lòng thương mến lo lắng cho học trò, có lương tâm hay ý thức sứ mạng “hồi nhân bất quyện” của mình. Ngoài cái sứ mạng dạy học ra, người làm thầy còn được xã hội trọng vọng, xem như là người đạo đức, gương mẫu ở đời. Người ta xem họ là những nhà mô phạm, tức như những người mẫu mực mà người đời, nhất là giới trẻ, cần phải lấy đó làm gương. Thời xưa người làm thầy như có phần thiên phú để nhận lãnh sứ mạng làm thầy, rồi tự mình học lấy cách làm thầy ở những ông thầy đi trước, chớ không có một trường học nào chuyên đào tạo nên những người làm thầy. Khi người Pháp sang, nền tân học ra đời thay thế cho nền nho học, một loại trường đặc biệt được thiết lập chuyên về việc đào tạo giáo chức, đó là trường Sư Phạm.

- **Trường Sư Phạm: trường đào tạo giáo chức**

Sư phạm là khuôn mẫu dạy dỗ (sư là thầy dạy, phạm là cái khuôn), hay nói nôm na ra là phương pháp, cách thức dạy học. Trường sư phạm là trường đào tạo giáo chức, là nơi người ta dạy cách thức hay phương pháp dạy học

cho những người muốn làm nghề dạy học. Có kiến thức chuyên môn sâu rộng là một việc còn biết cách dạy cho có hiệu quả là một chuyện khác. Kiến thức chuyên môn chỉ mới là điều kiện cần, phải có kiến thức sư phạm nữa mới là điều kiện đủ để trở nên nhà giáo đúng nghĩa. Người có cử nhân toán học là người có đủ kiến thức về toán để dạy học sinh ban Tú Tài, kể cả Tú Tài Toán (Ban B) chẳng hạn, nhưng nếu người đó có thêm kiến thức hay kinh nghiệm sư phạm nữa thì sự truyền đạt những kiến thức toán của mình cho học sinh càng có nhiều hy vọng có kết quả hữu hiệu hơn. Vai trò của trường sư phạm là giúp những người muốn làm thầy thu thập được những kiến thức và kinh nghiệm dạy học đó.

Trường sư phạm (école normale, hay école de pédagogie) do người Pháp du nhập vào Việt Nam hồi tiền bán thế kỷ XX, như trường sư phạm Nam Việt, trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội chẳng hạn. Thời Việt Nam Cộng Hòa, có nhiều trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học và giáo học bổ túc như Quốc Gia Sư Phạm (Sài Gòn), Sư Phạm Long An, Sư Phạm Vĩnh Long, Sư Phạm Qui Nhơn, Sư Phạm Bam Mê Thuộc, v v ..., hoặc các trường sư phạm đào tạo giáo sư trung học đệ nhất cấp hoặc đệ nhị cấp như Cao Đẳng Sư Phạm sau đổi thành Đại Học Sư Phạm (Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, Đại Học Sư Phạm Huế, Đại Học Sư Phạm Đà Lạt). Đại Học Sư Phạm một năm đào tạo giáo sư Trung Học Đệ Nhất Cấp. Đại Học Sư Phạm ba năm đào tạo giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp. Đại Học Sư Phạm gồm nhiều ban như Việt Văn, Triết, Pháp Văn, Anh Văn, Toán, Lý Hóa, Vạn Vật, Sử Địa. Trường Sư Phạm một mặt giúp các giáo sinh mở rộng kiến thức chuyên môn (học về nội dung các môn mình sẽ dạy), mặt khác giúp các giáo chức tương lai trau dồi về sư phạm (cả lý thuyết lẫn thực hành).

• **Tu Nghiệp Giáo Chức**

Tu nghiệp là cách tốt nhất để các giáo chức có cơ hội hiện đại hóa những kiến thức chuyên môn cũng như những kiến thức/kinh nghiệm sư phạm của mình. Thật ra với đà tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật ngày nay, những hiểu biết của con người ở bất cứ lãnh vực nào cũng có thể rất dễ bị lỗi thời chỉ trong một thời gian ngắn, nếu không có dịp học hỏi, cập nhật hóa những hiểu biết chuyên môn của mình. Ở địa hạt giáo dục cũng vậy, nhà giáo cần phải để thì giờ và cơ hội học hỏi thêm, cập nhật hóa những kiến thức chuyên môn của mình để không bị rơi vào tình trạng hủ hóa. Trong chiều hướng đó, Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên thường xuyên tổ chức các chương trình và lớp tu nghiệp cho các giáo chức. Với sự viện trợ của các quốc gia tiên tiến trên thế giới như Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Đức, Bộ

VHGDTN thường gửi giáo chức đi tu nghiệp ở ngoại quốc. Trong nước thỉnh thoảng vẫn có những lớp tu nghiệp hay những buổi hội thảo về giáo dục để giáo chức có dịp học hỏi, thăng tiến trong nghề nghiệp. Nha Sư Phạm và các trường sư phạm đảm trách công việc tu nghiệp ở trong nước cho các giáo chức.

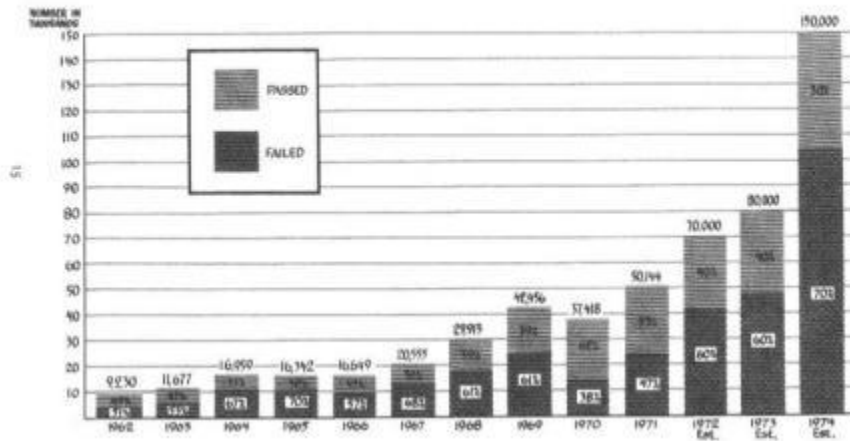
- **Đời sống và tinh thần giáo chức**

Chỉ số lương của nhà giáo tuy có khá hơn một số các ngành khác, nhưng so với mức sống của những công tư chức nói chung thì đồng lương và đời sống của nhà giáo có tính cách rất khiêm nhường. Chỉ số lương mới ra trường sư phạm của giáo viên tiểu học là 250, giáo học bổ túc hạng 5 là 320, giáo sư trung học đệ nhất cấp hạng 4 là 400, giáo sư trung học đệ nhị cấp hạng 5 là 430, hạng 4 là 470. So với các sĩ quan trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa, lương giáo sư vẫn khá hơn, vì khi bị động viên vào quân ngũ, các sĩ quan giáo sư tuy đã mất phần phụ cấp sư phạm, vẫn còn được lãnh tiền sai biệt giữa lương căn bản giáo chức và lương sĩ quan. Với số lương căn bản ấn định, cộng thêm phụ cấp sư phạm, nhà giáo ở tỉnh thời Đệ Nhất Cộng Hòa có cuộc sống khá thoải mái, có thể mượn được người làm. Sang Đệ Nhị Cộng Hòa, đời sống bắt đầu mất mở, vật giá leo thang, nhà giáo cảm thấy chật vật hơn, nhất là ở những thành phố lớn như Sài Gòn, Đà Nẵng. Tuy vậy lúc nào nhà giáo cũng vẫn giữ vững tinh thần, và tư cách nhà mô phạm, từ cách ăn mặc thật đứng đắn, đến cách ăn nói giao tiếp với phụ huynh học sinh, và cả với giới chức chính quyền địa phương. Dù gặp hoàn cảnh khó khăn đến đâu, nhà giáo cũng hết lòng với sứ mạng, vẫn làm đúng lương tâm chức nghiệp của mình.

9. LƯƠNG GIÁ VÀ THI CỬ

Figure 4

BAC II Test Volume by Pass-Fail Categories, 1962-74



Có hai lối thi để lượng giá học sinh ở bậc trung học ngoài kỳ thi tuyển vào lớp Sáu. Một là thi lục cá nguyệt ở trong lớp học và hai là dự thi lấy văn bằng ở cấp quốc gia. Thi lục cá nguyệt là kỳ thi do giáo sư dạy lớp ra đề thi, cho thi trong lớp, và chấm điểm, sắp hạng học sinh về môn của mình. Mỗi niên học có hai lần thi lục cá nguyệt. Cả bài thi và số điểm sẽ được đệ nạp trên văn phòng giám học. Trường sẽ cộng điểm các môn, dùng điểm trung bình để định việc lên lớp cho học sinh.



Thi lục cá nguyệt từ xưa đến giờ không được chú ý đúng mức. Ở trong trường cũng như ở ngoài xã hội, kể cả phụ huynh học sinh, ít người đặt nặng tầm quan trọng vào các kỳ thi lục cá nguyệt. Đây là một quan niệm sai lầm đáng tiếc. Người ta chỉ chú trọng vào các kỳ thi lấy văn bằng ở

cấp quốc gia (national examinations). Và càng về xưa càng nhiều kỳ thi, càng nhiều kỳ thi càng nhiều gạn lọc, loại bỏ dọc đường, không cho phép học sinh có cơ hội được học lên cao. Thi theo xưa là một cách chọn lọc quá khắt khe, chỉ chọn lấy toàn là người thật giỏi, thật ưu tú (elites).

Figure 7

THE ENGLISH PART OF A RECENT SAC II EXAMINATION



Trước 1960 số thí sinh còn ít và Bộ Giáo Dục còn tổ chức được rất nhiều kỳ thi như thời Pháp thuộc: thi Tiểu Học, thi vào Đệ Thất, thi Trung Học Đệ Nhất Cấp với cả hai phần thi viết và vấn đáp, thi Tú Tài I (viết và vấn đáp), thi Tú Tài II (viết và vấn đáp). Tú Tài I và II lại có hai kỳ, kỳ I và II cho mỗi năm. Sang thập niên 1950 kỳ thi Tiểu Học được bãi bỏ, Trung Học Đệ Nhất Cấp chỉ có thi viết thôi, không còn vấn đáp, và sau đó, trong thập niên 1960, cũng bỏ luôn Trung Học Đệ Nhất Cấp nhưng lại tổ chức kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp Tráng Niên cho một ít người lớn tuổi. Đến năm 1973 kỳ thi Tú Tài I cũng được bãi bỏ chỉ còn giữ kỳ thi Tú Tài II xem như kỳ thi tốt nghiệp bậc Trung Học. Cách thức làm đề thi khi xưa là đánh máy một ít đề thi rồi giao cho giám thị phòng chép tay trên bảng. Sang đầu thập niên 1960 đề thi mới được in ronéo ra nhiều bản để phát cho mỗi thí sinh một bản đề thi. Đề thi làm theo lối luận đề (essay type), đặt câu hỏi để thí sinh phải viết câu trả lời dài dòng. Lối ra đề thi này rất chủ quan,

giới hạn các câu hỏi trong một số rất ít chủ điểm, đòi hỏi học sinh phải học thuộc lòng rất nhiều để có thể viết lại kịp thời những gì đã học trong sách vở. Với lối ra đề thi như vậy người ta không thể nào khảo sát được một cách khách quan và tổng thể sự thu nhận và hiểu biết của học sinh về những môn quan trọng trong chương trình học. Đề thi và cách chấm thi theo lối này dễ đưa tới việc học sinh học tủ, đánh bừa, chép bài, và giám khảo chấm bừa (thủ vĩ ngâm), tìm bài và nâng điểm. Hồ sơ thi cử như ghi danh, làm phiếu báo danh, sổ điểm, ghi điểm, cộng điểm, v.v... tất cả đều làm bằng tay và khi thí sinh quá đông thì không tránh được những sơ sót, và đúng ra cũng không còn cách nào làm nổi nếu theo cách làm cổ điển này. Các kỳ thi kéo dài hết cả mùa hè và các giáo sư dạy lớp thi phải đi gác thi, chấm thi luôn, không còn thì giờ nghỉ ngơi hay làm việc gì khác. Cái hại nhất của các kỳ thi là giới hạn rất nhiều số người thi đậu, gạn lọc quá nhiều học sinh không để cho có nhiều học sinh tiến lên các cấp cao ở trên. Một trăm học sinh khi xong Tiểu học chỉ còn không đầy 50 em được vào Trung học công lập, một số khác phải vào tư thục nếu gia đình có tiền. Trong số 50 em này sau khi xong Trung Học Đệ Nhất Cấp chỉ còn khoảng 20 em vào Đệ Tam rồi Đệ Nhị và dự thi Tú Tài I. Xong Tú Tài I còn không đầy 10 người lên học thi Tú Tài II. Thường thì hầu hết những người đậu xong Tú Tài I đều sẽ đậu Tú Tài II sau đó. Thành ra tính trung bình không hơn 10% học sinh vào trung học được tốt nghiệp trung học. Thật là phi lý khi rất nhiều học sinh phải mất thì giờ học bao nhiêu năm, chính phủ phải tốn bao nhiêu tiền bạc để lo cho họ đi học rồi rốt lại chỉ một hai ngày thi cử họ đã phải vứt bỏ hết bao nhiêu công lao, tiền bạc của công cũng như của tư. Cần phải có sự cải tổ về thi cử để cải tiến hệ thống lượng giá và đo lường trình độ học vấn của học sinh và để đương đầu với áp lực của sĩ số mỗi ngày một gia tăng nhanh chóng. Thi lấy văn bằng ở cấp quốc gia quan trọng nhất là thi Tú Tài I và Tú Tài II. Nam sinh thi rớt Tú Tài I là phải nhập ngũ, đi lính. Nếu có Tú Tài I mà nhập ngũ thì được đi khóa sĩ quan. Từ đầu thập niên con số thí sinh dự thi Tú Tài gia tăng rất nhiều, việc tổ chức thi cử theo lối cũ (theo lối của Pháp) không giải quyết nổi vấn đề làm hồ sơ khảo thí, đánh mật mã, cắt phách, chấm thi, cộng điểm, sắp hạng, làm chứng chỉ trúng tuyển, v.v... tất cả những công việc đó không còn làm bằng tay theo lối cổ điển được nữa. Nhất là khi bãi bỏ kỳ thi Tú Tài I thì số thí sinh dự thi Tú Tài II sẽ gia tăng gần gấp đôi trong năm 1974. Vả lại thi theo lối cũ, lối luận đề (essay type) có tính cách chủ quan và một số những khuyết điểm của nó trong vấn đề lượng giá. Thi trắc nghiệm khách quan theo lối Mỹ tuy không phải là toàn mỹ

nhưng vẫn có nhiều ưu điểm hơn trong vấn đề lượng giá một cách khách quan, khoa học, và có thể tránh được những gian lận thi cử. Để kịp thời đối phó với tình trạng gia tăng quá nhanh, và để cải tiến vấn đề lượng giá cho đúng mức, một hội đồng cải tổ thi cử được thành hình từ tháng 11 năm 1972, và ráo riết làm việc để hoàn tất công cuộc đổi mới áp dụng trong kỳ thi Tú Tài năm 1974 (khóa I thi ngày 26 và 27 tháng 6, và khóa II ngày 28 và 29 tháng 8). Đây là kỳ thi Tú Tài theo lối trắc nghiệm khách quan lần đầu tiên và cũng là lần sau cùng ở Nam Việt Nam.



Về giấy tờ thủ tục, đầu thập niên 1970 Nha Khảo thí đã ký khế ước với công ty IBM để điện toán hóa toàn bộ hồ sơ thí vụ, từ việc ghi danh, làm phiếu báo danh, chứng chỉ trúng tuyển, đến các con số thống kê cần thiết. Đề thi trắc nghiệm khách quan thì cũng đã được đem vào các kỳ thi Tú Tài I và II cho môn Công Dân – Sử Địa từ niên khóa 1965-66. Nhưng phải đến năm 1974 thì toàn bộ các môn thi trong kỳ thi Tú Tài mới gồm toàn những câu trắc nghiệm khách quan có nhiều lựa chọn (multiple choice). Các vị thanh tra trong ban soạn đề thi đều có đi dự lớp huấn luyện về cách thức soạn câu hỏi, thử nghiệm các câu hỏi với trên 1,800 học sinh ở nhiều nơi, phân tích câu trả lời (làm item analysis) của học sinh để định độ khó (difficulty index; độ khó ở đây là .60) của câu hỏi và trả lời để lựa chọn hoặc điều chỉnh câu trắc nghiệm cho thích hợp.



Tín độ (reliability; hệ số tín độ của các bài trắc nghiệm ở đây là từ .91 đến .94) và hiệu độ (validity; hệ số hiệu độ của các bài trắc nghiệm ở đây là từ .60 đến .73) của bài trắc nghiệm được tính theo đúng phương pháp thống kê khoa học. Bảng trả lời được đặt từ Mỹ, và bài làm của thí sinh được chấm bằng máy IBM 1230; điểm chấm xong từ máy chấm được chuyển sang máy 534 (punching machine) để đục lỗ. Những phiếu đục lỗ này (punched cards) được đưa vào máy IBM 360 để đọc điểm, nhân hệ số, cộng điểm, tính điểm trung bình (mean), độ lệch tiêu chuẩn (standard deviation), chuyển điểm thô (raw score) ra điểm tiêu chuẩn (standard score), tính percentile và thứ hạng trúng tuyển. Nhóm mẫu (sample) và nhóm định chuẩn (Norm group) được lựa chọn kỹ càng theo đúng phương pháp khoa học của thống kê học, để tính điểm trung bình và độ lệch tiêu chuẩn.



Photograph 5. Officials at a testing center break the seal on a package of test booklets only minutes before the test and numbered answer sheets were distributed to the candidates.

Tổng số thí sinh ghi tên trong khóa I, 1974 là 142, 356, nhưng thật sự dự thi chỉ có 129, 406. Trong số này có 53, 868 thi đậu (41.6%) và 75, 538 thí sinh không đậu (58.4%). Tổng số thí sinh ghi tên dự thi khóa II là 94,606, nhưng thật sự dự thi chỉ có 76,494. Trong số này có 8,607 thi đậu (11.3%) và 67,887 không đậu (88.7%). Số người thi đậu Tú Tài (tốt nghiệp Trung học) nhiều hơn xưa nhiều lắm (hơn 45% cho cả hai khóa, so với khoảng 10% trong những thập niên trước). Kỳ thi quốc gia không còn có mục đích gạn lọc, loại bỏ như xưa nữa. Từ đó sẽ có nhiều người có cơ hội được học đại học, và nước nhà sẽ có nhiều người ở trong thành phần trí thức, trình độ dân trí sẽ được nâng cao hơn. Tiếc rằng con đường tốt đẹp đó đã không còn được tiếp diễn sau 1975, khi chế độ toàn trị của cộng sản được áp đặt lên Miền Nam Tự Do.

10. TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Sự phát triển nhanh chóng của nền giáo dục quốc gia thời Đệ Nhị Cộng Hòa đòi hỏi nhiều cải tiến ở trung ương và địa phương để bộ máy điều hành có thể làm việc hữu hiệu. Hồi thời Pháp thuộc số trường Tiểu Học và Trung học còn rất ít nên bộ máy hành chính được tổ chức đơn sơ, giản dị. Toàn quốc chỉ có một Tổng Giám Đốc Học Chánh (Directeur Général de L'Instruction Publique) trông coi, và dưới đó ở mỗi miền có một Giám Đốc Học Chánh (Directeur de l'Instruction Publique). Dưới mỗi miền, có thanh tra liên tỉnh (inspecteur interprovincial) hay thanh tra tỉnh (inspecteur provincial) để đôn đốc, kiểm soát về học vụ ở địa phương. Từ Đệ Nhất Cộng Hòa, khi số trường Tiểu học và Trung học tăng lên nhiều

thì Bộ Giáo Dục có cả một Tổng Nha đặc trách về vấn đề học vụ trung-tiểu học. Đó là Tổng Nha Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục do một Tổng Giám Đốc điều khiển. Tổng Nha TTHBDGD đặt tại số 7 đường Nguyễn Bình Khiêm, giữa trường Trưng Vương và trường Võ Trường Toản, gồm có Nha Trung Học, Nha Tiểu Học, Nha Tư Thục, Sở Khảo Thí, và Ban Thanh Tra Soạn Đề Thi. Ở địa phương, mỗi tỉnh có một Ty Tiểu Học để quản trị tất cả các trường Tiểu Học trong tỉnh. Nhưng tất cả các trường Trung học ở Sài Gòn, ở các tỉnh lỵ và quận lỵ đều phải đi thẳng về Nha Trung Học ở tại Tổng Nha về phương diện hành chánh. Khi số trường Trung học gia tăng quá nhiều thì Nha Trung Học không còn hữu hiệu trong việc trực tiếp điều hành tất cả các trường trong lãnh vực của mình. Ở tại tỉnh ông hiệu trưởng trường trung học tỉnh lỵ còn kiêm luôn việc kiểm soát các trường bán công và tư thục khi cần, và đại diện Nha Trung Học bên tòa hành chánh tỉnh về học vụ trung học. Sự bẽ bộn công việc của ông hiệu trưởng trung học tỉnh lỵ, sự tách rời công việc giáo dục ở tỉnh giữa trung và tiểu học, cùng với sự bao gồm sinh hoạt văn hóa và thanh niên về Bộ Giáo Dục đòi hỏi phải cải tổ cơ quan giáo dục địa phương cũng như ở trung ương.

Ở trung ương từ tháng 6 năm 1971, Bộ Giáo Dục được mở rộng thành Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên. Cơ quan đầu não của Bộ VHGD TN lúc này gồm:

Một Tổng Trưởng, một Thứ Trưởng, 4 Phụ Tá Đặc Biệt ngang hàng Thứ Trưởng: (1) Phụ Tá Đặc Biệt Đặc Trách Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục, (2) Phụ Tá Đặc Biệt Đặc Trách Văn Hóa, (3) Phụ Tá Đặc Biệt Đặc Trách Thanh Niên, và (4) Phụ Tá Đặc Biệt Đặc Trách Kế Hoạch. Điều hành Văn phòng cơ quan đầu não có Đồng Lý Văn Phòng (chức vụ này bị bãi bỏ từ 1974), Chánh Văn Phòng của Tổng Trưởng, Chánh Văn Phòng của Thứ Trưởng, Bí Thư của Tổng Trưởng, Bí Thư của Thứ Trưởng, Tham Chánh Văn Phòng của Tổng Trưởng, các Công Cán Ủy Viên của Tổng Trưởng, Thứ Trưởng, Phụ Tá Đặc Biệt, và một số Thanh Tra Đặc Biệt tại Bộ.

Tổng Thư Ký và Phó Tổng Thư Ký của Bộ trông coi khối điều hành ở trung ương với 13 Nha, 1 Sở và 1 Trung Tâm: (1) Nha Sưu Tầm Nghiên Cứu Giáo Dục (Educational Research and Documentation), (2) Nha Kế Hoạch Pháp Chế (Educational Programming and Legislation), (3) Nha Học

Chánh (Educational Administration), (4) Nha Sinh Hoạt Học Đường (School Activities), (5) Nha Sinh Hoạt Văn Hóa (Cultural Activities), (6) Nha Sinh Hoạt Thanh Niên (Youth Activities), (7) Nha Công Tác Quốc Tế (International Activities), (8) Nha Sư Phạm và Tu Nghiệp (Pre and In-Service Training), (9) Nha Khảo Thí (Examinations), (10) Nha Y Tế Học Đường (School Health and Social Welfare), (11) Nha Nhân Viên (Personnel), (12) Nha Tài Chánh (Finance), (13) Nha Tạo Tác (Construction and Logistic), (14) Sở Văn Thư (Service of Administration), và (15) Trung Tâm Học Liệu (Instructional Material Production Center). Thanh Tra Đoàn được thành lập tại Trung Ương, bên cạnh khối điều hành của Tổng Thư Ký.

Tổng Nha Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục được giải tán và tất cả các phần vụ thuộc Tổng Nha được đưa về Bộ dưới sự điều khiển trực tiếp của Phụ Tá Đặc Biệt Đặc Trách Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục.

Ở địa phương, năm 1972 Bộ VHGDĐT thiết lập 4 Khu Học Chánh để đại diện Bộ bên cạnh các quân khu, và đôn đốc kiểm soát, giúp đỡ công việc văn hóa giáo dục và thanh niên ở các tỉnh thuộc phạm vi quân khu mình. Đây là một cơ quan mới nhưng hoạt động rất hữu hiệu. Mỗi khu vực có những đặc tính của nó. Khu học chánh rất thích hợp với việc nghiên cứu để hiểu rõ môi trường và nhu cầu giáo dục của mỗi vùng để từ đó linh động chương trình dạy dỗ cũng như phát triển theo hoàn cảnh của mỗi nơi. Rất tiếc là vì ngân sách eo hẹp và vì nhu cầu cải tổ công vụ của toàn quốc nên Khu Học Chánh đã bị giải tán sau hơn một năm hoạt động. Tại mỗi tỉnh, Bộ VHGDĐT cho thiết lập một Sở Học Chánh để phụ trách tất cả các công việc liên hệ tới văn hóa giáo dục trong tỉnh. Ty Tiểu Học được sát nhập vào Sở Học Chánh. Bộ VHGDĐT quan niệm cơ quan học chánh địa phương (ở mỗi tỉnh) phải có tầm hoạt động và địa vị rất quan trọng (hơn một Ty như các ty khác ở trong tỉnh), cho nên đã nâng lên thành Sở.

Thật sự Bộ VHGDĐT, nhất là ngành Trung Tiểu Học, muốn rằng Sở Học Chánh, tuy vẫn phải nằm trong tỉnh, nhưng được nhiều ưu thế hoạt động chuyên môn hơn các cơ quan khác ở tỉnh, để công việc giáo dục được nhiều độc lập được chừng nào hay chừng ấy, càng ít bị áp lực của địa phương chừng nào hay chừng nấy, tương tự như tổ chức school district

của Mỹ, không bị sự chi phối của cơ quan hành chính địa phương. Tham vọng của Bộ là muốn thấy tình yểm trợ thật mạnh cho giáo dục nhưng đừng chen vào, đừng áp lực trên giáo dục. Bộ muốn làm Sở ở tỉnh là như vậy. Tuy nhiên tình trạng của đất nước lúc này không cho phép, và công cuộc cải tổ công vụ trên toàn quốc đã đưa đến quyết định đem Sở Học Chánh xuống thành Ty Văn Hóa Giáo Dục tại địa phương từ 1974. Trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa lúc này có 50 Ty Văn Hóa Giáo Dục đặt tại 48 tỉnh lỵ và 2 thị xã.

Từ 1955 đến 1975, trong hai mươi năm này nền giáo dục của Việt Nam Cộng Hòa đã phát triển vô cùng nhanh chóng mặc dù quốc gia phải đương đầu với những khó khăn của cuộc chiến khi nóng khi lạnh chống lại chủ nghĩa Cộng Sản và những bất ổn chính trị xảy ra rất thường ở Miền Nam. Phần thì ngân sách eo hẹp (chỉ vào khoảng từ 7% đến 7.5% ngân sách quốc gia; quốc phòng trên 40%, nội vụ khoảng 13%) vì phải dành phần lớn cho an ninh quốc phòng, phần thì bị Cộng Sản tích cực phá hoại, phần thì bị những bất ổn chính trị nội bộ, nhưng tất cả những khó khăn đó đều được vượt qua để đạt những kết quả hết sức khả quan so với nền giáo dục của Cộng Sản ở Bắc Việt cùng trong thời gian này. Kết quả tốt đẹp đó sở dĩ có được là nhờ ở thành tâm thiện chí với những nỗ lực không ngừng của rất nhiều người làm giáo dục cùng sự yểm trợ hết sức tích cực của mọi giới dân, quân, cán, chính Việt Nam Cộng Hòa.



GS Nguyễn Thanh Liêm, Thứ Trưởng Giáo Dục, trong một buổi họp hội đồng nội các ngày 15-4-1975

Nguồn: <https://petruskyaus.net/giao-duc-o-nam-vn-tu-dau-thap-nien-1970-den-1975-nguyen-thanh-liem/>